

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020 – 2024)
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT - BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Kạn tại Tờ trình số 399a/TTr - STNMT ngày 18 tháng 12 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020 - 2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và những quy định cụ thể khi áp dụng bảng giá đất (*có Bảng giá đất và những quy định cụ thể khi áp dụng bảng giá đất kèm theo*).

Điều 2. Bảng giá đất được áp dụng trong 05 năm, bắt đầu thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến 31 tháng 12 năm 2024, làm căn cứ trong các trường hợp pháp luật quy định để thực hiện quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Điều 4. Chánh văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân tỉnh; Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể của

tin; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị sản xuất kinh doanh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (B/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, KTTCKT, NCPC (Hiện).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lý Thái Hải



BẢNG GIÁ ĐẤT

ĐỊNH KỲ 05 NĂM (2020 - 2024) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Bản hành) kèm theo Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND

ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT CHUYÊN TRỒNG LÚA NƯỚC

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	LUC	70.000
	HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Chợ Mới, xã Yên Định và xã Thanh Bình	LUC	65.000
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	LUC	50.000
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cốc, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	LUC	45.000
	HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	LUC	65.000
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	LUC	60.000
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lãng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sảo, Đông Lạc, Đông Viên, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Phong Huân, Quảng Bạch, Rã Bản, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Yên Thịnh, Yên Thượng	LUC	50.000
	HUYỆN NA RÌ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	LUC	55.000
2	Giá đất các xã: Kim Lư, Lương Hạ	LUC	45.000
3	Giá đất các xã: Ân Tình, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Đông Xá, Dương Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Kim Hỷ, Lam Sơn, Lạng San, Liêm Thủy, Lương Thành, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Học, Văn Minh, Vũ Loan, Xuân Dương	LUC	40.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
HUYỆN BẠCH THÔNG			
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	LUC	70.000
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Phương Linh, Quân Bình, Quang Thuận, Tân Tiến, Tú Trĩ, Hà Vị, Lục Bình, Vi Hương	LUC	60.000
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	LUC	50.000
HUYỆN BA BÈ			
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	LUC	60.000
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Cao Trĩ, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	LUC	55.000
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê	LUC	50.000
HUYỆN NGÂN SƠN			
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	LUC	60.000
2	Giá đất các xã: Bằng Vân, Lãng Ngâm	LUC	50.000
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hương Nê, Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	LUC	45.000
HUYỆN PÁC NẠM			
1	Giá đất xã Bộc Bó	LUC	55.000
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	LUC	46.000
3	Giá đất các xã: An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	LUC	45.000

II. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY HẰNG NĂM

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
THÀNH PHỐ BẮC KẠN			
1	Giá đất các xã, phường		

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	60.000
	- Đất trồng lúa nương	LUN	30.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	70.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	30.000
HUYỆN CHỢ MỚI			
1	Giá đất thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh và xã Thanh Bình		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	20.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	55.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	20.000
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	45.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vện, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	40.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	40.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
HUYỆN CHỢ ĐÒN			
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	20.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	55.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	20.000
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	45.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lăng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sảo, Đồng Lạc, Đông Viên, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Phong Huân, Quảng Bạch, Rã Bản, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Yên Thịnh, Yên Thượng		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	40.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	12.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	40.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	12.000
HUYỆN NA RÌ			
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	50.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	20.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	50.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	20.000
2	Giá đất các xã: Kim Lư, Lương Hạ		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	43.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	11.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	40.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	11.000
3	Giá đất các xã: Ân Tình, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Đồng Xá, Dương Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Kim Hỷ, Lam Sơn, Lạng Sơn, Liêm Thủy, Lương Thành, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Học,		

 Tên đơn vị hành chính		Mã hiệu	Giá đất
	Vũ Loan, Xuân Dương		
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	35.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	10.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	30.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	10.000
HUYỆN BẠCH THÔNG			
1	Giá đất thị trấn Phù Thông		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55.000
1.2	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	55.000
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Phương Linh, Quân Bình, Quang Thuận, Tân Tiến, Tú Trĩ, Hà Vị, Lục Bình, Vi Hương		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	50.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	50.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyên Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	45.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
HUYỆN BA BÈ			
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	20.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	55.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	20.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Cao Trĩ, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	50.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	50.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	12.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	45.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	12.000
HUYỆN NGÂN SƠN			
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng		
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	55.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	20.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	55.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	20.000
2	Giá đất các xã: Bằng Vân, Lãng Ngâm		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	45.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	15.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	45.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	15.000
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hương Nê, Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	40.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	12.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	40.000



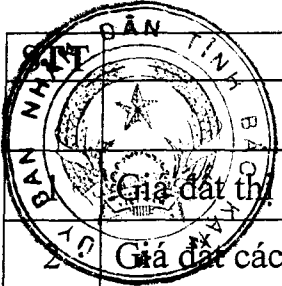
Tên đơn vị hành chính		Mã hiệu	Giá đất
Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác		NHK	12.000
HUYỆN PÁC NẠM			
Giá đất xã Bộc Bó			
1.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	43.000
1.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	12.000
1.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	50.000
1.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	12.000
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La		
2.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	40.000
2.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	11.000
2.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	40.000
2.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	11.000
3	Giá đất các xã: An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng		
3.1	- Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	35.000
3.2	- Đất trồng lúa nương	LUN	10.000
3.3	- Đất bằng trồng cây hằng năm khác	BHK	35.000
3.4	- Đất nương rẫy trồng cây hằng năm khác	NHK	10.000

III. BẢNG GIÁ ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
THÀNH PHỐ BẮC KẠN			
1	Giá đất các xã, phường	CLN	50.000
HUYỆN CHỢ MỚI			
1	Giá đất thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh và xã Thanh Bình	CLN	40.000
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	CLN	35.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vân, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	CLN	30.000
HUYỆN CHỢ ĐỒN			
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	CLN	40.000
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	CLN	35.000
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lãng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sảo, Đông Lạc, Đông Viên, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Phong Huân, Quảng Bạch, Rã Bản, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Yên Thịnh, Yên Thượng	CLN	30.000
HUYỆN NA RÌ			
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	CLN	40.000
2	Giá đất vùng 02 đối với các xã: Kim Lư, Lương Hạ	CLN	30.000
3	Giá đất các xã: Ân Tình, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Đồng Xá, Dương Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Kim Hỷ, Lam Sơn, Lạng Sơn, Liêm Thủy, Lương Thành, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Học, Văn Minh, Vũ Loan, Xuân Dương	CLN	25.000
HUYỆN BẠCH THÔNG			
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	CLN	55.000
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Phương Linh, Quân Bình, Quang Thuận, Tân Tiến, Tú Trĩ, Hà Vị, Lục Bình, Vi Hương	CLN	50.000
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	CLN	40.000
HUYỆN BA BỂ			
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	CLN	45.000
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Cao Trĩ, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	CLN	40.000
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê	CLN	35.000



	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	HUYỆN NGÂN SƠN		
	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	CLN	50.000
	Giá đất các xã: Bằng Vân, Lãng Ngâm	CLN	40.000
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hương Nê, Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	CLN	35.000
	HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bó	CLN	30.000
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	CLN	20.000
3	Giá đất các xã: An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	CLN	15.000

IV. BẢNG GIÁ ĐẤT RỪNG SẢN XUẤT

Đơn vị tính: Đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	RSX	15.000
	HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Chợ Mới, xã Yên Định và xã Thanh Bình	RSX	10.000
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	RSX	8.000
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	RSX	6.000
	HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	RSX	10.000
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	RSX	8.000
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lãng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sảo, Đồng Lạc, Đông Viên, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Phong Huân, Quảng Bạch, Rã Bản, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Yên Thịnh, Yên Thượng	RSX	6.000
	HUYỆN NÀ RỊ		

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	RSX	10.000
2	Giá đất các xã: Kim Lư, Lương Hạ	RSX	7.500
3	Giá đất các xã: Ân Tình, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Đồng Xá, Dương Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Kim Hỷ, Lam Sơn, Lạng Sơn, Liêm Thủy, Lương Thành, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Học, Văn Minh, Vũ Loan, Xuân Dương	RSX	5.500
HUYỆN BẠCH THÔNG			
1	Giá đất thị trấn Phủ Thông	RSX	10.000
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Phương Linh, Quân Bình, Quang Thuận, Tân Tiến, Tú Trĩ, Hà Vị, Lục Bình, Vi Hương	RSX	9.000
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	RSX	8.000
HUYỆN BA BÈ			
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	RSX	12.000
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Cao Trĩ, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	RSX	10.000
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Quảng Khê	RSX	8000
HUYỆN NGÂN SƠN			
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	RSX	8.000
2	Giá đất các xã: Bằng Vân, Lãng Ngâm	RSX	6.000
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hương Nê, Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	RSX	5.000
HUYỆN PÁC NẠM			
1	Giá đất xã Bộc Bó	RSX	7.000
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	RSX	6.000
3	Giá đất các xã: An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	RSX	5.000

**BẢNG GIÁ ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**Đơn vị tính: Đồng/m²

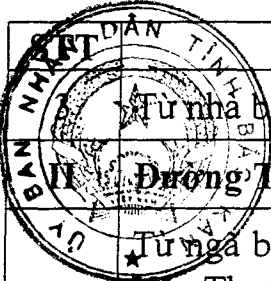
	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN		
1	Giá đất các xã, phường	NTS	50.000
	HUYỆN CHỢ MỚI		
1	Giá đất thị trấn Chợ Mới, xã Yên Định và xã Thanh Bình	NTS	40.000
2	Giá đất các xã: Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	NTS	30.000
3	Giá đất các xã: Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	NTS	25.000
	HUYỆN CHỢ ĐỒN		
1	Giá đất thị trấn Bằng Lũng	NTS	55.000
2	Giá đất các xã: Ngọc Phái, Phương Viên	NTS	45.000
3	Giá đất các xã: Bản Thi, Bằng Lãng, Bằng Phúc, Bình Trung, Đại Sào, Đồng Lạc, Đông Viên, Lương Bằng, Nam Cường, Nghĩa Tá, Phong Huân, Quảng Bạch, Rã Bản, Tân Lập, Xuân Lạc, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Yên Thịnh, Yên Thượng	NTS	40.000
	HUYỆN NA RỊ		
1	Giá đất thị trấn Yên Lạc	NTS	50.000
2	Giá đất các xã: Kim Lư, Lương Hạ	NTS	30.000
3	Giá đất các xã: Ân Tình, Côn Minh, Cư Lễ, Cường Lợi, Đồng Xá, Dương Sơn, Hào Nghĩa, Hữu Thác, Kim Hỷ, Lam Sơn, Lạng Sơn, Liêm Thủy, Lương Thành, Lương Thượng, Quang Phong, Văn Học, Văn Minh, Vũ Loan, Xuân Dương	NTS	25.000
	HUYỆN BẠCH THÔNG		
1	Giá đất thị trấn Phú Thông	NTS	55.000
2	Giá đất các xã: Cẩm Giàng, Phương Linh, Quân Bình, Quang Thuận, Tân Tiến, Tú Trĩ, Hà Vị, Lục	NTS	50.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Mã hiệu	Giá đất
	Bình, Vi Hương		
3	Giá đất các xã: Cao Sơn, Đôn Phong, Mỹ Thanh, Nguyễn Phúc, Sỹ Bình, Vũ Muộn, Dương Phong	NTS	45.000
	HUYỆN BA BÈ		
1	Giá đất thị trấn Chợ Rã	NTS	55.000
2	Giá đất các xã: Bành Trạch, Cao Trĩ, Chu Hương, Địa Linh, Hà Hiệu, Khang Ninh, Mỹ Phương, Thượng Giáo, Yên Dương, Phúc Lộc	NTS	50.000
3	Giá đất các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê	NTS	45.000
	HUYỆN NGÂN SƠN		
1	Giá đất thị trấn Nà Phặc và xã Vân Tùng	NTS	55.000
2	Giá đất các xã: Bằng Vân, Lãng Ngâm	NTS	45.000
3	Giá đất các xã: Cốc Đán, Đức Vân, Hương Nê, Thuận Mang, Thượng Ân, Thượng Quan, Trung Hòa	NTS	40.000
	HUYỆN PÁC NẠM		
1	Giá đất xã Bộc Bô	NTS	35.000
2	Giá đất các xã: Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	NTS	30.000
3	Giá đất các xã: An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	NTS	25.000

VI. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ


Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG ĐỨC XUÂN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	20.000
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	19.000



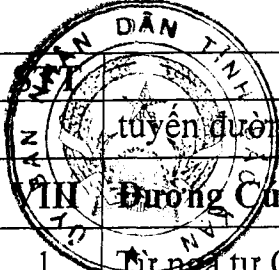
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	19.000
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	22.000
III	Đường Hùng Vương	18.000
IV	Đường Trần Hưng Đạo	18.000
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	8.000
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	7.000
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	6.000
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	3.500
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp phường Phùng Chí Kiên)	8.000
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tổ 1A	2.000
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	3.000
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến ngã ba Vịnh Ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	2.500
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tổ 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	2.500
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	2.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	1.500
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn	5.000
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	9.000
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	2.500
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	2.500
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	7.000
7	Ngõ 9, Đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	5.000
8	Đường song song với Đường Trường Chinh	8.000
9	Các tuyến dân cư Tổ 1B, 2, 3	1.500
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng trúc cũ)	1.700
11	Tuyến đường Hầm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hầm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	1.500
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11,5m	4.500
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13,5m	5.000
12.3	Ngõ 59, Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	7.000
12.4	Đường 11,5m bao quanh Chợ Đức Xuân	6.000
13	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	4.000



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các trục đường nội bộ còn lại	3.000
	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	3.000
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	3.500
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận Phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	11.000
16.2	Tuyến đường Dương Mạc Hiếu	11.000
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	6.000
16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	3.000
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dược phẩm cũ)	5.000
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	6.000
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tổ 7A	3.500
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B, Tổ 12	700
20.2	Tổ 4, Tổ 9A, Tổ 11C	1.500
20.3	Tổ 8A, Tổ 10A	1.700
20.4	Tổ 7A, Tổ 5, Tổ 6	2.000
20.5	Khu dân cư Tổ 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	1.500
20.6	Các khu vực còn lại	700
21	Tuyến đường trên mặt công hợp từ Tổ 1B, Tổ 2 (từ đường đi Ngầm Bắc Kạn đến giáp Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Bắc Kạn)	1.700
22	Tuyến đường trên mặt công hợp suối Tổ 5, Tổ 6	3.500
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường)	19.000
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường) đến hết Đường Võ Nguyên	17.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Giáp	
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	9.000
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244	8.000
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	7.000
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52, tờ 47)	6.000
2	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52, tờ 47) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	5.000
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	22.000
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận Phường Đức Xuân	8.000
VI	Đường nội bộ Khu dân cư 244 (khu A + khu B)	5.000
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận Phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	11.000
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	11.000
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11,5m	6.000
4	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	6.000
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16,5m	8.000
6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các	3.000



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	tuyến đường bao quanh)	
	Đường Cứu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phượng	5.000
2	Từ hết đất quán Dũng Phượng đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	1.500
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	5.000
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	3.000
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	5.000
3	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	3.000
4	Đường nhánh Tổ 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	800
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Cần	800
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Cần đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	600
5	Đường nhánh Tổ 4: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhị	1.200
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	2.000
7	Đường nhánh Tổ 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	2.000
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	2.000
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	600
8	Đường nhánh Tổ 7	
8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	800
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng	800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Thị Sơn (thửa 33, tờ bản đồ số 16)	
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hử	500
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yên	600
9	Đường nhánh Tổ 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tổ đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	1.000
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	1.000
10	Đường nhánh Tổ 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1.700
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	1.000
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	800
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuần và ông Nguyễn Thành Nam	600
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	800
10.6	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	600
10.7	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	600
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hưởng đến giáp đất ông Bùi Quốc Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	600
11	Đường nhánh Tổ 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	1.000
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hạ Thị Sự	1.200



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo hiểm xã hội tỉnh	1.200
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	1.000
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	600
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	1.200
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	600
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	1.000
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	1.000
11.10	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi	600
11.11	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết Nguyễn Văn Huỳnh	700
12	Đường nhánh Tổ 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	1.000
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng Thắm	600
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cương đến hết đất bà Trịnh Thị Thùy	600
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	1.400
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	600
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	600
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	1.300
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm	800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Huấn luyện Công an tỉnh	
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	600
12.10	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yên đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	600
12.11	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	600
12.12	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	1.100
12.13	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm Phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	1.000
13	Đường nhánh Tổ 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	1.300
13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	600
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	800
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	600
14	Đường nhánh Tổ 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	500
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đồng đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	600
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	1.500
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Diệt	1.000
14.5	Từ hết đất ông Bùi Viết Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	700
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bé Ngọc Phúc	700
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Nghĩa	900



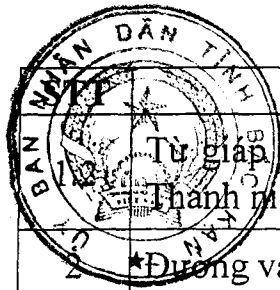
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	700
14.9	Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng, ông Nguyễn Văn Minh Đắc, bà Lê Thị Cây (cũ)	600
14.10	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết bà Vũ Thị Kim Oanh	600
14.11	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	600
15	Đường dọc hai bên suối Tổ 8A, Tổ 8B, Tổ 9	1.200
16	Các khu vực còn lại	400
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ Cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	3.000
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	14.000
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	12.000
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phủ Thông	10.000
3	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phủ Thông đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	9.000
3.2	Từ công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	7.000
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	5.000
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tụng đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	3.000
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	7.000
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	3.000
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tổ 11 đến hết đất Phường	2.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Nguyễn Thị Minh Khai	
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	2.000
5	Đoạn cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	1.500
6	Từ cách lộ giới đường quốc lộ 3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.500
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường đến hết đất ông Hà Phúc Trọng	1.200
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	1.200
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tổ 9	3.200
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	2.000
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 11,5m	2.000
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 6,0m	1.500
13	Các vị trí còn lại của Tổ 4, Tổ 5	700
14	Bru điện phường Nguyễn Thị Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	1.500
14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	2.000
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17, Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.500
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15, 16, 17	800
18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn	1.700



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Toàn Tổ 15	
	Đường trong khu dân cư Nhà Cốc	2.000
20	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	700
21	Đường rẽ vào Tãng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến thắng Phủ Thông là 20m)	600
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngầm Bắc Kạn	2.000
23	Các vị trí còn lại của Tổ 7, 8, 9	700
24	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	1.500
25	Khu vực còn lại Tổ 6	750
26	Các vị trí còn lại của Tổ: 11, 12, 13, 14	600
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến cổng phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	3.000
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tổ 10	2.000
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	2.000
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến cổng trường Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	2.500
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	3.200
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	3.400
32	Các khu vực còn lại	700
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	20.000
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	19.000
II	Đường Hùng Vương	16.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	13.000
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	9.000
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	7.000
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	8.000
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tinh đoàn	6.000
3	Từ tiếp đất Tinh đoàn đến hết đường Thanh niên	4.500
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	5.000
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đinh Thị Loan	3.000
3	Từ đất bà Đinh Thị Loan đến Cầu Đen	5.000
VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ Cầu Đen đến hết đất Cửa hàng xăng dầu số 91	4.000
2	Từ hết đất Cây xăng Thương nghiệp đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	3.000
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	3.000
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cảnh	3.500
5	Từ đất ông Vũ Đức Cảnh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	1.500
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	700
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	5.000
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	6.000



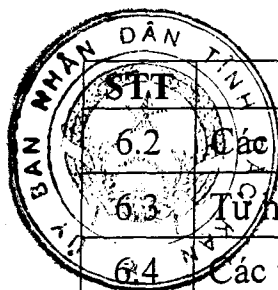
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	6.500
	*Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	3.000
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	1.500
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	1.000
3	Đường Bàn Văn Hoan	5.000
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	3.000
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ cổng sau Chợ Bắc Kạn đến Đầu Đội Kỳ	4.000
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	3.000
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra đường Thanh Niên	6.000
7	Từ giáp đất Tỉnh đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	3.000
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến ao Trường Nội trú)	800
9	Đường vào Trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	2.000
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp Đường Nguyễn Văn Tố)	1.500
11	Đoạn từ cổng sau Chợ Bắc Kạn, từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	3.000
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yên đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	2.000
13	Đoạn từ nhà bà Sâm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	2.000
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	2.500
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	3.500
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	1.500
17	Đường từ ngã ba đường lên Tỉnh uỷ đến Đường Nguyễn Văn	3.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Tô hết đất phường Sông Cầu	
18	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tô 20m đến đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy (đoạn quán Sáu dê)	2.500
19	Khu dân cư Tô 13	
19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	1.200
19.2	Các trục đường nhánh	900
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tô 1, Tô 2, Tô 3, Tô 4, Tô 5, Tô 6, Tô 7, Tô 8, Tô 9	1.500
2	Khu vực còn lại của Tô 12	1.000
3	Khu vực còn lại của Tô 11A, 11B, 11C, Tô 13	700
4	Khu vực còn lại của Tô 10, Tô 14, Tô 15, Tô 16, Tô 17	600
5	Các khu vực còn lại Tô 18, 19	500
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Đọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	3.000
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiêng	1.700
3	Từ cầu Nà Kiêng đến cầu Xuất Hóa	3.000
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	2.500
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	1.000
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Rì - Quốc lộ 3B)	500
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào trường tiểu học đến đầu đập tràn	1.000
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	400



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	300
	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	
2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tung	200
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	250
3	Khu vực bên kia suối của Tổ 1	250
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cánh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	250
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	500
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	400
7	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đôn Hin	400
8	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	300
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	200
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyên	300
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (tổ 4) đến cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	400
10.3	Từ cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	330
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòe sau Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	330
11	Tuyến đường Nà Bản - Bản Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bản	1.000
11.2	Từ cầu Nà Bản đến hết đất ông Hứa Văn Hội	500
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bản Rạo	400
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	250

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
11.5	Từ cầu Nà Bản đến đất bà Lê Thị Thiên	400
12	Khu vực Nà Pên sau lô 1 Tổ 6	400
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	450
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	400
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	1.000
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	250
16	Các khu vực còn lại	200
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Đường Chiến Thắng Phủ Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	4.000
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	2.500
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	1.200
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	3.000
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (Từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	1.000
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bản Cạu	700
3.3	Từ hết đất tổ Bản Cạu đến hết đất tổ Chí Lèn	500
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	400
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bản Cạu	450
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	350
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	300
4	Tổ Nà Pam	400
5	Tổ Khuổi Hèo	300
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bản Vèn ngoài	700



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bản Vèn ngoài	500
6.3	Từ hết đất tổ Bản Vèn ngoài đến hết đất tổ Tổng Nềng	500
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nềng	400
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nềng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	300
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	200
7	Các khu vực còn lại của tổ Bản Vèn trong	300
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	1.000
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	700
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	400
9	Tổ Xây Dựng	700
10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đường Nà Pèn - Pá Danh	700
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	700
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	1.200
10.4	Các vị trí còn lại	400
11	Tổ Đơn Tuấn	
11.1	Từ giáp đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	800
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đơn Tuấn	400
12	Tổ Khuổi Dùm	400
13	Tổ Lâm trường	
13.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thị	600
13.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm trường	350
14	Tổ Giao Lâm	700
15	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	400
16	Tổ Khuổi Mật	
16.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	1.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
16.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	500
16.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	300
17	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuồm	700
18	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	200
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường Quốc lộ 3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Chợ Mới	2.000
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	1.200
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	1.200
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m)	900
4	Đường nhánh Tổ 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	750
5	Đoạn từ cổng Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	850
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH32m (đường nội thị Tổ 1)	750
7	Đường nội thị Tổ 6	800
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luông (cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Chợ Mới	550
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tổ 2)	400
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn	500
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	350
5	Đường nhánh Tổ 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc	450



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Khánh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú	
	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	550
7	Đường nhánh Tổ 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	800
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	450
9	Đoạn đường nhánh Tổ 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	450
10	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	350
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Tuyến đi Ba Bể (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	4.000
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	3.360
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến cổng tiêu Cây xăng Tổ 9	2.400
4	Từ Cây xăng Tổ 9 đến cổng tràn Tổ 10	1.920
5	Từ sau cổng tràn Tổ 10 đến hết đất thị trấn	1.760
II	Tuyến đi Bắc Kạn (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	2.880
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đình đèo Kéo Càng (Trạm Cấp nước)	1.920
3	Từ đình đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	1.000
4	Từ Bưu điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	4.000
III	Tuyến đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	3.360
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông	2.400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Nông Văn Nguyễn	
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyễn đến hết đất thị trấn	1.120
IV	Các đường phụ (đọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	2.720
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	2.400
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1.920
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mở nước	1.760
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	4.000
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	2.400
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1.600
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	800
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1.920
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1.600
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hát	1.920
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1.680
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	1.120
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1.920
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến cổng Trường Mầm non thị trấn	1.920
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	3.600
17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vùg đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	3.200
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	880




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Cao đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	560
	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	2.240
21	Từ ngã ba Kẹm Trình đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương, thôn Bản Duồng II	1.120
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	560
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	400
HUYỆN NA RÍ		
I	Trục đường từ xã Lương Hạ đi xã Lam Sơn	
1	Từ giáp đất xã Lương Hạ đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	2.100
2	Từ nhà ông Sinh đến hết đất thị trấn (tuyến nhánh)	1.200
3	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	2.100
4	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên)	2.000
5	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên) đến hết đất nhà ông Sơn	1.200
6	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	2.000
7	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	1.200
8	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1.000
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến đường lên Sân Vận động Lương Hạ (phía Bắc)	1.200
2	Từ nhà bà Pháy qua ngã ba đến cổng Trường Nội trú	600
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pìn	1.200
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến cổng xây nhà bà An	1.200
5	Từ cổng xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	800
6	Từ cầu cứng Tà Pìn đến đường rẽ đi động Nàng Tiên, Lương Hạ	800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến cổng Nhà Khách huyện	1.200
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	1.100
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	1.200
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	1.200
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	1.200
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến cổng ngã ba nhà ông Linh	1.200
4	Từ cổng ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu	500
5	Từ giáp đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	1.200
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân huyện	1.200
7	Từ cổng Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1.800
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến cổng Trường Tiểu học Yên Lạc	1.500
9	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	600
10	Từ đường nội thị vào Bản Pò đến hết đất nhà ông Tuyên (ngã ba đường)	800
11	Từ hết đất nhà ông Tuyên (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	600
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Pục)	500
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc)	800
14	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam)	800
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ lô số 10 đến lô số 19, lô số 30 đến lô số 37, lô số 72 đến lô số 79, lô số 90 đến lô số 94, lô số 100 đến lô số 108	1.500
2	Từ lô số 20 đến lô số 29, lô số 80 đến lô số 89, lô số 109 đến lô số 113	1.600
3	Từ lô số 48 đến lô số 55, lô số 65 đến lô số 71, lô số 119 đến lô số 131	1.700
4	Từ lô số 05 đến lô số 09, lô số 38 đến lô số 47, lô số 56 đến lô số 64, lô số 95 đến lô số 99, lô số 114 đến lô số 118	1.800
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1.900
6	Từ lô số 132 đến lô số 145, và các lô số 57a, 59a, 60a	2.100
V	Các khu vực còn lại	
1	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m	400
2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	300
HUYỆN BẠCH THÔNG		
I	Trục đường QL3	
1	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết đất thị trấn Phủ Thông	4.500
2	Từ cổng Nhà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phủ Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.800
3	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.800
4	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ cửa hàng xăng dầu - số 32 Phủ Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.800
5	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phủ Thông (Km173 - QL3)	3.000
6	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến cổng Trường Trung học cơ sở Phủ Thông đến hết đất thị trấn	1.800
II	Trục đường tỉnh lộ 258	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu Đeng	3.000
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phủ Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến cổng Trường Trung học phổ thông Phủ Thông	1.800
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1.800
III	Đất ở các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phủ Thông	1.000
HUYỆN BA BÈ		
I	Các trục đường chính (dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiểu khu 3	1.900
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	1.400
3	Từ ngã ba Cầu Toòng đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	1.750
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	1.400
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	2.300
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đảm TK4	2.400
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đảm TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	2.550
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	2.000
9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đảm TK4 đến cổng Phja Sen	2.550
10	Từ tiếp cổng Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	2.450
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	2.550
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	2.550
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	2.550



STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến công Loong Cại	2.100
15	Từ công Loong Cại đến hết đất thị trấn	1.700
16	Từ công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể) đến ngã tư TK2	2.350
17	Đường QL279 nối từ TK3 đến công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể)	1.400
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	2.100
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	1.700
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11)	1.400
21	Từ giáp nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyệt (TK10)	2.550
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyệt (TK10) đến hết đất thị trấn	1.700
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến Trường Trung học phổ thông Ba Bể	1.800
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1.500
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	850
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	850
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	1.200
6	Từ nhà bà Hà Thị Viêt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1.400
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	900
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Viêt Thủ TK4	1.800
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	1.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22 đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21, 39)	2.450
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 2, Khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40, 52, 53, 64, 65, 74, 75, 83)	2.350
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới đối diện nhà ông Khôi TK3 đến hết đất thị trấn	850
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	650
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Lãng Ngâm)	
1	Đoạn từ nhà ông Bé Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1.500
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	1.200
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	600
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	500
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	300
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bé Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	1.200
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bản Mạch	500
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	400
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	550
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	250
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	1.500
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1.350
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	600




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	500
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	300
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duông - Khuổi Tinh)	250
7	Từ lộ giới QL 279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	1.200
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	500
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xả, Mẫy Van, Lũng Lịa, Phịa Trang, Phịa Đẳng, Lùng Nhá	100
2	Các thôn vùng thấp còn lại	120
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	500

VII. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²


STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG ĐỨC XUÂN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	16.000
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	15.200
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	15.200
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	17.600
III	Đường Hùng Vương	14.400
IV	Đường Trần Hưng Đạo	14.400
V	Đường Kon Tum	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	6.400
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	5.600
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	4.800
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	2.800
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp Phường Phùng Chí Kiên)	6.400
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tổ 1A	1.600
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến Ngâm Bắc Kạn	2.400
2.2	Từ Ngâm Bắc Kạn đến Ngã ba Vịnh Ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	2.000
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tổ 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	2.000
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1.600
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	1.200
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	4.000
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	7.200
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	2.000



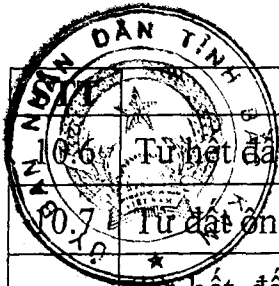
STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
5	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chỉ huy Quân sự thành phố (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	2.000
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	5.600
7	Ngõ 9 đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	4.000
8	Đường song song với đường Trường Chinh	6.400
9	Các tuyến dân cư Tổ 1B, 2, 3	1.200
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng đúc cũ)	1.360
11	Tuyến đường Hàm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hàm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	1.200
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11,5m	3.600
12.2	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13,5m	4.000
12.3	Ngõ 59, Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	5.600
12.4	Đường 11,5m bao quanh Chợ Đức Xuân	4.800
13	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	3.200
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	2.400
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	2.400
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	2.800
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận Phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	8.800
16.2	Tuyến Đường Dương Mạc Hiếu	8.800
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	4.800
16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	2.400
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dược phẩm cũ)	4.000

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	4.800
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tổ 7A	2.800
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B, Tổ 12	560
20.2	Tổ 4, Tổ 9A, Tổ 11C	1.200
20.3	Tổ 8A, Tổ 10A	1.360
20.4	Tổ 7A, Tổ 5, Tổ 6	1.600
20.5	Khu dân cư Tổ 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	1.200
20.6	Các khu vực còn lại	560
21	Tuyến đường trên mặt công hợp từ Tổ 1B, Tổ 2 (từ đường đi Ngâm Bắc Kạn đến giáp Công ty Trách nhiệm hữu hạn May Bắc Kạn)	1.360
22	Tuyến đường trên mặt công hợp suối Tổ 5, Tổ 6	2.800
PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN		
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường)	15.200
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường) đến hết đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	13.600
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	7.200
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244	6.400
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	5.600
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương	4.800




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	(đường 52, từ 47)	
	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52, từ 47) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	4.000
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	17.600
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận Phường Đức Xuân	6.400
VI	Đường nội bộ Khu dân cư 244 (khu A + khu B)	4.000
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận Phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	8.800
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	8.800
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11,5m	4.800
4	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	4.800
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16,5m	6.400
6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	2.400
VIII	Đường Cứu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phương	4.000
2	Từ hết đất quán Dũng Phương đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	1.200
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	4.000
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	2.400
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	4.000
3	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	2.400
4	Đường nhánh Tổ 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	640

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Cần	640
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Cần đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	480
5	Đường nhánh Tổ 4: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhị	960
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	1.600
7	Đường nhánh Tổ 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1.600
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1.600
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	480
8	Đường nhánh Tổ 7	
8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	640
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Sơn (thửa 33, tờ bản đồ số 16)	640
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hử	400
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yên	480
9	Đường nhánh Tổ 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	800
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	800
10	Đường nhánh Tổ 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1.360
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	800
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	640
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuận và ông Nguyễn Thành Nam	480
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	640




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	480
	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	480
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hưởng đến giáp đất ông Bùi Quốc Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	480
11	Đường nhánh Tổ 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	800
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hạ Thị Sự	960
11.3	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo hiểm xã hội tỉnh	960
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	800
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	480
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	960
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	480
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	800
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	800
11.10	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi	480
11.11	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến hết Nguyễn Văn Huỳnh	560
12	Đường nhánh Tổ 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	800
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng Thắm	480
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cương đến hết đất bà Trịnh Thị Thủy	480
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	1.120
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	480

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	480
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	1.040
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh	640
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	480
12.10	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yên đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	480
12.11	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	480
12.12	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	880
12.13	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	800
13	Đường nhánh Tổ 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	1.040
13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	480
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	640
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	480
14	Đường nhánh Tổ 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	400
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đồng đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	480
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	1.200
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Diệt	800
14.5	Từ hết đất ông Bùi Viết Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	560
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bé Ngọc Phúc	560
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Nguyễn Thị Nghĩa	720
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	560




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng, ông Nguyễn Văn Minh Đắc, bà Lê Thị Cây (cũ)	480
14.10	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết bà Vũ Thị Kim Oanh	480
14.11	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	480
15	Đường dọc hai bên suối Tổ 8A, Tổ 8B, Tổ 9	960
16	Các khu vực còn lại	320
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ Cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	2.400
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	11.200
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	9.600
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phủ Thông	8.000
3	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phủ Thông đến cổng phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	7.200
3.2	Từ cổng phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	5.600
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	4.000
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tụng đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	2.400
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	5.600
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	2.400
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tổ 11 đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.600

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.600
5	Đoạn cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	1.200
6	Từ cách lộ giới đường QL3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường đến hết đất ông Hà Phúc Trọng	960
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	960
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tổ 9	2.560
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	1.600
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 11,5m	1.600
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sân bay Tổ 17 có lộ giới 6,0m	1.200
13	Các vị trí còn lại của Tổ 4, Tổ 5	560
14	Bưu điện Phường Nguyễn Thị Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	1.200
14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	960
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	1.600
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17, Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15, 16, 17	640
18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn Toàn, Tổ 15	1.360
19	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1.600
20	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	560




ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
21	Đường rẽ vào Tăng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến thắng Phủ Thông là 20m)	480
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngầm Bắc Kạn	1.600
23	Các vị trí còn lại của Tổ 7, 8, 9	560
24	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	1.200
25	Khu vực còn lại Tổ 6	600
26	Các vị trí còn lại của Tổ: 11, 12, 13, 14	480
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến cổng phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	2.400
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tổ 10	1.600
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.600
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến cổng Trường Trường Tiểu học Minh Khai	2.000
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	2.560
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	2.720
32	Các khu vực còn lại	560
	PHƯỜNG SÔNG CẦU	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	16.000
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	15.200
II	Đường Hùng Vương	12.800
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	10.400
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	7.200
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	5.600

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	6.400
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tỉnh đoàn	4.800
3	Từ tiếp đất Tỉnh đoàn đến hết đường Thanh niên	3.600
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	4.000
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đinh Thị Loan	2.400
3	Từ đất bà Đinh Thị Loan đến Cầu Đen	4.000
VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ Cầu Đen đến hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91	3.200
2	Từ hết đất Cây xăng Thương nghiệp đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	2.400
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	2.400
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cánh	2.800
5	Từ đất ông Vũ Đức Cánh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	1.200
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	560
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	4.000
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	4.800
1.2	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	5.200
2	Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	2.400
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	1.200
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	800
3	Đường Bàn Văn Hoan	4.000



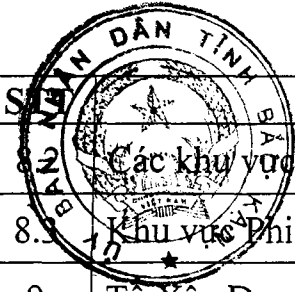
ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	2.400
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn đến Cầu Đội Kỳ	3.200
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	2.400
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra đường Thanh niên	4.800
7	Từ giáp đất Tỉnh đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	2.400
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chân là 20m đến ao trường Nội trú)	640
9	Đường vào trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	1.600
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp đường Nguyễn Văn Tố)	1.200
11	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn, từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	2.400
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yến đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1.600
13	Đoạn từ nhà bà Sâm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1.600
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	2.000
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	2.800
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	1.200
17	Đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy đến Đường Nguyễn Văn Tố hết đất phường Sông Cầu	2.400
18	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy (đoạn quán Sáu dê)	2.000
19	Khu dân cư Tổ 13	
19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	960
19.2	Các trục đường nhánh	720
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ 6, Tổ 7,	1.200

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Tổ 8, Tổ 9	
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	800
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A, 11B, 11C, Tổ 13	560
4	Khu vực còn lại của Tổ 10, Tổ 14, Tổ 15, Tổ 16, Tổ 17	480
5	Các khu vực còn lại Tổ 18, 19	400
PHƯỜNG XUẤT HÓA		
I	Dọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	2.400
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiệng	1.360
3	Từ cầu Nà Kiệng đến cầu Xuất Hóa	2.400
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	2.000
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	800
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Rì - QL3B)	400
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Trường Tiểu học đến đầu đập tràn	800
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	320
1.2	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	240
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	
2.1	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tụng	160
2.2	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	200
3	Khu vực bên kia suối của Tổ 1	200
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cảnh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	200
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	400




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	320
7	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đôn Hìn	320
8	Tuyến đường từ công Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	240
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	160
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyển	240
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (Tổ 4) đến công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	320
10.3	Từ công Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	264
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòe sau Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	264
11	Tuyến đường Nà Bản - Bản Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bản	800
11.2	Từ cầu Nà Bản đến hết đất ông Hứa Văn Hội	400
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bản Rạo	320
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	200
11.5	Từ cầu Nà Bản đến đất bà Lê Thị Thiền	320
12	Khu vực Nà Pên sau lô 1 Tổ 6	320
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	360
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	320
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	800
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	200

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
16	Các khu vực còn lại	160
	PHƯỜNG HUYỀN TỤNG	
1	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	3.200
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	2.000
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	960
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	2.400
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (Từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	800
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bản Cạu	560
3.3	Từ hết đất tổ Bản Cạu đến hết đất tổ Chí Lèn	400
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	320
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bản Cạu	360
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	280
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	240
4	Tổ Nà Pam	320
5	Tổ Khuổi Hẻo	240
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bản Vèn ngoài	560
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bản Vèn ngoài	400
6.3	Từ hết đất tổ Bản Vèn ngoài đến hết đất tổ Tổng Nềng	400
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nềng	320
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nềng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	240
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	160
7	Các khu vực còn lại của tổ Bản Vèn trong	240
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	800




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	560
8.2	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	320
9	Tổ Xây Dựng	560
10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đường Nà Pèn - Pá Danh	560
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	560
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	960
10.4	Các vị trí còn lại	320
11	Tổ Đon Tuấn	
11.1	Từ giáp đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	640
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đon Tuấn	320
12	Tổ Khuổi Dùm	320
13	Tổ Lâm trường	
13.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thị	480
13.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm trường	280
14	Tổ Giao Lâm	560
15	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	320
16	Tổ Khuổi Mật	
16.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	800
16.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	400
16.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	240
17	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuôm	560
18	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	160
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Trục đường quốc lộ 3 từ Cầu Ổ gà đến hết địa phận thị trấn Chợ Mới	1.600
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới quốc lộ 3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (Đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	960
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20m)	960
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m)	720
4	Đường nhánh Tổ 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	600
5	Đoạn từ cổng Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	680
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH32m (đường nội thị Tổ 1)	600
7	Đường nội thị Tổ 6	640
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luồng (Cách lộ giới quốc lộ 3 là 20m) đến hết đất thị trấn Chợ Mới	440
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tổ 2)	320
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn	400
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	280
5	Đường nhánh Tổ 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú	360
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	440
7	Đường nhánh Tổ 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	640
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	360
9	Đoạn đường nhánh Tổ 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến	360



ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	
10	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	280
HUYỆN CHỢ ĐÒN		
I	Tuyến đi Ba Bể (dọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	3.200
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	2.688
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến cổng tiêu Cây xăng Tổ 9	1.920
4	Từ Cây xăng Tổ 9 đến cổng tràn Tổ 10	1.536
5	Từ sau cổng tràn Tổ 10 đến hết đất thị trấn	1.408
II	Tuyến đi Bắc Kạn (dọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	2.304
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đỉnh đèo Kéo Càng (Trạm Cấp nước)	1.536
3	Từ đỉnh đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	800
4	Từ Bưu điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc-Tuân (ngã ba Bệnh viện)	3.200
III	Tuyến đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	2.688
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông Nông Văn Nguyên	1.920
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyên đến hết đất thị trấn	896
IV	Các đường phụ (dọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	2.176
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	1.920
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1.536

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mỏ nước	1.408
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	3.200
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	1.920
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	1.280
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	640
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1.536
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	1.280
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1.536
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1.344
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	896
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1.536
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến cổng Trường Mầm non thị trấn	1.536
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (Tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	2.880
17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vùng đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	2.560
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	704
19	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	448
20	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cự	1.792
21	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hương, thôn Bản Duồng II	896
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hương đến hết đất thị trấn	448
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	320
HUYỆN NA RÌ		
I	Trục đường từ xã Lương Hạ đi xã Lam Sơn	
1	Từ giáp đất xã Lương Hạ đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc	1.680



ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	(tuyên chính)	
	Từ nhà ông Sinh đến hết đất thị trấn (tuyên nhánh)	960
3	Từ cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	1.680
4	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyễn)	1.600
5	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyễn) đến hết đất nhà ông Sơn	960
6	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1.600
7	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Việt	960
8	Từ tường rào xây nhà ông Việt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	800
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến đường lên Sân Vận động Lương Hạ (phía Bắc)	960
2	Từ nhà bà Phảy qua ngã ba đến cổng Trường Nội trú	480
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pìn	960
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến cổng xây nhà bà An	960
5	Từ cổng xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	640
6	Từ cầu cứng Tà Pìn đến đường rẽ đi động Nàng Tiên, Lương Hạ	640
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến cổng Nhà Khách huyện	960
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	880
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	960
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	960
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	960
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến cổng ngã ba nhà ông Linh	960
4	Từ cổng ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân	400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Pàn Châu	
5	Từ giáp đất Nhà Hộc tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	960
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân huyện	960
7	Từ cổng Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1.440
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến cổng Trường Tiểu học Yên Lạc	1.200
9	Từ cổng Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	480
10	Từ đường nội thị vào Bản Pò đến hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường)	640
11	Từ hết đất nhà ông Tuyền (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	480
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Pục)	400
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc)	640
14	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam)	640
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	
1	Từ lô số 10 đến lô số 19, lô số 30 đến lô số 37, lô số 72 đến lô số 79, lô số 90 đến lô số 94, lô số 100 đến lô số 108	1.200
2	Từ lô số 20 đến lô số 29, lô số 80 đến lô số 89, lô số 109 đến lô số 113	1.280
3	Từ lô số 48 đến lô số 55, lô số 65 đến lô số 71, lô số 119 đến lô số 131	1.360
4	Từ lô số 05 đến lô số 09, lô số 38 đến lô số 47, lô số 56 đến lô số 64, lô số 95 đến lô số 99, lô số 114 đến lô số 118	1.440
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1.520
6	Từ lô số 132 đến lô số 145, và các lô số 57a, 59a, 60a	1.680
V	Các khu vực còn lại	
1	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m	320
2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	240



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
HUYỆN BẠCH THÔNG		
Trục đường QL3		
1	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết đất thị trấn Phủ Thông	3.600
2	Từ cổng Nhà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phủ Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.440
3	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.440
4	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ Cửa hàng Xăng dầu - số 32 Phủ Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.440
5	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phủ Thông (Km173-QL3)	2.400
6	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến cổng Trường Trung học cơ sở Phủ Thông đến hết đất thị trấn	1.440
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn Cường đến Cầu Đeng	2.400
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phủ Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến cổng Trường Trung học phổ thông Phủ Thông	1.440
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1.440
III	Đất các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phủ Thông	800
HUYỆN BA BÈ		
I	Các trục đường chính (đọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiểu khu 3	1.520
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	1.120
3	Từ ngã ba Cầu Toòng đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông	1.400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Mông Văn Thiện	
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	1.120
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bể đến công cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	1.840
6	Từ tiếp công nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4	1.920
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	2.040
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	1.600
9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến công Phja Sen	2.040
10	Từ tiếp công Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	1.960
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	2.040
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	2.040
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	2.040
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến công Loỏng Cại	1.680
15	Từ công Loỏng Cại đến hết đất thị trấn	1.360
16	Từ công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể) đến ngã tư TK2	1.880
17	Đường QL279 nối từ TK3 đến công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bể)	1.120
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	1.680
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	1.360
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11)	1.120
21	Từ giáp nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyệt (TK10)	2.040
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyệt (TK10) đến hết đất thị trấn	1.360
II	Các trục đường phụ	



STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến trường Trung học phổ thông Ba Bể	1.440
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	1.200
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	680
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	680
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	960
6	Từ nhà bà Hà Thị Việt đến đường QL279 dọc hai bên đường	1.120
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	720
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Viết Thủ TK4	1.440
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	800
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22 đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21, 39)	1.960
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã khu 2, khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40, 52, 53, 64, 65, 74, 75, 83)	1.880
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới đối diện nhà ông Khoi TK3 đến hết đất thị trấn	680
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	520
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Lãng Ngâm)	
1	Đoạn từ nhà ông Bé Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	1.200
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	960
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	480
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	400
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	240

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bé Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	960
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bản Mạch	400
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	320
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	440
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	200
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	1.200
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	1.080
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	480
4	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	400
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	240
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duông - Khuổi Tinh)	200
7	Từ lộ giới QL279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	960
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	400
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xả, Mẫy Van, Lũng Lạ, Phịa Trang, Phịa Đẳng, Lũng Nhá	80
2	Các thôn vùng thấp còn lại	96
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	400

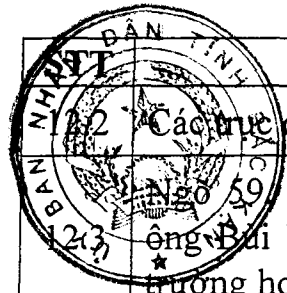


**VIỆT BANG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP
KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ**

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²


STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	PHƯỜNG ĐỨC XUÂN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	12.000
2	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	11.400
3	Từ nhà bà Nguyễn Thị Nga đến cầu Thư viện tỉnh	11.400
II	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã ba Điện lực tỉnh đến ngã tư giao với Đường Nguyễn Văn Thoát	13.200
III	Đường Hùng Vương	10.800
IV	Đường Trần Hưng Đạo	10.800
V	Đường Kon Tum	
1	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn (đường rẽ N3)	4.800
2	Đoạn từ giáp Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn đến giao với Đường Hùng Vương	4.200
3	Đoạn từ giao với Đường Hùng Vương đến sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn	3.600
4	Đoạn từ sau đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn đến đầu Cầu Bắc Kạn 1	2.100
5	Đoạn từ ngã ba giao với Đường Trần Hưng Đạo đến hết địa phận Phường Đức Xuân (giáp Phường Phùng Chí Kiên)	4.800
VI	Các trục đường phụ	
1	Đường rẽ đi Mỹ Thanh: Đoạn từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum là 20m đến hết đất Tổ 1A	1.200
2	Tuyến đường đi Ngâm Bắc Kạn	
2.1	Đoạn từ điểm cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m	1.800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	đến Ngầm Bắc Kạn	
2.2	Từ Ngầm Bắc Kạn đến Ngã ba Vịnh ông Kiên (cách lộ giới đường Kon Tum là 20m)	1.500
3	Tuyến đường Bản Áng (đường vào Tổ 12)	
3.1	Từ điểm cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến ngã ba đường rẽ Đồi Xoan	1.500
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Đồi Xoan đến đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy	1.200
3.3	Từ đường rẽ Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ngọc Huy đến ngã ba bãi rác (cũ)	900
4	Tuyến đường lên Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cổng Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn	3.000
5	Tuyến đường cầu Thư viện tỉnh	
5.1	Từ cầu Thư viện tỉnh đến hết đất bà Nguyễn Thị Lương	5.400
5.2	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Lương đến giáp lộ giới của Đường Trần Hưng Đạo	1.500
5.3	Từ nhà bà Trương Thị Mỹ đến gặp đường Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Bắc Kạn (ngõ Nhà nghỉ Cường Hiền)	1.500
6	Đường phố Đức Xuân: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến cách lộ giới Đường Trường Chinh 20m	4.200
7	Ngõ 9, Đường Trường Chinh (qua Khách sạn Núi Hoa): Từ cách lộ giới của Đường Trường Chinh là 20m đến cách lộ giới đường Kon Tum là 20m	3.000
8	Đường song song với Đường Trường Chinh	4.800
9	Các tuyến dân cư Tổ 1B, 2, 3	900
10	Đường vào khu tập thể các cơ quan tỉnh (tập thể Xưởng trúc cũ)	1.020
11	Tuyến đường Hàm thông tin: Từ nhà bà Hà Thị Minh đến Hàm thông tin (cách lộ giới Đường Trường Chinh là 20m)	900
12	Các tuyến đường trong Khu dân cư Đức Xuân I	
12.1	Các trục đường nội bộ có lộ giới 11,5m	2.700



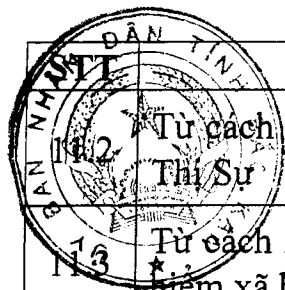
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các trục đường nội bộ có lộ giới 13,5m	3.000
12.3	Đường Trường Chinh (trục đường N3) từ hết đất ông Bùi Văn Hương đến Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Bắc Kạn	4.200
12.4	Đường 11,5m bao quanh Chợ Đức Xuân	3.600
13	Các tuyến đường trong khu dân cư Đức Xuân II	
13.1	Trục đường nội bộ có lộ giới 15m	2.400
13.2	Các trục đường nội bộ còn lại	1.800
14	Khu vực còn lại của khu dân cư Sở Giao thông cũ	1.800
15	Đường nội bộ Khu dân cư Đức Xuân III	2.100
16	Khu Đô thị phía Nam thuộc địa phận Phường Đức Xuân	
16.1	Đường Nguyễn Văn Thoát	6.600
16.2	Tuyến đường Dương Mạc Hiếu	6.600
16.3	Đường nội bộ khu dân cư có lộ giới 11,5m	3.600
16.4	Các khu vực còn lại không thuộc vị trí nêu trên	1.800
17	Khu dân cư Tổ 6 (Dựợc phẩm cũ)	3.000
18	Đường nội bộ khu dân cư đối diện bến xe	3.600
19	Đường xuống Bảo hiểm thành phố đến Nhà Văn hóa Tổ 7A	2.100
20	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
20.1	Riêng các vị trí thuộc địa phận Tổ 11B, Tổ 12	420
20.2	Tổ 4, Tổ 9A, Tổ 11C	900
20.3	Tổ 8A, Tổ 10A	1.020
20.4	Tổ 7A, Tổ 5, Tổ 6	1.200
20.5	Khu dân cư tổ 1A (đường vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội tỉnh Bắc Kạn)	900
20.6	Các khu vực còn lại	420
21	Tuyến đường trên mặt công hộp từ Tổ 1B, Tổ 2 (từ đường đi Ngâm Bắc Kạn đến giáp Công ty May)	1.020
22	Tuyến đường trên mặt công hộp suối Tổ 5, Tổ 6	2.100

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	PHƯỜNG PHÙNG CHÍ KIÊN	
I	Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường)	11.400
2	Từ hết đất trụ sở Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Bắc Kạn (Sở Tài nguyên - Môi trường) đến hết Đường Võ Nguyên Giáp (đường Thành Công cũ)	10.200
II	Đường Phùng Chí Kiên	
1	Từ điểm đầu Đường Phùng Chí Kiên đến đường lên Đài Truyền hình	5.400
2	Từ hết đất đường lên Đài Truyền hình đến hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244	4.800
3	Từ hết đất Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quản lý và sửa chữa đường bộ 244 đến ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố	4.200
III	Đường Thái Nguyên	
1	Từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52, tờ 47)	3.600
2	Từ đất bà Vũ Thị Hương (thửa 52, tờ 47) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	3.000
IV	Đường Trường Chinh	
	Từ ngã tư Đường Nguyễn Văn Thoát đến ngã tư 244	13.200
V	Đường Kon Tum	
	Tiếp từ ngã tư 244 đến tiếp giáp địa phận Phường Đức Xuân	4.800
VI	Đường nội bộ khu dân cư 244 (Khu A + khu B)	3.000
VII	Khu Đô thị phía Nam và Khu tái định cư Đức Xuân thuộc địa phận Phường Phùng Chí Kiên	
1	Đường Nguyễn Văn Thoát	6.600
2	Đường Dương Mạc Hiếu (30A)	6.600
3	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 11,5m	3.600



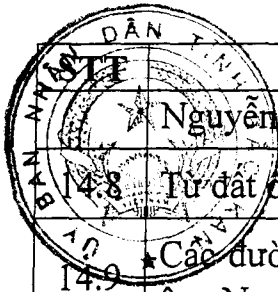
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Đức Xuân có lộ giới 11,5m	3.600
5	Các trục đường nội bộ Khu Đô thị phía Nam có lộ giới 16,5m	4.800
6	Các vị trí còn lại tại Khu Đô thị phía Nam (trừ vị trí lô 1 các tuyến đường bao quanh)	1.800
VIII	Đường Cứu quốc	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết quán Dũng Phượng	3.000
2	Từ hết đất quán Dũng Phượng đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	900
IX	Đường Nguyễn Văn Tố	3.000
X	Các trục đường phụ	
1	Từ đường rẽ Bưu điện đến hết đất ông Hùng Thế Hoàng	1.800
2	Đường lên Nhà khách Tỉnh ủy - Ủy ban nhân dân tỉnh	3.000
3	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m (đường lên Tỉnh ủy) đến hết đất Phường Phùng Chí Kiên	1.800
4	Đường nhánh Tổ 2	
4.1	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến chân kè Lâm Viên	480
4.2	Cách đường nhánh Bưu điện 20m đến hết đất ông Nguyễn Đắc Càn	480
4.3	Từ hết đất ông Nguyễn Đắc Càn đến hết nhà ông Phạm Văn Hùng	360
5	Đường nhánh Tổ 4: Từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp (QL3) 20m đến hết đất khe Bà Nhị	720
6	Từ nhà ông Nguyễn Thế Thanh đến hết đất bà Hoàng Thị Xuân	1.200
7	Đường nhánh Tổ 5: Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất ông Nguyễn Việt Dũng	
7.1	Từ cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất quán Lá Cọ	1.200
7.2	Từ nhà ông Triệu Quang Bảo đến hết nhà ông Đàm Văn Nghị	1.200
7.3	Từ hết đất ông Đàm Văn Nghị đến hết đất ông Bùi Quốc Vương	360

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
8	Đường nhánh Tổ 7	
8.1	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên đến hết khe Thiên thần	480
8.2	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Sơn (thửa 33, tờ bản đồ số 16)	480
8.3	Từ hết đất bà Hoàng Thị Sơn đến hết đất ông Hoàng Xuân Hử	300
8.4	Từ cách Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất bà Hà Thị Yến	360
9	Đường nhánh Tổ 8A	
9.1	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến cách lộ giới đường từ ngã ba Đường Nguyễn Văn Tố đến ngã ba đường lên Tỉnh ủy 20m	600
9.2	Cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Hà Văn Bình	600
10	Đường nhánh Tổ 8B	
10.1	Cách lộ giới đường Kon Tum 20m đến hết đất Nguyễn Văn Tài	1.020
10.2	Từ hết đất Nguyễn Văn Tài đến giáp đất Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy	600
10.3	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Tài đến hết đất bà Phạm Thị Dung	480
10.4	Từ hết đất bà Phạm Thị Dung đến hết đất ông Hoàng Đình Thuấn và ông Nguyễn Thành Nam	360
10.5	Từ hết đất bà Hoàng Thị Phương Mai đến hết đất bà Bùi Thị Bích	480
10.6	Từ hết đất bà Bùi Thị Bích đến hết đất ông Lâm Ngọc Vĩnh	360
10.7	Từ đất ông Nông Văn Dũng đến hết đất bà Nguyễn Thanh Hòa	360
10.8	Từ hết đất ông Nông Văn Hưởng đến giáp đất ông Bùi Quốc Vương và đến giáp đất ông Nguyễn Văn Lực	360
11	Đường nhánh Tổ 9	
11.1	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hoàng Thị Nga (phía sau Chi cục Thú y)	600



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
11.2	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất bà Hạ Thị Sự	720
11.3	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất Bảo Miêm xã hội tỉnh	720
11.4	Từ hết đất ông Nguyễn Huy Hồng đến đất ông Triệu Huy Thực	600
11.5	Từ hết đất ông Triệu Huy Thực đến hết đất ông Nguyễn Đức Ngọc	360
11.6	Từ cách lộ giới Đường Phùng Chí Kiên 20m đến hết đất ông Mai Đồng Khanh	720
11.7	Từ hết đất ông Mai Đồng Khanh đến hết đất ông Đoàn Văn Tư	360
11.8	Từ nhà bà Ma Thị Thanh Huyền đến hết đất ông Nguyễn Hữu Trúc	600
11.9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tổ 20m đến giáp đất Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh	600
11.10	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tổ 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Lợi	360
11.11	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tổ 20m đến hết đất Nguyễn Văn Huỳnh	420
12	Đường nhánh Tổ 10	
12.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Ba (vào sau Hạt Kiểm lâm thành phố)	600
12.2	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Ba đến hết đất bà Âu Thị Hồng Thắm	360
12.3	Từ hết đất ông Nguyễn Hoàng Cương đến hết đất bà Trịnh Thị Thủy	360
12.4	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Cường	840
12.5	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Nguyễn Thị Thanh	360
12.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Cường đến hết đất bà Lê Thị Hà	360

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
12.7	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Ma Doãn Hoàng	780
12.8	Từ hết đất ông Ma Doãn Hoàng đến giáp đất Trung tâm Huấn luyện Công an tỉnh	480
12.9	Từ hết đất ông Lưu Quý Ánh đến hết đất ông Lục Thanh Huân	360
12.10	Từ hết đất bà Trịnh Thị Yến đến hết đất ông Nguyễn Quang Trung	360
12.11	Từ hết đất ông Phạm Văn Phúc đến hết đất ông Chu Văn Sơn	360
12.12	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà Bùi Thị Thắm	660
12.13	Từ đất ông Ma Minh Sơn đến đất Trạm Phát sóng Viễn thông Bắc Kạn	600
13	Đường nhánh Tổ 11 (khe Ngoại vụ)	
13.1	Cách lộ giới đường Thái Nguyên (QL3) 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Trường	780
13.2	Từ đất ông Nguyễn Văn Hữu đến hết đất ông Nguyễn Văn Nam	360
13.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Văn Trường đến hết địa phận Phường Phùng Chí Kiên	480
13.4	Từ hết đất bà Nguyễn Thị Đào đến hết đất ông Lê Như Vương	360
14	Đường nhánh Tổ 12	
14.1	Từ đất bà Phan Thị Hằng đến hết đất ông Phạm Xuân Thường và hết đất bà Trần Thị Liên	300
14.2	Từ đất ông Phạm Văn Đồng đến hết đất ông Đỗ Thanh Giang	360
14.3	Cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Sánh	900
14.4	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Phạm Văn Diệt	600
14.5	Từ hết đất ông Bùi Viết Chung đến giáp địa phận xã Nông Thượng	420
14.6	Từ hết đất ông Nguyễn Văn Sánh đến hết đất ông Bé Ngọc Phúc	420
14.7	Từ cách lộ giới đường Thái Nguyên 20m đến hết đất bà	540



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Nguyễn Thị Nghĩa	
14.8	Từ đất ông Nông Văn Huân đến hết đất ông Hà Như Hợi	420
14.9	* Các đường nhánh trong khu đất của ông Phạm Quyết Thắng, ông Nguyễn Văn Minh Đắc, bà Lê Thị Cậy (cũ)	360
14.10	Từ đất bà Nguyễn Thị Yên đến hết bà Vũ Thị Kim Oanh	360
14.11	Cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m đến hết đất ông Nguyễn Văn Thành	360
15	Đường dọc hai bên suối Tổ 8A, Tổ 8B, Tổ 9	720
16	Các khu vực còn lại	240
PHƯỜNG NGUYỄN THỊ MINH KHAI		
I	Trục đường chính	
1	Từ cầu sắt Bắc Kạn đến ngã ba Lương thực (cũ)	1.800
2	Đường Nguyễn Thị Minh Khai	
2.1	Đường từ ngã ba Lương thực (cũ) đến Cầu Bắc Kạn	8.400
2.2	Từ ngã ba Lương thực (cũ) đến cầu Pá Danh	7.200
2.3	Đoạn từ cầu Pá Danh đến giáp ngã ba giáp đường Chiến thắng Phủ Thông	6.000
3	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
3.1	Đoạn từ ngã ba đường Chiến thắng Phủ Thông đến công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	5.400
3.2	Từ công phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh đến hết đất địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	4.200
4	Đường Hoàng Văn Thụ	
4.1	Đoạn từ ngã ba Nam Cao đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	3.000
4.2	Đoạn từ cầu Huyền Tung đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.800
II	Các trục đường nhánh	
1	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 1	4.200
2	Khu dân cư Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh lô 2	1.800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3	Đoạn sau nhà ông Chu Minh Lê Tổ 11 đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
4	Đoạn từ nhà ông Hoàng Thanh Sơn (cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m) đến hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
5	Đoạn cách lộ giới đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m từ ngõ nhà ông Nguyễn Quốc Bích đến hết đất bà Nguyễn Thị Ái Vân	900
6	Từ cách lộ giới đường QL3 20m đi dọc theo đường thoát úng của Bệnh viện Đa khoa cũ đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	900
7	Từ đất ông Nguyễn Gia Trường đến hết đất ông Hà Phúc Trọng	720
8	Từ đất bà Nguyễn Thị Ái Vân đến giáp đất ông Vũ Khánh Toàn	720
9	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến Ủy ban nhân dân phường + Khu dân cư Tổ 9	1.920
10	Đường vào Trạm Y tế phường Nguyễn Thị Minh Khai cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến khu dân cư Tổ 17	1.200
11	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn bay Tổ 17 có lộ giới 11,5m	1.200
12	Đường nội bộ khu dân cư Bắc Sơn bay Tổ 17 có lộ giới 6,0m	900
13	Các vị trí còn lại của Tổ 4, Tổ 5	420
14	Bưu điện Minh Khai đi Nà Pèn	
14.1	Từ cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Hà Văn Đức	900
14.2	Từ giáp nhà ông Hà Văn Đức đến hết địa phận Phường Nguyễn Thị Minh Khai	720
15	Từ Công an thành phố (cũ) đến hết đất ông Hoàng Hữu Hùng	1.200
16	Từ hết đất ông Hoàng Hữu Hùng đến hết địa phận Tổ 17, Phường Nguyễn Thị Minh Khai	900
17	Các vị trí còn lại của Tổ 15, 16, 17	480
18	Từ Công an thành phố (cũ) đến giáp đất ông Đặng Văn Toàn,	1.020




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Đường trong khu dân cư Nà Cốc	1.200
20	Khu vực Tổ 2 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Ngôn Văn Giai	420
21	Đường rẽ vào Tảng thiết giáp Tổ 14 (cách đường Chiến thắng Phù Thông là 20m)	360
22	Từ đất bà Đoàn Hồng Nhung đến Ngầm Bắc Kạn	1.200
23	Các vị trí còn lại của Tổ 7, 8, 9	420
24	Đoạn đường Tổ 6 cách lộ giới Đường Nguyễn Thị Minh Khai là 20m đến hết đất ông Nông Ngọc Tân	900
25	Khu vực còn lại Tổ 6	450
26	Các vị trí còn lại của Tổ: 11, 12, 13, 14	360
27	Đoạn từ nhà ông Triệu Văn Võ đến cổng phụ Bệnh viện Đa khoa 500 giường bệnh	1.800
28	Đoạn đường vào khu dân cư sau Nhà Văn hóa Tổ 10	1.200
29	Đoạn từ sau nhà ông Trần Văn Dần đến Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Thị Minh Khai	1.200
30	Đoạn đường từ sau nhà ông Bùi Văn Cường đến cổng trường Trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai	1.500
31	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
31.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1.920
31.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	2.040
32	Các khu vực còn lại	420
	PHƯỜNG SÔNG CÀU	
I	Đường Võ Nguyên Giáp	
1	Từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến ngã tư Đường Hùng Vương	12.000
2	Ngã tư Đường Hùng Vương đến Cầu Bắc Kạn	11.400
II	Đường Hùng Vương	9.600

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
III	Đường Đội Kỳ	
1	Từ ngã tư Đường Hùng Vương đến hết nhà bà Nguyễn Thị Loan	7.800
2	Từ đất ông Bùi Đình Nam đến ngã tư phố Quang Sơn	5.400
3	Từ ngã tư phố Quang Sơn đến gặp Đường Bàn Văn Hoan	4.200
IV	Đường Thanh niên	
1	Đoạn từ cách lộ giới Đường Võ Nguyên Giáp là 20m đến giáp suối Nông Thượng	4.800
2	Từ suối Nông Thượng đến hết đất Tỉnh đoàn	3.600
3	Từ tiếp đất Tỉnh đoàn đến hết đường Thanh niên	2.700
V	Đường Hoàng Trường Minh	
1	Đoạn từ ngã tư Chợ Bắc Kạn đến hết đất bà Phạm Thị Thái	3.000
2	Từ hết đất bà Phạm Thị Thái đến giáp đất bà Đinh Thị Loan	1.800
3	Từ đất bà Đinh Thị Loan đến Cầu Đen	3.000
VI	Đường Nông Quốc Chấn	
1	Từ cầu Đen đến hết đất Cửa hàng Xăng dầu số 91	2.400
2	Từ hết đất Cây xăng Thương nghiệp đến hết đất bà Đỗ Thị Thanh	1.800
3	Từ giáp đất bà Đỗ Thị Thanh đến đất ông Nguyễn Hồng Thái	1.800
4	Từ đất ông Nguyễn Hồng Thái đến giáp đất ông Vũ Đức Cánh	2.100
5	Từ đất ông Vũ Đức Cánh đến hết đất ông Vũ Văn Vinh	900
6	Từ giáp đất ông Vũ Văn Vinh đến hết đất phường Sông Cầu	420
VII	Đường Nguyễn Văn Tố	3.000
VIII	Các trục đường phụ	
1	Đoạn từ Đường Hoàng Trường Minh đến cuối đường Thanh niên	
1.1	Từ ngã ba Đường Hoàng Trường Minh đến Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn	3.600
1.2	Từ giáp Trường Trung học cơ sở Bắc Kạn đến cuối đường Thanh niên	3.900




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Đường vào Trường Quân sự	
2.1	Từ ngã ba đường Thanh niên đến cầu Dương Quang	1.800
2.2	Từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Nguyễn Duy Khánh	900
2.3	Từ giáp đất ông Nguyễn Duy Khánh đến hết địa phận phường Sông Cầu	600
3	Đường Bàn Văn Hoan	3.000
4	Tuyến đường nội bộ trong khu dân cư Quang Sơn	1.800
5	Đường Đội Kỳ cũ	
5.1	Đoạn từ công sau Chợ Bắc Kạn đến Cầu Đội Kỳ	2.400
5.2	Từ Cầu Đội Kỳ đến gặp Đường Đội Kỳ	1.800
6	Đường từ ngã ba giao Đường Hùng Vương với Đường Đội Kỳ ra đường Thanh niên	3.600
7	Từ giáp đất tỉnh Đoàn đến đất bà Trần Thị Duyên giáp đất lô 1 Đường Đội Kỳ	1.800
8	Đường vào nhà bà Hoàng Thị Duyên (đoạn cách lộ giới Đường Nông Quốc Chấn là 20m đến ao Trường Nội trú)	480
9	Đường vào Trường Nội trú: Tính từ giáp đất ông Hoàng Văn Trung đến hết đất bà Hà Thị Nha	1.200
10	Đường đi Nông Thượng cũ: Từ suối Nông Thượng (khu Trại giam cũ đến điểm gặp đường Nguyễn Văn Tố)	900
11	Đoạn từ công sau chợ Bắc Kạn, từ nhà ông Vũ Đình Viên đến giáp đất ông Vũ Văn Luân	1.800
12	Đoạn từ nhà bà Tống Thị Yến đến nhà ông Mừng Ngọc Tài	1.200
13	Đoạn từ nhà bà Sầm Thị Hương đến nhà bà Vũ Thị Mận	1.200
14	Đoạn từ nhà bà Tráng Thị Sỏi đến hết Nhà Văn hóa Tổ 2	1.500
15	Đoạn từ nhà ông Tống Anh Sơn đến suối Nông Thượng	2.100
16	Từ hết đất ông Đào Xuân Lệ đến đất bà Nguyễn Thị Đào	900
17	Đường từ ngã ba đường lên Tỉnh ủy đến Đường Nguyễn Văn Tố hết đất phường Sông Cầu	1.800
18	Từ cách lộ giới đường Nguyễn Văn Tố 20m đến đường từ ngã	1.500

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	ba đường lên Tỉnh ủy (đoạn quán Sáu dê)	
19	Khu dân cư Tổ 13	
19.1	Trục đường chính (từ hết đất bà Tráng Thị Sỏi đến hết trục đường)	720
19.2	Các trục đường nhánh	540
IX	Các khu vực còn lại	
1	Khu vực còn lại của Tổ 1, Tổ 2, Tổ 3, Tổ 4, Tổ 5, Tổ 6, Tổ 7, Tổ 8, Tổ 9	900
2	Khu vực còn lại của Tổ 12	600
3	Khu vực còn lại của Tổ 11A, 11B, 11C, Tổ 13	420
4	Khu vực còn lại của Tổ 10, Tổ 14, Tổ 15, Tổ 16, Tổ 17	360
5	Các khu vực còn lại Tổ 18, 19	300
	PHƯỜNG XUẤT HÓA	
I	Đọc đường Thái Nguyên (QL3)	
1	Từ giáp đất Nông Thượng đến hết đất bà Đặng Thị Tiên	1.800
2	Từ giáp đất bà Đặng Thị Tiên đến cầu Nà Kiêng	1.020
3	Từ cầu Nà Kiêng đến cầu Xuất Hóa	1.800
4	Từ cầu Xuất Hóa đến cầu Suối Viên	1.500
5	Từ cầu Suối Viên đến hết đất Xuất Hóa	600
6	Từ giáp cầu Xuất Hóa đến hết đất Xuất Hóa (đường đi Na Rì - QL3B)	300
7	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Trường Tiểu học đến đầu đập tràn	600
II	Các tuyến đường nhánh	
1	Đường đi Tân Cư	
1.1	Cách lộ giới (QL3) 20m đi vào đường Tân Cư đến hết đất bà Hoàng Thị Du	240
1.2	Từ giáp đất bà Hoàng Thị Du đến ngã ba trường học cũ	180
2	Đường Tân Cư đi Khuổi Pái	



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba trường học cũ đi Khuổi Pái - phường Huyền Tung	120
	Từ ngã ba trường học cũ đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	150
3	Khu vực bên kia suối của Tổ 1	150
4	Khu vực bên kia suối từ nhà ông Nguyễn Trọng Cánh đến hết đất ông Hoàng Văn Đường	150
5	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào Kho K15 dọc hai bên đường đến cầu nhà ông Hà Quang Khải	300
6	Từ cầu nhà ông Hà Quang Khải đến nhà bà Nguyễn Thị Dịu	240
7	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất khu Đon Hin	240
8	Tuyến đường từ cổng Làng Thanh niên văn hóa (Tổ 4) đến hết đất ông Lương Văn Cập	180
9	Khu vực còn lại của Tổ 4	120
10	Từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu ngầm Bản Pjạt	
10.1	Khu vực từ nhà ông Hà Hữu Tung (Tổ 4) đến cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (Tổ 4) và khu nhà bà Triệu Thị Quyến	180
10.2	Từ cầu nhà ông Đinh Văn Mạn, (Tổ 4) đến cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa	240
10.3	Từ cổng Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến cầu ngầm Bản Pjạt	198
10.4	Khu vực từ nhà ông Hà Đức Hòe sau Trường Trung học cơ sở Xuất Hóa đến nhà ông Triệu Văn Quyên	198
11	Tuyến đường Nà Bản - Bản Rạo	
11.1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến cầu Nà Bản	600
11.2	Từ cầu Nà Bản đến hết đất ông Hứa Văn Hội	300
11.3	Từ hết đất ông Hứa Văn Hội đến hết tổ Bản Rạo	240
11.4	Từ hết đất ông Nông Văn Quý đi đến thôn Khuổi Trang (Nông Thượng)	150
11.5	Từ cầu Nà Bản đến đất bà Lê Thị Thiên	240
12	Khu vực Nà Pên sau lô 1 Tổ 6	240

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
13	Từ cách lộ giới (QL3) 20m rẽ vào đến nhà ông Hoàng Văn Sơn Tổ 6	270
14	Tuyến đường đi Tân Sơn từ cách lộ giới (QL3B) 20m đến hết đất Xuất Hóa	240
15	Tuyến đường Khau Gia	
15.1	Từ cách lộ giới (QL3) 20m đến cầu Lũng Hoàn	600
15.2	Từ cầu Lũng Hoàn đến đất ông Nông Văn Lô (Tổ 5)	150
16	Các khu vực còn lại	120
PHƯỜNG HUYỀN TỤNG		
1	Đường Chiến thắng Phủ Thông	
1.1	Đoạn giáp ranh với Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến Km160	2.400
1.2	Đoạn từ Km160 lên đến ngã ba tổ Khuổi Lặng	1.500
1.3	Từ ngã ba tổ Khuổi Lặng đến hết đất thành phố	720
2	Đường Hoàng Văn Thụ (địa phận phường Huyền Tụng)	1.800
3	Tuyến đường đi Phiêng My	
3.1	Tuyến đường đi Chí Lèn (từ trụ sở Ủy ban nhân dân phường Huyền Tụng cũ đến hết đất ông Hà Chí Hoàng)	600
3.2	Từ hết đất ông Hà Chí Hoàng đến hết đất tổ Bản Cạu	420
3.3	Từ hết đất tổ Bản Cạu đến hết đất tổ Chí Lèn	300
3.4	Từ hết đất tổ Chí Lèn đến hết đất tổ Phiêng My	240
3.5	Các vị trí còn lại tổ Bản Cạu	270
3.6	Các vị trí còn lại tổ Chí Lèn	210
3.7	Các vị trí còn lại tổ Phiêng My	180
4	Tổ Nà Pam	240
5	Tổ Khuổi Hẻo	180
6	Tuyến đường đi Mỹ Thanh	
6.1	Từ giáp Phường Đức Xuân đến hết tổ Bản Vèn ngoài	420
6.2	Các khu vực còn lại tổ Bản Vèn ngoài	300



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết đất tổ Bản Vèn ngoài đến hết đất tổ Tổng Nềng	300
6.4	Các vị trí còn lại của tổ Tổng Nềng	240
6.5	Từ hết đất tổ Tổng Nềng đến hết địa giới phường Huyền Tụng	180
6.6	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Pái	120
7	Các khu vực còn lại của tổ Bản Vèn trong	180
8	Tổ Pá Danh	
8.1	Từ nhà ông La Văn Tiến đến hết đất bà Hà Thị Phúc	600
8.2	Các khu vực còn lại của tổ Pá Danh	420
8.3	Khu vực Phiêng Vinh (thuộc tổ Pá Danh)	240
9	Tổ Xây Dựng	420
10	Tổ Nà Pèn	
10.1	Đường Nà Pèn - Pá Danh	420
10.2	Đoạn từ Nhà Văn hóa tổ Nà Pèn đến giáp khu tái định cư Khuổi Kén	420
10.3	Khu tái định cư Khuổi Kén	720
10.4	Các vị trí còn lại	240
11	Tổ Đon Tuấn	
11.1	Từ giáp đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Cao Việt Thắng	480
11.2	Các vị trí còn lại tổ Đon Tuấn	240
12	Tổ Khuổi Dùm	240
13	Tổ Lâm Trường	
13.1	Từ sau lộ giới QL3 20m đến hết đất ông Nông Văn Thị	360
13.2	Các vị trí còn lại của tổ Lâm trường	210
14	Tổ Giao Lâm	420
15	Tổ Nà Pài, tổ Khuổi Lặng	240
16	Tổ Khuổi Mật	
16.1	Đường đi tổ Khuổi Mật (đoạn từ cách lộ giới Đường Hoàng	600

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Văn Thụ là 20m đến hết đất bà Lý Thị Cói)	
16.2	Từ nhà ông Đặng Văn Thành đến nhà ông Nguyễn Hữu Nga	300
16.3	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Mật	180
17	Các vị trí còn lại của tổ Khuổi Thuồm	420
18	Các khu vực còn lại chưa nêu ở trên	120
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đường phố loại 1	
1	Trục đường QL3 từ Cầu Ô gà đến hết địa phận thị trấn Chợ Mới	1.200
II	Đường phố loại 2	
1	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Phan Bá Thuận (đầu đường QH32m đến cuối đường QH32m)	720
2	Từ cổng Trung tâm Dạy nghề huyện đi qua chợ đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp (cách đường QH32m là 20 m)	720
3	Từ giáp đất nhà ông Hoàng Đình Hoàn đến đường QH32m (cách lộ giới 20m)	540
4	Đường nhánh Tổ 3 từ giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Lành đến hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc	450
5	Đoạn từ cổng Ủy ban nhân dân cách lộ giới QL3 20m (bảo hiểm cũ) đến giáp đất nhà bà Nguyễn Thị Chút	510
6	Đoạn từ giáp đất nhà bà Tống Thị Liên đến lộ giới đường QH32m (đường nội thị Tổ 1)	450
7	Đường nội thị Tổ 6	480
III	Các vị trí khác	
1	Đường nhánh đi Ba Luồng (cách lộ giới QL3 là 20m) đến hết đất thị trấn Chợ Mới	330
2	Đoạn từ cách lộ giới đường QH32m là 20m đến Sông Chu (đường nội thị Tổ 2)	240
3	Đường vào Trạm Y tế thị trấn	300
4	Từ hết đất nhà bà Bùi Thị Lộc đến hết đất nhà bà Phạm Thị Nguyên	210

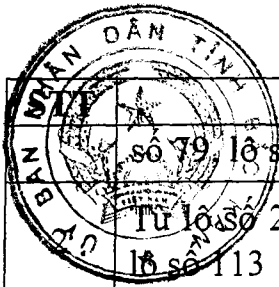
ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Đường nhánh Tổ 5 đoạn từ giáp đất nhà ông Mã Ngọc Khanh đến hết đất nhà ông Nguyễn Đình Phú	270
6	Đoạn từ giáp đất nhà ông Tạ Duy Cường đến hết đất nhà bà Nguyễn Thị Biên	330
7	Đường nhánh Tổ 7 từ giáp đất Công an huyện (cũ) đến hết đất nhà ông Nguyễn Ngọc Chân (bờ Sông Chu)	480
8	Đoạn đường nhánh từ Tòa án đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Trung	270
9	Đoạn đường nhánh Tổ 4 từ giáp đất nhà ông Đinh Khắc Tiến đến hết đất ông Vũ Đình Nghĩa (Sông Chu)	270
10	Các vị trí đất khác chưa nêu ở trên	210
HUYỆN CHỢ ĐÒN		
I	Tuyến đi Ba Bể (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, nhà ông Phạm Văn Dịu, nhà ông Lê Quang Thiết đến Khách sạn Đức Mạnh	2.400
2	Từ Khách sạn Đức Mạnh đến hết nhà ông Luân Sỹ Thi	2.016
3	Từ tiếp đất nhà ông Luân Sỹ Thi đến cống tiêu Cây xăng Tổ 9	1.440
4	Từ Cây xăng Tổ 9 đến cống tràn Tổ 10	1.152
5	Từ sau cống tràn Tổ 10 đến hết đất thị trấn	1.056
II	Tuyến đi Bắc Kạn (đọc hai bên đường)	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm tiếp nhà ông Lê Quang Thiết đến hết đất ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh)	1.728
2	Từ nhà ông Nguyễn Quốc Tuấn (karaoke Đức Mạnh) đến hết đỉnh đèo Kéo Càng (Trạm cấp nước)	1.152
3	Từ đỉnh đèo Kéo Càng đến hết đất thị trấn	600
4	Từ Bru điện đến hết đất nhà ông Phan Ngọc Tuấn (ngã ba Bệnh viện)	2.400
III	Tuyến đi Định Hóa	
1	Từ ngã ba Kiểm lâm, ranh giới nhà ông Phạm Văn Dịu đến hết nhà ông Hoàng Văn Lương	2.016
2	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Lương đến hết đất ở nhà ông	1.440

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Nông Văn Nguyễn	
3	Từ tiếp đất nhà ông Nông Văn Nguyễn đến hết đất thị trấn	672
IV	Các đường phụ (đọc hai bên đường)	
1	Từ đất nhà Dũng Cúc đến hết đường trục chính vào khu dân cư lương thực cũ	1.632
2	Các tuyến đường trong khu dân cư tự xây (Xưởng nông vụ và Khu lương thực cũ)	1.440
3	Từ nhà bà Thập Đoạt đến hết nhà ông Đỗ Đức Quảng	1.152
4	Từ tiếp đất nhà Hiền Cung đến mở nước	1.056
5	Từ đất nhà bà Lục Thị Toán đến hết đất nhà ông La Văn Siu	2.400
6	Từ đất nhà Hiền Cung đến hết đất nhà ông Bằng Văn So	1.440
7	Tiếp đất nhà ông Bằng Văn So đến hết đất nhà bà Đàm Thị Sơn	960
8	Tiếp đất bà Đàm Thị Sơn đến hết đất thị trấn	480
9	Từ hết đất Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Chợ Đồn đến đất Trường Mầm non thị trấn	1.152
10	Từ ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Khâm, sau nhà ông Nguyễn Đức Thiêm	960
11	Từ tiếp giáp ngã ba Ban Quản lý dự án huyện đến hết đất nhà ông Lý Văn Hắt	1.152
12	Đoạn đường rẽ vào Trường Tiểu học thị trấn đến hết nhà ông Nông Quốc Thái	1.008
13	Từ ngã ba tiếp đất nhà ông Nông Quốc Thái đến Trường Hoàng Văn Thụ	672
14	Đường từ ngã ba Phòng Giáo dục đến nhà Tùng Vàng	1.152
15	Từ đất nhà Tùng Vàng đến cổng Trường mầm non Thị Trấn	1.152
16	Đường phía sau chợ Bằng Lũng từ nhà ông Vũ Ngọc Khánh (Tổ 2A) đến hết đất nhà ông Mạch Văn Dũng (Tổ 11A)	2.160
17	Đường phía Nam chợ Bằng Lũng (Tổ 11B) từ nhà ông Nguyễn Tiến Vừng đến hết đất nhà ông Bùi Văn Chúc	1.920
18	Các đường dân sinh có mặt đường lớn hơn hoặc bằng 02m	528



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các đường dân sinh có mặt đường nhỏ hơn 02m	336
	Từ ngã ba Vật tư cách lộ giới ĐT254 20m đến Trường Dạy nghề và các tuyến nhánh trong khu dân cư Nông Cụ	1.344
21	Từ ngã ba Kẹm Trinh đến hết đất nhà ông Phùng Văn Hường, thôn Bản Duồng II	672
22	Tiếp đất nhà ông Phùng Văn Hường đến hết đất thị trấn	336
V	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	240
HUYỆN NA RÌ		
I	Trục đường từ xã Lương Hạ đi xã Lam Sơn	
1	Từ giáp đất xã Lương Hạ đến đầu cầu Hát Deng phía Bắc (tuyến chính)	1.260
2	Từ nhà ông Sinh đến hết đất thị trấn (tuyến nhánh)	720
3	Từ đầu cầu Hát Deng phía Nam đến đầu Cầu Tranh phía Bắc	1.260
4	Từ Cầu Tranh phía Nam đến đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên)	1.200
5	Từ giáp đường rẽ vào nhà ông Chính (Nguyên) đến hết đất nhà ông Sơn	720
6	Từ giáp đất nhà ông Sơn đến hết đất nhà ông Quang (Thu)	1.200
7	Từ giáp đất nhà ông Quang (Thu) đến hết tường rào xây nhà ông Viêt	720
8	Từ tường rào xây nhà ông Viêt đến hết đất thị trấn Yên Lạc	600
II	Các trục đường phố cổ	
1	Từ đất nhà bà Vui (ngõ ngã ba Huyện ủy) đến đường lên Sân Vận động Lương Hạ (phía Bắc)	720
2	Từ nhà bà Pháy qua ngã ba đến công Trường Nội trú	360
3	Từ ngã tư phố cổ đến đầu cầu cứng Tà Pin	720
4	Từ tuyến chính đường nội thị đến công xây nhà bà An	720
5	Từ công xây nhà bà An đến hết đất thị trấn (giáp Kim Lư)	480
6	Từ cầu cứng Tà Pin đến đường rẽ đi động Nàng Tiên, Lương Hạ	480

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
7	Từ tuyến nhánh đường nội thị đến công Nhà Khách huyện	720
8	Từ tuyến chính nội thị đến hết đất khu dân cư phía Bắc cầu Hát Deng	660
9	Đoạn đường rẽ sau Bến xe khách	720
III	Trục đường vành đai	
1	Ngã tư đường nội thị đi qua đất Chi nhánh Điện đến giáp khu dân cư chợ cũ	720
2	Từ ngã ba đường nội thị qua sau Chi cục Thuế cũ đến ngã ba đường đi ngầm	720
3	Từ ngã tư đường nội thị qua sau Huyện đội đến công ngã ba nhà ông Linh	720
4	Từ công ngã ba nhà ông Linh đến hết đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu	300
5	Từ giáp đất Nhà Họp tổ nhân dân Pàn Châu đến hết đất thị trấn Yên Lạc	720
6	Từ ngã ba nhà ông Linh đến ngã ba đường rẽ Ủy ban nhân dân huyện	720
7	Từ công Ủy ban nhân dân huyện ra đường nội thị	1.080
8	Từ đường nội thị (nhà ông Hiệp Bang) đến công Trường Tiểu học Yên Lạc	900
9	Từ công Trường Tiểu học Yên Lạc qua Trạm Lâm nghiệp đến chân cầu Hát Deng	360
10	Từ đường nội thị vào Bản Pò đến hết đất nhà ông Tuyên (ngã ba đường)	480
11	Từ hết đất nhà ông Tuyên (ngã ba đường) đến hết đất nhà bà Hồng	360
12	Từ đường nội thị đến nhà ông Đài Bằng (đường đi Thôm Pục)	300
13	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Bắc)	480
14	Đường tránh QL3B đoạn qua thị trấn Yên Lạc (phía Nam)	480
IV	Giá đất khu dân cư chợ cũ Yên Lạc	
1	Từ lô số 10 đến lô số 19, lô số 30 đến lô số 37, lô số 72 đến lô	900




Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	số 79, lô số 90 đến lô số 94, lô số 100 đến lô số 108	
	Từ lô số 20 đến lô số 29, lô số 80 đến lô số 89, lô số 109 đến lô số 113	960
3	Từ lô số 48 đến lô số 55, lô số 65 đến lô số 71, lô số 119 đến lô số 131	1.020
4	Từ lô số 05 đến lô số 09, lô số 38 đến lô số 47, lô số 56 đến lô số 64, lô số 95 đến lô số 99, lô số 114 đến lô số 118	1.080
5	Từ lô số 01 đến lô số 04	1.140
6	Từ lô số 132 đến lô số 145, và các lô số 57a, 59a, 60a	1.260
V	Các khu vực còn lại	
1	Các trục đường chưa nêu ở trên có mặt đường > 03m	240
2	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	180
BẠCH THÔNG		
I	Trục đường QL3	
1	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Bắc đến hết đất thị trấn Phủ Thông	2.700
2	Từ cổng Nhà Hái QL3 đoạn từ Điện lực Phủ Thông vào đến hết Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.080
3	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ nhà bà Nguyễn Thị Loan lên đến Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông (trừ đất của các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.080
4	Bám trục đường QL3 đoạn đường từ Cửa hàng Xăng dầu - số 32 Phủ Thông lên đến hết đất Trường Mầm non Phương Thông (trừ các hộ bám trục mặt đường QL3)	1.080
5	Từ cổng Nhà Hái (giáp đường vào Bệnh viện Đa khoa Bạch Thông) về phía Nam đến hết đất thị trấn Phủ Thông (Km173-QL3)	1.800
6	Từ cách lộ giới QL3 đường lên đến cổng trường Trung học cơ sở Phủ Thông đến hết đất thị trấn	1.080
II	Trục đường tỉnh lộ 258	
1	Từ ranh giới nhà ông Bùi Ngọc Dương và nhà ông Sái Văn	1.800

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Cường đến Cầu Đeng	
2	Đường lên Trường Trung học phổ thông Phủ Thông cách lộ giới đường 258 là 20m đến cổng Trường Trung học phổ thông Phủ Thông	1.080
3	Đoạn từ nhà ông Hoàng Á Lợi và Bùi Ngọc Thông đến giáp suối Tà Giàng	1.080
III	Đất các khu vực khác trong địa bàn thị trấn Phủ Thông	600
	HUYỆN BA BÈ	
I	Các trục đường chính (đọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ vào Lâm trường đến hết đất nhà ông Dương Văn Năm Tiểu khu 3	1.140
2	Tiếp đất nhà ông Dương Văn Năm đến hết đất thị trấn	840
3	Từ ngã ba Cầu Toòng đi cầu treo Cốc Phát đến hết đất nhà ông Mông Văn Thiện	1.050
4	Tiếp hết đất nhà ông Mông Văn Thiện đến hết đất thị trấn	840
5	Từ đường rẽ vào Lâm trường Ba Bè đến cổng cạnh nhà ông Dương Văn Duy TK4	1.380
6	Từ tiếp cổng nhà ông Dương Văn Duy TK4 đến hết đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4	1.440
7	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến hết đất nhà ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2)	1.530
8	Từ đất ông Dương Văn Hoàng (ngã tư TK2) đến hết đất thị trấn (giáp xã Địa Linh)	1.200
9	Từ tiếp đất nhà ông Doãn Văn Đám TK4 đến cổng Phja Sen	1.530
10	Từ tiếp cổng Phja Sen đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7)	1.470
11	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn La (TK7) đến đầu cầu Pác Co	1.530
12	Từ cầu Pác Co đến đầu cầu Tin Đồn	1.530
13	Từ cầu Pác Co đến ngã tư đường QL279 và đường 258A	1.530
14	Từ ngã tư đường QL279 và đường 258A đến cổng Loỏng Cại	1.260
15	Từ cổng Loỏng Cại đến hết đất thị trấn	1.020

	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè) đến ngã tư TK2	1.410
	Đường QL279 nối từ TK3 đến công ngang đường QL279 (dưới Lâm trường Ba Bè)	840
18	Từ ngã tư đường QL279 giao với đường 258A (TK2) đến đầu cầu Tà Nghè (TK2)	1.260
19	Từ đầu cầu Tà Nghè (qua TK1) đến hết đất nhà ông Đồng Minh Sơn TK1	1.020
20	Từ tiếp đất nhà bà Hoàng Thị Giới (TK1) đến hết đất nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11)	840
21	Từ giáp nhà ông Bé Thiện Kiệm (TK11) đến hết nhà ông Hoàng Lục Duyệt (TK10)	1.530
22	Từ tiếp đất Hoàng Lục Duyệt (TK10) đến hết đất thị trấn	1.020
II	Các trục đường phụ	
1	Từ tiếp đất Trung tâm Y tế đến Trường Trung học phổ thông Ba Bè	1.080
2	Từ tiếp đất nhà ông Tạ Trương Minh TK8 đến tiếp đất nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8	900
3	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung (TK8) đến hết nhà ông Ma Nguyễn Tuấn TK8	510
4	Tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Nhung TK8 đến hết nhà ông Hoàng Văn Quyết TK8	510
5	Tiếp đất nhà ông Vũ Minh Khoan TK9 đến hết đất thị trấn (đi Bản Pục)	720
6	Từ nhà bà Hà Thị Viêt đến đường QL279 dọc hai bên đường	840
7	Tiếp đường QL279 (đi Nà Săm) đến hết đất thị trấn	540
8	Tiếp nhà ông Đinh Anh Giao đến hết đất nhà ông Cao Viêt Thủ TK4	1.080
9	Từ nhà bà Vi Thị Thâm TK2 đến hết đất nhà ông Lôi Huy Thục TK2	600
10	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã (TK4)	
10.1	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 1 (từ lô 22	1.470

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	đến lô 38 và từ lô 21 đến lô 39 và các lô 21, 39)	
10.2	Dự án vùng nguy cơ lở cao thị trấn Chợ Rã Khu 2, Khu 3 (từ lô 41 đến 51; từ lô 54 đến lô 63; từ lô 66 đến lô 73; từ lô 76 đến lô 82 và các lô 40, 52, 53, 64, 65, 74, 75, 83)	1.410
11	Từ ngã ba (đường giao giữa đường 279 với tuyến 258B mới đối diện nhà ông Khôi TK3 đến hết đất thị trấn	510
III	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	390
HUYỆN NGÂN SƠN		
I	QL3 (đi về phía Lãng Ngâm)	
1	Đoạn từ nhà ông Bé Đình Thanh đến hết đất ông Ngọc Văn Trí	900
2	Tiếp hết đất nhà ông Ngọc Văn Trí đến hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn	720
3	Từ hết đất nhà ông Đường Trung Tuấn đến hết cầu Nà Ha	360
4	Tiếp cầu Nà Ha đến hết đất thị trấn Nà Phặc	300
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến hết đất thôn Bó Danh	180
II	QL3 (đi về phía Vân Tùng)	
1	Từ hết đất ở ông Bé Đình Thanh đến hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn	720
2	Từ hết đất ở nhà ông Hoàng Văn Cẩn đến cầu Bản Mạch	300
3	Từ cầu Bản Mạch đến hết đất thị trấn Nà Phặc	240
4	Đường từ (QL3) cách 20m vào đến Phòng khám Đa khoa Nà Phặc	330
5	Đường từ (QL3) vào đến cầu Nà Khoang	150
III	Đường đi Hà Hiệu (QL279)	
1	Từ ngã ba Nà Phặc cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang)	900
2	Từ hết đất nhà kho chứa vật liệu (ông Nông Văn Giang) đến hết đất nhà bà Lý Thị Gấm	810
3	Từ hết đất nhà bà Lý Thị Gấm đến nhà ông Đồng Văn Tuấn	360




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ hết đất nhà ông Đồng Văn Tuấn đến hết đất nhà bà Phạm Thị Sen	300
5	Từ hết đất nhà bà Phạm Thị Sen đến hết đất thị trấn Nà Phặc	180
6	Từ lộ giới đường QL279 cách 20m (đường Nà Duông - Khuổi Tinh)	150
7	Từ lộ giới QL279 cách 20m theo trục đường tránh xử lý điểm đen đến QL3 cách lộ giới 20m	720
IV	Các vị trí xung quanh chợ Nà Phặc có khoảng cách là 100m trở lại	300
V	Các vị trí đất còn lại thuộc thị trấn	
1	Các thôn vùng cao: Cốc Xả, Mẫy Van, Lũng Lạ, Phịa Trang, Phịa Đẳng, Lùng Nhá	60
2	Các thôn vùng thấp còn lại	72
3	Đường Hồ Chí Minh đoạn Nà Phặc	300

IX. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	
1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Diều	2.500
2	Từ hết cầu Nà Diều đến cầu Cốc Muông	1.100
3	Từ hết cầu Cốc Muông đến cầu Nà Vịt	900
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	700
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	500
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lự đến hết đất ông Nông Văn Lự	800
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lự đến cầu Pác Cốp (thôn Khuổi	500

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Cuông)	
3	Từ cầu Pác Cốp đến hết đất bà Lường Thị Thời	700
4	Từ hết đất bà Lường Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	1.000
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	4.000
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất phường Phùng Chí Kiên	5.000
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	550
2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	2.000
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	1.200
3	Đường vào thôn Thôm Luông	700
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	500
5	Từ giáp đất ông Phụng Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	400
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn, thôn Nà Bản	500
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bản	400
8	Đường vào khu Khuổi Mài đến nhà ông Lộc Thị Bẹ	500
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	400
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muông	400
11	Các khu vực còn lại	300
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	3.000
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	1.500
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước	300



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các khu vực còn lại thôn Nà Ổi	1.000
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	3.500
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	1.000
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nặm Cát	1.200
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	3.200
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	3.400
5.5	Các khu vực còn lại	1.000
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	400
7	Khu trục đường liên thôn Nà Ổi - Quan Nưa	500
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	300
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	500
9.2	Từ giáp tTrường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cườm	300
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	250
11	Trục đường Bản Cáu - Bản Trang	300
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giềng	300
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa, Nà Rì	250
14	Các khu vực còn lại	200
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đối với đất ở tại xã Yên Đĩnh	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đoạn QL3 đi qua địa phận xã Yên Đĩnh	2.000
2	Đường Yên Đĩnh - Bình Văn	
2.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m, từ Chi nhánh điện đến cầu Yên Đĩnh	1.100
2.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất xã Yên Đĩnh	550
3	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến cổng Bệnh viện	850
4	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch cũ)	430
5	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	600
6	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến cổng sau Bệnh viện	500
7	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Bình	550
8	Đường liên xã thị trấn Chợ Mới đi Quảng Chu	400
9	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch Yên Đĩnh	150
II	Khu vực các xã	
1	<i>Trục đường QL3 (xã Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)</i>	
1.1	<i>Xã Thanh Bình</i>	
-	Từ hết địa giới hành chính xã Yên Đĩnh đến giáp đất nhà bà Đình Thị Ru	350
-	Từ đất nhà bà Đình Thị Ru đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	870
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến hết địa giới xã Thanh Bình	360
-	Từ đất nhà bà Đình Thị Ru đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	800
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	560



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	600
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	350
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Yên Định đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	550
-	Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn, đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Bình	130
1.2	<i>Xã Nông Thịnh</i>	
-	Từ giáp đất xã Thanh Bình đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn)	360
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	560
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	450
1.3	<i>Xã Nông Hạ</i>	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ, thôn Nà Mây đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo, thôn 62	950
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	450
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huân, thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử, thôn Cao Thanh	330
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	600
1.4	<i>Xã Cao Kỳ</i>	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Hué (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thué Cao Kỳ	650
1.5	<i>Xã Hòa Mục</i>	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	340
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	310
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	500

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1.6	Các vị trí còn lại của Trục QL3 chưa nêu ở trên	310
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	250
3	Đất ở các xã	
3.1	Xã Yên Cư	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	320
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương)	220
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	130
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương) đến hết đất thôn Bản Cháo, xã Yên Cư	110
3.2	Xã Yên Hân	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến cầu Quan Đế	800
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai	320
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai đến cầu Thôm Châu	280
3.3	Xã Bình Văn	
-	Từ cổng Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	320
3.4	Xã Như Cồ	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Viết Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	500
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ (giáp xã Yên Đĩnh) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	300
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	250
3.5	Xã Quảng Chu	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	400
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên	550



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu		
3.6	<i>Xã Thành Vân</i>	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Phạm Văn Út (thôn Chúa Lại)	550
3.7	<i>Xã Mai Lạp</i>	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tổng)	450
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tổng) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	350
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	350
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tổng)	350
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	350
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rả)	300
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	350
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	250
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pản Pá - Tổng Vụ)	250
-	Đất ở nông thôn còn lại	150
3.8	<i>Xã Thanh Mai</i>	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	900
3.9	<i>Xã Tân Sơn</i>	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	350
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên	220

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	(áp dụng cho tất cả các xã)	
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	110
6	Đất ở nông thôn của các xã	
6.1	Đất ở nông thôn còn lại của thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh và xã Thanh Bình	120
6.2	Đất ở nông thôn còn lại của các xã xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	110
6.3	Đất ở nông thôn còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vận, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	100
	HUYỆN CHỢ ĐỒN	
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đông Viên, Rã Bản, Phương Viên)	
1	Từ cổng chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Viên có khoảng cách 100m đi về hai phía	500
2	Ngã ba thôn Nà Tãi xã Rã Bản có khoảng cách 100m đi về hai phía	465
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	550
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	450
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến cổng tràn	450
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	200
II	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Bằng Lãng, Ngọc Phái, Quảng Bạch, Đồng Lạc, Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	690
2	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	480




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Khu tái định cư trường Trung học phổ thông Bình Trung	480
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	350
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh Tổ 10 (Bằng Lũng), ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	600
6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liềng	250
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	300
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đông Viên, Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Nhuận	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	450
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	375
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	300
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã Yên Mỹ	180
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	130
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	195
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái, Yên Thượng, Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường (xã Ngọc Phái)	450
2	Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bản Bậy, xã Yên Thượng	230
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cậu	350
4	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mỏ chì kèm Chợ Điền)	225
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm, Nà Nham, xã Yên Thượng	150
6	Từ ngã ba Bản Đồn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	250

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
7	Từ cầu treo Bản Cạu đến hết đất Yên Thịnh	200
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	250
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	200
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng	200
2	Từ ngậm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	250
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	150
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	465
2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	375
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	375
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	315
2.5	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến Đập Thủy điện	300
2.6	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	300
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	130
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	130
3.2	Từ khu hộ Tiểu Văn Tham đến khu Nà Lộ	130
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lư	130
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	130
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sáo	130
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	105



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lăng - Phong Huân - Yên Nhuận	130
2	QL3C Bình Trung - Phong Huân	120
3	QL3C Nghĩa Tá - Phong Huân	130
4	QL3C Bằng Lăng - Khu C	130
5	QL3C Bằng Lăng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	300
6	QL3C Bằng Lăng đi Bản Nhì sang xã Phong Huân	120
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	300
8	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	300
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa	130
VIII	Đất ở nông thôn còn lại	90
	HUYỆN NA RÌ	
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Lương Hạ	
1	Từ giáp đất nhà ông Làm đến hết đất nhà ông Hoan Hường	900
2	Từ giáp đất nhà ông Hoan đến ngã ba đường đi Sân Vận động	1.600
3	Từ ngã ba đường đi Sân Vận động đến ngã ba đi Văn Học (tuyến chính)	1.500
4	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thử	600
5	Từ ngã ba đường đi Văn Học đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	600
6	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	500
7	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	300
8	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc hết đất Lương Hạ	240
9	Ngã ba đường rẽ đi Văn Học đến đỉnh Kéo Hiền (Nà Khun)	170
10	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Lương Hạ	70
11	Ngã ba Khưa Slen đến Sân Vận động xã Lương Hạ	450

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
12	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) xã Lương Hạ và Trường Mầm non Lương Hạ	120
13	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã đến Sân Vận động Lương Hạ	150
14	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	110
15	Đường vào động Nàng Tiên	
15.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyền	320
15.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyền đến sân Động Nàng Tiên	100
16	Đường Kim Lư - Lương Thành	
16.1	Từ ngã ba đi Động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng (địa phận xã Lương Hạ)	290
16.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiến Thanh xã Lương Hạ	100
17	Đường tránh QL3B đoạn qua xã Lương Hạ	250
18	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến Trường Trung học cơ sở	150
19	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Pằng đến nhà bà Hoàng Thị Chí thôn Nà Lặng	100
20	Các trục đường liên thôn còn lại có mặt đường $\leq 03m$	80
II	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh (QL3B)	250
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	600
3	Từ nhà ông Ích Bản Cháng đến ngã ba đường Lùng Cào	110
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến công Pò Sâu (Phiêng Đốc)	120
5	Từ công Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến công Sọ Trào (Phiêng Đốc)	130
6	Từ công Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	190
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôn Thia	600




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
8	Từ ngã ba Đò Khiển đi Khuổi Ít đến công mương Co Tào	130
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lèng đến giáp QL3B	150
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	70
III	Xã Lam Sơn	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất thị trấn đến cầu Cốc Phát	260
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	180
1.3	Từ cầu Tà Pải đến công xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	450
1.4	Từ công xây nhà ông Thành (xưởng cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã Lam Sơn	120
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	260
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Lam Sơn đến Km13 (Lam Sơn đi Lương Thành)	270
2.2	Từ Km13 đến hết đất Lam Sơn	70
2.3	Từ ngã tư Lam Sơn (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	180
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	170
3.2	Tiếp từ công nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diềm (thuộc tuyến Kim Lư - Lương Thành)	90
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diềm đến hết đất Lam Sơn	70
3.4	Các trục đường liên thôn trong xã chưa nêu ở trên	70
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliéc đến công xây nhà ông Thảo	170
2	Công xây nhà ông Thảo đến công trường tiểu học	270
3	Từ công trường tiểu học đến công thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	270
4	Từ công Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	130

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
5	Từ cổng trường tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	120
6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	240
7	Từ Trạm Y tế đến cổng Nà Lùng (Pò Nim)	120
8	Từ cổng Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	110
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cầm)	100
10	Từ ngã ba Nà Tâng đến cổng Thôm Bon (đường đi Vũ Loan)	200
11	Cổng Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	150
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	80
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Vũ Loan	80
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	60
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Nặm Dấm hết đất xã Cường Lợi	100
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	80
17	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	60
II	Trung tâm xã Lạng San	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	70
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	85
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Lãng Ngâm)	330
4	Từ ngã ba QL279 đi xã Ân Tình đến hết tường rào trường Phổ thông cơ sở Lạng San	220
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến góc Trám	70
6	Từ giáp đất Lương Thành đến cầu Khuổi Slúng (Lạng San)	200
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Lạng San (đi Lãng Ngâm)	280
8	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	60
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	800
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	200



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	200
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lũ, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	200
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen, giáp đất thôn Khuổi Tây B, xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng, xã Đồng Xá	200
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	100
IV	Trung tâm xã Cư Lễ	
1	Trục QL 3B	
1.1	Từ công bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cư Lễ II	320
1.2	Từ cầu Cư Lễ II đến cầu Cư Lễ I	150
1.3	Từ Kéo Cặp đến công Pò Rì (Cư Lễ)	80
1.4	Từ cầu Cư Lễ I đến hết địa phận Cư Lễ giáp xã Hữu Thác	60
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến công Sọ Ngù (đường đi Lạng Sơn)	320
2.2	Từ công Sọ Ngù đến công cua Vàng Héo	150
2.3	Từ công cua Vàng Héo đến hết đất Cư Lễ giáp Lạng Sơn	60
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	60
V	Trung tâm xã Hảo Nghĩa	
1	Từ địa phận Hảo Nghĩa đến cầu Vàng Mười (Hảo Nghĩa)	100
2	Từ cầu Vàng Mười đến đầu cầu cứng (Hảo Nghĩa)	450
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Hảo Nghĩa	90
4	Hai đầu cầu cứng Hảo Nghĩa xuống ngầm	90
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến công dưới nhà ông Cười, thôn Nà Chót	90
6	Đường liên thôn Nà Liêng, Nà Đấu, Nà Coòng từ nhà bà Len, thôn Nà Liêng đến công dưới nhà ông Kiểm, thôn Nà Coòng	80
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông	80

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Chấn	
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cư Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	70
1.2	Các đường liên xã còn lại	60
2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đồng Xá	
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuân	80
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuân đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	100
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngàm dưới nhà ông Đệ	80
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến cổng trường học	70
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	100
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	80
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	100
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	100
2.3	Xã Dương Sơn	
-	Từ cống cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	100
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	70
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Hảo Nghĩa	70
-	Đường liên thôn Rây Ỏi - Khuổi Kheo	60
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến cống cạnh nhà ông Hỷ	70
-	Từ giáp đất Lam Sơn đến giáp ranh xã Lương Thành	70
2.5	Xã Ân Tình	




Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Từ Bộ Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Đường	70
	Xã Văn Học	
-	Từ cầu Nà Bura đến Trạm Hạ thế số 01	70
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	70
2.7	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	70
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	70
2.8	Xã Vũ Loan	
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	100
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Vũ Loan	70
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Chang Ngòa	70
-	Từ Chợ Vũ Loan đến cầu Bắc Ái, thôn Khuổi Vạc	70
2.9	Xã Lương Thành	
-	Từ ngã ba QL279 đến hết đất Lương Thành (đường Lương Thành - Kim Lư)	60
-	Từ giáp đất Văn Minh đến rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành	70
-	Từ rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành đến đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng)	100
-	Từ đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng) đến hết đất Lương Thành giáp xã Lạng San	70
2.10	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	200
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	100
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	80
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Măng	150
-	Từ cầu Khuổi Măng đến đến công bi (ao ông Đạo)	300

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ cống bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	100
2.11	Xã Hữu Thác	
-	Từ QL 3B vào đến cống xây Quan Làng	80
-	Từ cống xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm	80
-	Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hữu Thác	80
-	Từ địa phận Hữu Thác giáp Cư Lễ đến giáp xã Hào Nghĩa	100
2.12	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đồng Xá	90
-	Từ địa phận Quang Phong đến cống Nà Lay (Quang Phong)	100
-	Từ cống Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	120
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	100
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tường thôn Ka Đóng đến cống ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đóng)	90
-	Từ nhà bà Hằng, thôn Quan Làng đi thôn Nà Vả đến cống Trường Mầm non xã Quang Phong	90
-	Từ cống Trường Mầm non đi thôn Nà Cà đến công Khuổi Muồng	80
-	Từ cống Khuổi Muồng đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiễn	70
2.13	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Lạng San đến cầu Nà Làng	80
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	60
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	60
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến cầu Nà Món (bám dọc	2.800



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ cầu Nhà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	1.000
3	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	500
4	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	300
5	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	2.700
6	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến cống Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1.500
7	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất xã Phương Linh (bám dọc đường 258)	1.500
8	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	600
9	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	500
10	Đoạn tiếp giáp từ đất xã Phương Linh bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	300
11	Đường trục chính liên xã Hà Vị, Lục Bình, Tú Trĩ, Vi Hương, Phương Linh giáp tỉnh lộ 258	400
12	Từ ngã ba Bưu điện Tú Trĩ ra QL3	400
13	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huân	500
14	Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên thôn Nà Phả, xã Hà Vị	500
15	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	500
16	Các đường trục xã và liên xã còn lại	300
17	Đất ở nông thôn còn lại trong huyện	100
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đoạn từ cống Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	2.000
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu Chợ cũ Cẩm Giàng	1.000
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1.500
4	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cống Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (Trừ lô 2 khu chợ cũ)	1.000
HUYỆN BA BÈ		
Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn		
I	Đất khu du lịch	
1	Từ tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm - thôn Bản Nân, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	1.100
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mằm xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT258)	1.000
3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	900
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	900
5	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bè	2.000
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống bến phà (bờ Nam)	900
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	650
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vài) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vài (bên tả ly dương)	300
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến cống cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	1.000
2	Từ tiếp cống cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh	500




ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Vàng, xã Địa Linh đi về phía Phủ Thông (dọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bể	350
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất xã Cao Trĩ	500
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mát (xã Chu Hương)	300
III	Đường QL279 (dọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệt thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ, thôn Nà Ma, xã Hà Hiệu	350
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	470
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba BỂ (đi thị trấn Nà Phặc)	350
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệt thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hon, xã Bành Trạch	250
5	Từ cầu treo Bản Hon đến tiếp giáp đất thị trấn	320
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chỉ, xã Thượng Giáo đến cầu Kéo Mắt, xã Cao Trĩ	500
7	Từ cầu Kéo Mắt xã Cao Trĩ đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	400
8	Tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên Quang	250
IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu)	350
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	250
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mến	250
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam	300
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La	250

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến cống Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	800
2	Từ cống Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	580
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	270
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	700
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Pục)	800
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi Cao Trĩ	800
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mát, xã Cao Trĩ	400
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê	270
6	Đường từ Cao Trĩ đi Đồn Đền	300
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ	250
8	Từ ngã ba đường 279 đến bến xuống Pác Shai, xã Cao Thượng	300
9	Từ tiếp đất Thị Trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	450
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Diêm (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279 thôn Nà Khao	200
VII	Các trục đường khác chưa nêu ở trên	120
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	Xã Lãng Ngâm	
I	Trục QL3 (về phía Bạch Thông)	
1	Từ cống Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ cống Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	500
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	600



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	500
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	200
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Slam Pác	120
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	100
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Bản Khét	120
6	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Cùm Nhá	120
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Lãng Ngâm (giáp thị trấn Nà Phặc)	400
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Toòng	200
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Toòng đến hết đất Lãng Ngâm	100
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tình	100
IV	Xung quanh chợ Lãng Ngâm (khoảng cách là 100m trở lại)	350
B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	2.000
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến công Trường Tiểu học Vân Tùng	1.300
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	2.600
3.2	Các khu vực còn lại	1.500
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lãng Đồn)	600
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lãng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	300

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	350
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	700
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1.500
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	400
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	750
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	650
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	500
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.600
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69, khu II)	1.500
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	1.150
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	200
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	650
9	Từ đất nhà ông Dương đến cầu Nà Nghè	400
10	Từ cầu Nà Nghè đến chân dốc Khưa Cáp	300
11	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	700
12	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	500
13	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	350
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	400



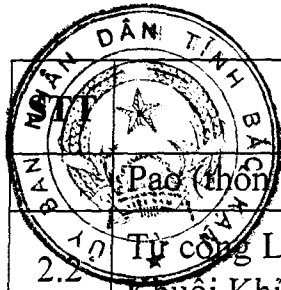
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	500
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	650
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	300
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	300
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bản Duôi (giáp xã Bằng Vân)	300
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	2.000
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1.500
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bật Bông	500
4	Từ cua Bật Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bật Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	250
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	200
5	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến thôn Bản Duôi (xã Đức Vân)	300
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân	300
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A, B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1.500
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	700
3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m)	500
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	350
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	300

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
Đ	Xã Hương Nê	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiến, thôn Nậm Nầu đến đất nhà bà Long Thị Hương	250
2	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quán 2)	600
3	Từ nhà ông Dịch Xuân Bồng đến thôn Bản Cẩu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	150
4	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quán 2) đến nhà ông Hoàng Văn Tự thôn Nà Nạc 1	250
E	Xã Thuần Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến Cây xăng Sáng Thế	1500
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuần Mang	700
3	Từ Cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bản Giang (ĐT252)	450
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	300
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý	450
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	350
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (Thôn Khuổi Tục)	250
8	Đường Khu Chợ - Bản Bạng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lạng đến nhà ông Đinh Thiện Bình	250
9	Đường Khu Chợ - Bản Bạng đoạn từ cầu Bản Bạng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (thôn Bản Bạng)	120
G	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và chợ có khoảng cách 200m)	220



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	120
	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	100
4	Đất ở nông thôn các xã còn lại chưa nêu ở trên	90
HUYỆN PÁC NẠM		
I	Đất ở tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu cống Kha Mu đến cầu Bó Lục	320
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	1.250
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	2.000
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1.900
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viết đến cống qua đường cạnh nhà bà Liên	720
6	Từ cống qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cốp đi Bằng Thành	320
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	2.000
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà SLa	3.000
9	Từ đập tràn Nà Sla (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đắng	700
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đắng đến cống Cốc Lái (trục đường Bộc Bó - Nhạn Môn)	320
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1.750
12	Từ ngã ba bắt đầu từ cống qua cống trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	4.850
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Lèo) đến công phụ Trường Tiểu học Bộc Bó	1.250
14	Đất ở vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	350
15	Đất ở lô 2 khu dân cư xã Bộc Bó	2.000
16	Từ ngã ba bắt đầu từ cống, dọc theo tường rào Ủy ban nhân	1.500

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	500
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bó - Cổ Linh	110
19	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	5.000
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến cổng Trường Nội trú	3.500
21	Từ cổng Trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phây	875
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phây đến đập tràn Nậm Mây	260
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	400
24	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1.800
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đàng đến cầu treo Tả Quang	320
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc, song song đường 27m)	2.400
27	Đường từ Thảm Ến đến đầu cầu treo Tả Quang	320
28	Từ ngã ba Nậm Mây (đường Bộc Bó - Cổ Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dư	150
II	Đất ở các vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	255
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muồng)	150
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muồng) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	255
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đình Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	150
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đình Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến cổng Lũng	150




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Pạo (thôn Thôm Mèo)	
2.2	Từ cổng Lồng Pạo thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	255
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đỉnh đèo Kéo Pjáo (giá đất xã Bộc Bó)	150
3	Đất ở các xã còn lại	255
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất ở thuộc các trục đường liên xã	100
2	Từ cầu Pác Cóp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chấn (xã Bộc Bó)	220
3	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	340
4	Đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	255
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bó	100
2	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	80
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	60

X. BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

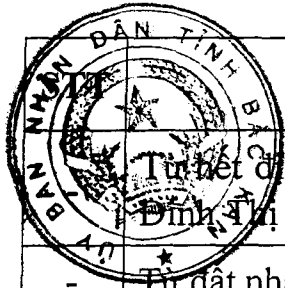
STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Điều	2.000
2	Từ hết cầu Nà Điều đến cầu Cốc Muồng	880
3	Từ hết cầu Cốc Muồng đến cầu Nà Vịt	720
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	560
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	400
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lực đến hết đất ông Nông Văn Lựu	640
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lựu đến cầu Pác Cốp (thôn Khuổi Cuồng)	400
3	Từ cầu Pác Cốp đến hết đất bà Lương Thị Thời	560
4	Từ hết đất bà Lương Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	800
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	3.200
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất Phường Phùng Chí Kiên	4.000
V	Các trục đường nhánh	
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	440
2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	1.600
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	960
3	Đường vào thôn Thôm Luông	560
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	400
5	Từ giáp đất ông Phượng Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	320
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn thôn Nà Bản	400
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bản	320
8	Đường vào khu Khuổi Mải đến nhà ông Lộc Thị Bẹ	400



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	320
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muông	320
11	Các khu vực còn lại	240
	XÃ DƯƠNG QUANG	
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	2.400
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	1.200
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước Nậm Cắt	240
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Ổi	800
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	2.800
5.2	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	800
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nậm Cắt	960
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	2.560
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	2.720
5.5	Các khu vực còn lại	800
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	320
7	Khu trục đường liên thôn Nà Ổi - Quan Nưa	400
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	240
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	400

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
9.2	Từ giáp Trường Quân sự tính đến hết khu Nà Cườm	240
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	200
11	Trục đường Bản Cáu - Bản Trang	240
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giêng	240
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa, Nà Rì	200
14	Các khu vực còn lại	160
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đối với đất ở tại xã Yên Đĩnh	
1	Đoạn QL3 đi qua địa phận xã Yên Đĩnh	1.600
2	Đường Yên Đĩnh - Bình Văn	
2.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m, từ Chi nhánh Điện đến cầu Yên Đĩnh	880
2.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất xã Yên Đĩnh	440
3	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến cổng Bệnh viện	680
4	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch cũ)	344
5	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	480
6	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến cổng sau Bệnh viện	400
7	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Bình	440
8	Đường liên xã thị trấn Chợ Mới đi Quảng Chu	320
9	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch Yên Đĩnh	120
II	Khu vực các xã	
1	Trục đường QL3 (xã Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)	
1.1	Xã Thanh Bình	



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
-	Từ hết địa giới hành chính xã Yên Đĩnh đến giáp đất nhà bà Đinh Thị Rư	280
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	695
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến hết địa giới xã Thanh Bình	288
-	Từ đất nhà bà Đinh Thị Rư đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	640
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	448
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	480
-	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	280
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Yên Đĩnh đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	440
-	Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn, đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Bình	104
1.2	<i>Xã Nông Thịnh</i>	
-	Từ giáp đất xã Thanh Bình đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn)	288
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	448
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	360
1.3	<i>Xã Nông Hạ</i>	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ, thôn Nà Mây đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo, thôn 62	760
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	360
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huấn, thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử, thôn Cao Thanh	264
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thỉ	480
1.4	<i>Xã Cao Kỳ</i>	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thuế Cao Kỳ	520
1.5	<i>Xã Hòa Mục</i>	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	272
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	248
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	400
1.6	<i>Các vị trí còn lại của trục QL3 chưa nêu ở trên</i>	248
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	200
3	Đất ở các xã	
3.1	<i>Xã Yên Cư</i>	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	256
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dường)	176
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	104
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dường) đến hết đất thôn Bản Cháo, xã Yên Cư	88
3.2	<i>Xã Yên Hân</i>	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến cầu Quan Đế	640
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai	256
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai đến cầu Thôm Châu	224
3.3	<i>Xã Bình Văn</i>	
-	Từ cổng Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	256
3.4	<i>Xã Như Cố</i>	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Viết Minh (thôn Nà	400



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ cầu đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ (giáp xã Yên Đĩnh) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	240
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	200
3.5	<i>Xã Quảng Chu</i>	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	320
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	440
3.6	<i>Xã Thanh Vân</i>	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Phạm Văn Út (thôn Chúa Lại)	440
3.7	<i>Xã Mai Lạp</i>	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tổng)	360
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tổng) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điêng)	280
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	280
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tổng)	280
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	280
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rả)	240
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	280
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	200
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần	200

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pán Pá - Tổng Vụ)	
-	Đất ở nông thôn còn lại	120
3.8	<i>Xã Thanh Mai</i>	
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	720
3.9	<i>Xã Tân Sơn</i>	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	280
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	176
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	88
6	Đất tại các xã	
6.1	Đất còn lại của thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh và xã Thanh Bình	96
6.2	Đất còn lại của các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	88
6.3	Đất còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cốc, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vạn, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	80
	HUYỆN CHỢ ĐỒN	
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đông Viên, Rã Bản, Phương Viên)	
1	Từ công chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Viên có khoảng cách 100m đi về hai phía	400
2	Ngã ba thôn Nà Tãi, xã Rã Bản có khoảng cách 100m đi về hai phía	372
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	440
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	360
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến công trấn	360
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	160



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Bằng Lăng, Ngọc Phái, Quảng Bạch, Đồng Lạc, Nam Cường)	
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	552
2	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào Trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	384
3	Khu tái định cư Trường Trung học phổ thông Bình Trung	384
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	280
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh, Tổ 10 (Bằng Lũng), ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	480
6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liêng	200
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	240
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đông Viên, Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Nhuận	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	360
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	300
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	240
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã Yên Mỹ	144
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	104
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	156
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái, Yên Thượng, Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn	360

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Trường (xã Ngọc Phái)	
2	Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bản Bậy, xã Yên Thượng	184
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cậu	280
4	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mỏ chì kềm Chợ Điền)	180
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm, Nà Nham, xã Yên Thượng	120
6	Từ ngã ba Bản Đồn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	200
7	Từ cầu treo Bản Cậu đến hết đất Yên Thịnh	160
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	200
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	160
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng	160
2	Từ ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	200
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	120
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	372
2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ấn	300
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	300
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	252
2.5	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến Đập Thủy điện	240
2.6	Từ cổng Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	240




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2.7	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	104
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	104
3.2	Từ khu hộ Tiểu Văn Tham đến khu Nà Lộc	104
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lư	104
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	104
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sảo	104
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	84
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lãng - Phong Huân - Yên Nhuận	104
2	QL3C Bình Trung - Phong Huân	96
3	QL3C Nghĩa Tá - Phong Huân	104
4	QL3C Bằng Lãng - Khu C	104
5	QL3C Bằng Lãng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	240
6	QL3C Bằng Lãng đi Bản Nhì sang xã Phong Huân	96
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	240
8	Từ ngã ba Tthôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	240
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa	104
VIII	Đất còn lại	72
	HUYỆN NA RÌ	
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Lương Hạ	
1	Từ giáp đất nhà ông Làm đến hết đất nhà ông Hoan Hường	720
2	Từ giáp đất nhà ông Tô Viết Hoan đến ngã ba đường đi Sân Vận động	1280
3	Từ ngã ba đường đi Sân Vận động đến ngã ba đi Văn Học (tuyến chính)	1200

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
4	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thử	480
5	Từ ngã ba đường đi Văn Học đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	480
6	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	400
7	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	240
8	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc hết đất Lương Hạ	192
9	Ngã ba đường rẽ đi Văn Học đến đỉnh Kéo Hiền (Nà Khun)	136
10	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Lương Hạ	56
11	Ngã ba Khưa Slen đến Sân Vận động xã Lương Hạ	360
12	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nà Hin) xã Lương Hạ và Trường Mầm non Lương Hạ	96
13	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã đến Sân Vận động Lương Hạ	120
14	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	88
15	Đường vào động Nàng Tiên	
15.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyến	256
15.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyến đến sân động Nàng Tiên	80
16	Đường Kim Lư - Lương Thành	
16.1	Từ ngã ba đi động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng (địa phận xã Lương Hạ)	232
16.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiến Thanh, xã Lương Hạ	80
17	Đường tránh QL3B đoạn qua xã Lương Hạ	200
18	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến Trường Trung học cơ sở	120
19	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Pằng đến nhà bà Hoàng Thị Chí, thôn Nà Lặng	80
20	Các trục đường liên thôn còn lại có mặt đường $\leq 03m$	64
II	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh	200



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	480
3	Từ nhà ông Ích Bản Cháng đến ngã ba đường Lùng Cào	88
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến công Pò Sâu (Phiêng Đốc)	96
5	Từ công Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến công Sọ Trào (Phiêng Đốc)	104
6	Từ công Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	152
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôm Thia	480
8	Từ ngã ba Pò Khiên đi Khuổi Ít đến công nương Co Tào	104
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lèng đến giáp QL3B	120
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	56
III	Xã Lam Sơn	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất Thị trấn đến cầu Cốc Phát	208
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	144
1.3	Từ cầu Tà Pải đến công xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	360
1.4	Từ công xây nhà ông Thành (xưởng cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã Lam Sơn	96
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	208
2	Quốc lộ 279	
2.1	Từ ngã tư Lam Sơn đến Km13 (Lam Sơn đi Lương Thành)	216
2.2	Từ Km13 đến hết đất Lam Sơn	56
2.3	Từ ngã tư Lam Sơn (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	144
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến công đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	136
3.2	Tiếp từ công nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diềm (thuộc tuyến Kim Lư - Lương Thành)	72

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diềm đến hết đất Lam Sơn	56
3.4	Các trục đường liên thôn trong xã chưa nêu ở trên	56
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliếc đến công xây nhà ông Thảo	136
2	Công xây nhà ông Thảo đến công trường tiểu học	216
3	Từ công trường tiểu học đến công thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	216
4	Từ công Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	104
5	Từ công trường tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	96
6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	192
7	Từ Trạm Y tế đến công Nà Lùng (Pò Nim)	96
8	Từ công Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	88
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cầm)	80
10	Từ ngã ba Nà Tầng đến công Thôm Bon (đường đi Vũ Loan)	160
11	Công Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	120
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	64
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Vũ Loan	64
14	Từ Khau Khem đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	48
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Nặm Dám hết đất xã Cường Lợi	80
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	64
17	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	48
II	Trung tâm xã Lạng San	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	56
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	68
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Lãng Ngâm)	264
4	Từ ngã ba QL279 đi xã Ân Tình đến hết tường rào Trường Phổ	176



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
thông cơ sở Lạng Sơn		
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến gốc Trám	56
6	Từ giáp đất Lương Thành đến cầu Khuổi Slúng (Lạng Sơn)	160
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Lạng Sơn (đi Lãng Ngâm)	224
8	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	48
III Trung tâm xã Xuân Dương		
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	640
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	160
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	160
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lũ, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	160
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen, giáp đất thôn Khuổi Tây B, xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng, xã Đồng Xá	160
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	80
IV Trung tâm xã Cư Lễ		
1	Trục QL3B	
1.1	Từ cống bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cư Lễ II	256
1.2	Từ cầu Cư Lễ II đến cầu Cư Lễ I	120
1.3	Từ Kéo Cặp đến cống Pò Rì (Cư Lễ)	64
1.4	Từ cầu Cư Lễ I đến hết địa phận Cư Lễ giáp xã Hữu Thác	48
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến cống Sọ Ngù (đường đi Lạng Sơn)	256
2.2	Từ cống Sọ Ngù đến cống của Vàng Héo	120
2.3	Từ cống của Vàng Héo đến hết đất Cư Lễ giáp Lạng Sơn	48
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	48

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
V	Trung tâm xã Hảo Nghĩa	
1	Từ địa phận Hảo Nghĩa đến cầu Vàng Mười (Hảo Nghĩa)	80
2	Từ cầu Vàng Mười đến đầu cầu cứng (Hảo Nghĩa)	360
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Hảo Nghĩa	72
4	Hai đầu cầu cứng Hảo Nghĩa xuống Ngầm	72
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến cống dưới nhà ông Cười, thôn Nà Chót	72
6	Đường liên thôn Nà Liêng, Nà Đấu, Nà Coòng từ nhà bà Len, thôn Nà Liêng đến cống dưới nhà ông Kiểm, thôn Nà Coòng	64
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	64
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cự Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	56
1.2	Các đường liên xã còn lại	48
2	Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã	
2.1	Xã Đồng Xá	
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	64
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	80
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngầm dưới nhà ông Đệ	64
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến cổng trường học	56
2.2	Xã Liêm Thủy	
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	80
-	Từ nhà ông Thật (Na Pi) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	64
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	80
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	80




Tên đơn vị hành chính		Giá đất
Xã Dương Sơn		
-	Từ công cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	80
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	56
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Hào Nghĩa	56
-	Đường liên thôn Rầy Ỏi - Khuổi Kheo	48
2.4	Xã Văn Minh	
-	Từ cầu treo Hát Sao đến công cạnh nhà ông Hỷ	56
-	Từ giáp đất Lam Sơn đến giáp ranh xã Lương Thành	56
2.5	Xã Ân Tình	
-	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Đường	56
2.6	Xã Văn Học	
-	Từ cầu Nà Bua đến Trạm Hạ thế số 01	56
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	56
2.7	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	56
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	56
2.8	Xã Vũ Loan	
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	80
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Vũ Loan	56
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Chang Ngòa	56
-	Từ Chợ Vũ Loan đến cầu Bắc Ái, thôn Khuổi Vạc	56
2.9	Xã Lương Thành	
-	Từ ngã ba QL279 đến hết đất Lương Thành (đường Lương Thành - Kim Lư)	48
-	Từ giáp đất Văn Minh đến rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành	56

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành đến đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng)	80
-	Từ đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng) đến hết đất Lương Thành giáp xã Lạng San	56
2.10	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	160
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	80
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	64
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Măng	120
-	Từ cầu Khuổi Măng đến đến công bi (ao ông Đạo)	240
-	Từ công bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất Chợ Mới	80
2.11	Xã Hữu Thác	
-	Từ QL3B vào đến công xây Quan Làng	64
-	Từ công xây Quan Làng đến Suối Phai, Cốc Lôm	64
-	Từ đường rẽ Trường Phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hữu Thác	64
-	Từ địa phận Hữu Thác giáp Cư Lễ đến giáp xã Hảo Nghĩa	80
2.12	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đồng Xá	72
-	Từ địa phận Quang Phong đến công Nà Lay (Quang Phong)	80
-	Từ công Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	96
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	80
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tướng, thôn Ka Đóng đến công ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đóng)	72
-	Từ nhà bà Hằng, thôn Quan Làng đi thôn Nà Vả đến công Trường Mầm non xã Quang Phong	72
-	Từ công trường mầm non đi thôn Nà Cà đến công Khuổi	64



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ công Khuổi Muông đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiễn	56
2.13	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Lạng San đến cầu Nà Làng	64
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	48
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	48
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến cầu Nà Món (bám dọc QL3)	2.240
2	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	800
3	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	400
4	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	240
5	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	2.160
6	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến công Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1.200
7	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất xã Phương Linh (bám dọc đường 258)	1.200
8	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	480
9	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	400
10	Đoạn tiếp giáp từ đất xã Phương Linh bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	240
11	Đường trục chính liên xã Hà Vị, Lục Bình, Tú Trĩ, Vi Hương,	320


STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Muồng	
-	Từ cống Khuổi Muồng đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiển	56
2.13	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Lạng San đến cầu Nà Làng	64
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	48
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	48
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến cầu Nà Món (bám dọc QL3)	2.240
2	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	800
3	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	400
4	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	240
5	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	2.160
6	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến cống Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	1.200
7	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất xã Phương Linh (bám dọc đường 258)	1.200
8	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	480
9	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	400
10	Đoạn tiếp giáp từ đất xã Phương Linh bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	240
11	Đường trục chính liên xã Hà Vị, Lục Bình, Tú Trĩ, Vi Hương,	320

		Tên đơn vị hành chính	Giá đất
		Hương Lộ giáp tỉnh lộ 258	
12		Từ ngã Đu Bưu điện Tú Trĩ ra QL3	320
13		Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huân	400
14		Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên, thôn Nà Phả, xã Hà Vị	400
15		Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	400
16		Các đường trục xã và liên xã còn lại	240
17		Đất ở nông thôn còn lại trong huyện	80
B		Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1		Đoạn từ cổng Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	1.600
2		Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu chợ cũ Cẩm Giàng	800
3		Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	1.200
4		Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cổng Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (trừ lô 2 khu chợ cũ)	800
		HUYỆN BA BÈ	
		Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn	
I		Đất khu du lịch	
1		Từ tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm - thôn Bản Nản, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	880
2		Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mằm, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT258)	800
3		Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	720
4		Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	720
5		Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bè	1.600

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống Bến phà (bờ Nam)	720
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	520
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vài) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vài (bên tả ly dương)	160
II	Đất dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	
1	Từ tiếp đất thị trấn đến cổng cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	800
2	Từ tiếp cổng cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh	400
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh đi về phía Phủ Thông (dọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bể	280
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất xã Cao Trĩ	400
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mát (xã Chu Hương)	240
III	Đường QL279 (dọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ, thôn Nà Ma, xã Hà Hiệu	280
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	376
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bể (đi thị trấn Nà Phặc)	280
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệm thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hòn, xã Bành Trạch	200
5	Từ cầu treo Bản Hòn đến tiếp giáp đất thị trấn	256
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chỉ, xã Thượng Giáo đến cầu Kéo Mát, xã Cao Trĩ	400
7	Từ cầu Kéo Mát, xã Cao Trĩ đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	320
8	Tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên	200


STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu)	280
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	200
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mến	200
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam	240
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La	200
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến công Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	640
2	Từ công Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	464
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	216
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	560
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn, thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Pục)	640
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi Cao Trĩ	640
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mắt, xã Cao Trĩ	320
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê	216
6	Đường từ Cao Trĩ đi Đồn Đền	240
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ	200
8	Từ ngã ba đường 279 đến bên xuống Pác Shai, xã Cao Thượng	240
9	Từ tiếp đất thị trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	360

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Diễm (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279, thôn Nà Khao	160
VII	Các trục đường khác chưa nêu ở trên	96
HUYỆN NGÂN SƠN		
A	Xã Lãng Ngâm	
I	Trục (QL3) (về phía Bạch Thông)	
1	Từ cống Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ cống Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	400
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	480
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	400
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	160
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Slam Pác	96
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	80
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Bản Khét	96
6	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Cùm Nhà	96
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	
1	Từ cống Bó Lếch đến hết đất Lãng Ngâm (giáp thị trấn Nà Phặc)	320
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Toòng	160
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Toòng đến hết đất Lãng Ngâm	80
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tình	80
IV	Xung quanh chợ Lãng Ngâm (khoảng cách là 100m trở lại)	280
B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn	1.600



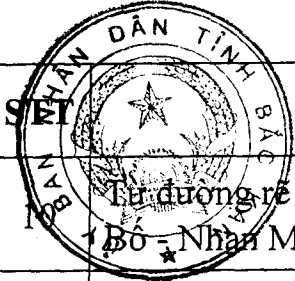
	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	1.040
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đầu giá quyền sử dụng đất	2.080
3.2	Các khu vực còn lại	1.200
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lăng Đồn)	480
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lăng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	240
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	280
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo Gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	560
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	1.200
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	320
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên Trường Nội trú	600
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	520
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	400
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	1.280
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chức (kô 69, khu II)	1.200
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chức (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Ni (cách lộ giới QL3 20m)	920
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	160

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	520
9	Từ đất nhà ông Dương đến cầu Nà Nghè	320
10	Từ cầu Nà Nghè đến chân dốc Khưa Cấp	240
11	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	560
12	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bê	400
13	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	280
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	320
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	400
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	520
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	240
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	240
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bản Duối (giáp xã Bằng Vân)	240
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1.600
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	1.200
3	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bật Bông	400
4	Từ cua Bật Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bật Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	200
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	160
5	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến thôn Bản Duối (xã Đức Vân)	240




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bàng Vân	240
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A, B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	1.200
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bàng Vân	560
3	Xung quanh chợ Bàng Vân (cách 200m)	400
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lái	280
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	240
Đ	Xã Hương Nê	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiên, thôn Nậm Nầu đến đất nhà bà Long Thị Hương	200
2	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2)	480
3	Từ nhà ông Dịch Xuân Bông đến thôn Bản Cẩu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	120
4	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2) đến nhà ông Hoàng Văn Tụ, thôn Nà Nạc 1	200
E	Xã Thuần Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến Cây xăng Sáng Thế	1.200
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội bộ xã Thuần Mang	560
3	Từ Cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bản Giang (ĐT252)	360
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	240
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tỷ	360
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tỷ đến cầu sắt thôn Nà Mu	280

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	(QL279)	
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (thôn Khuổi Tục)	200
8	Đường Khu Chợ - Bản Bãng đoạn từ đất nhà ông Đinh Thiện Lạng đến nhà ông Đinh Thiện Bình	200
9	Đường Khu Chợ - Bản Bãng đoạn từ cầu Bản Bãng đến nhà bà Đinh Thị Xuyên (thôn Bản Bãng)	96
G	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và chợ có khoảng cách 200m)	176
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	96
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	80
4	Đất tại các xã còn lại chưa nêu ở trên	72
HUYỆN PÁC NẠM		
I	Đất ở tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu công Kha Mu đến cầu Bó Lục	256
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	1.000
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	1.600
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1.520
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viết đến công qua đường cạnh nhà bà Liên	576
6	Từ công qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cốp đi Bằng Thành	256
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	1.600
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà Sla	2.400
9	Từ đập tràn Nà Sla (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đẳng	560



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ đường rẽ lên Khâu Đắng đến công Cốc Lải (trục đường Bộc Bồ - Nhân Môn)	256
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1.400
12	Từ ngã ba bắt đầu từ công qua công trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	3.880
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Lèo) đến công phụ Trường Tiểu học Bộc Bồ	1.000
14	Đất vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	280
15	Đất lô 2 khu dân cư xã Bộc Bồ	1.600
16	Từ ngã ba bắt đầu từ công, dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	1.200
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	400
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bồ - Cổ Linh	88
19	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	4.000
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến công Trường Nội trú	2.800
21	Từ công Trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phầy	700
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phầy đến đập tràn Năm Mây	208
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	320
24	Đất ở các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1.440
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đắng đến cầu treo Tả Quang	256
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc, song song đường 27m)	1.920
27	Đường từ Thảm Én đến đầu cầu treo Tả Quang	256
28	Từ ngã ba Năm Mây (đường Bộc Bồ - Cổ Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dư	120
II	Đất tại vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất	204

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muông)	120
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muông) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	204
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đình Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	120
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đình Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến cổng Lũng Pạo (thôn Thôm Mèo)	120
2.2	Từ cổng Lũng Pạo, thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	204
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đình đèo Kéo Pjảo (giá đất xã Bộc Bó)	120
3	Đất ở các xã còn lại	204
III	Các trục đường liên xã	
1	Đất thuộc các trục đường liên xã	80
2	Từ cầu Pác Cóp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chấn (xã Bộc Bó)	176
3	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	272
4	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	204
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bó	80




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	64
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	48

XI. BẢNG GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²


STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	THÀNH PHỐ BẮC KẠN	
	XÃ NÔNG THƯỢNG	
I	Tuyến đường Nông Thượng - Thanh Vận (ĐT259)	
1	Cách lộ giới Đường Nguyễn Văn Tố 20m đến cầu Nà Điều	1.500
2	Từ hết cầu Nà Điều đến cầu Cốc Muồng	660
3	Từ hết cầu Cốc Muồng đến cầu Nà Vịt	540
4	Từ cầu Nà Vịt đến hết đất ông Hoàng Văn Rận	420
5	Từ giáp đất ông Rận đến giáp đất Thanh Vận	300
II	Tuyến đường Nông Thượng - Tân Thành - Thái Nguyên	
1	Từ giáp đất ông Lộc Văn Lực đến hết đất ông Nông Văn Lự	480
2	Từ giáp đất ông Nông Văn Lự đến cầu Pác Cốp (thôn Khuổi Cuồng)	300
3	Từ cầu Pác Cốp đến hết đất bà Lương Thị Thời	420
4	Từ hết đất bà Lương Thị Thời đến cách lộ giới đường Thái Nguyên là 20m	600
III	Đường Thái Nguyên (QL3) đoạn từ giáp đất Phường Phùng Chí Kiên đến giáp đất Xuất Hóa	2.400
IV	Đường Nguyễn Văn Tố từ giáp đất phường Sông Cầu đến giáp đất Phường Phùng Chí Kiên	3.000
V	Các trục đường nhánh	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ nhà ông La Hữu Huân đến hết đất ông Đỗ Văn Song	330
2	Đường vào Kho K97	
2.1	Từ sau 20m đường Thái Nguyên (QL3) vào 100m Kho K97	1.200
2.2	Từ sau 100m đường vào Kho K97	720
3	Đường vào thôn Thôm Luông	420
4	Từ hết đất ông Mai Văn Độ vào thôn Nà Chuông	300
5	Từ giáp đất ông Phụng Tài Long đến giáp đất thôn Khuổi Chang	240
6	Từ giáp Trường Trung cấp Nghề đến hết đất ông Hà Đức Sơn, thôn Nà Bản	300
7	Từ hết nhà ông Hà Đức Sơn đến thôn Nà Bản	240
8	Đường vào khu Khuổi Mải đến nhà ông Lộc Thị Bẹ	300
9	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Thái) đến đường Tân Thành (khu vực Nà Bon)	240
10	Đường từ thôn Thôm Luông (nhà ông Bình) đến thôn Cốc Muồng	240
11	Các khu vực còn lại	180
XÃ DƯƠNG QUANG		
1	Đường Bàn Văn Hoan (từ cầu Dương Quang đến hết đất ông Hoàng Văn Chính)	1.800
2	Từ nhà ông Hoàng Văn Chính đến đầu cánh đồng Nà Pài	900
3	Từ hết đất ông Nguyễn Triệu Khiết đến đập tràn Hồ chứa nước Nặm Cắt	180
4	Các khu vực còn lại thôn Nà Ổi	600
5	Khu vực thôn Phặc Tràng	
5.1	Từ hết đất Phường Nguyễn Thị Minh Khai đến hết đất ông Nguyễn Hữu Khiết	2.100




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Các khu vực còn lại của thôn Phặc Tràng	600
5.3	Khu tái định cư Khuổi Kén thuộc Dự án Hồ chứa nước Nậm Cát	720
5.4	Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc	
5.4.1	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 12m	1.920
5.4.2	Các trục đường nội bộ Khu tái định cư Chương trình đô thị miền núi phía Bắc có lộ giới 16,5m	2.040
5.5	Các khu vực còn lại	600
6	Khu trục đường Đôn Phong - Bản Chiêng	240
7	Khu trục đường liên thôn Nà Ổi - Quan Nưa	300
8	Khu trục đường liên thôn Nà Pài	180
9	Khu đường Nà Cườm	
9.1	Từ hết địa phận phường Sông Cầu đến hết Trường Quân sự tỉnh	300
9.2	Từ giáp Trường Quân sự tỉnh đến hết khu Nà Cườm	180
10	Từ ngã ba cầu Quan Nưa đến hết đất ông Đặng Phúc Tài	150
11	Trục đường Bản Cáu - Bản Trang	180
12	Trục đường Quan Nưa - Bản Giềng	180
13	Các vị trí còn lại của thôn Quan Nưa, Nà Rì	150
14	Các khu vực còn lại	120
HUYỆN CHỢ MỚI		
I	Đối với đất ở tại xã Yên Đĩnh	
1	Đoạn QL3 đi qua địa phận xã Yên Đĩnh	1.200
2	Đường Yên Đĩnh - Bình Văn	
2.1	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 là 20m, từ Chi nhánh Điện đến cầu Yên Đĩnh	660

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2.2	Từ cầu Yên Đĩnh đến hết đất xã Yên Đĩnh	330
3	Từ cách lộ giới QL3 là 20m (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đến cổng Bệnh viện	510
4	Đường dân sinh có chiều rộng mặt đường từ 02m trở lên (tại khu quy hoạch cũ)	258
5	Từ lộ giới QL3 là 20m (từ nhà ông Vũ Minh Phú) đến đường cầu Yên Đĩnh	360
6	Từ cách lộ giới QL3 là 20m từ nhà ông Phạm Văn Tý đến cổng sau Bệnh viện	300
7	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Quảng Chu đến giáp đất xã Thanh Bình	330
9	Đường liên xã thị trấn Chợ Mới đi Quảng Chu	240
8	Các vị trí đất khác trong khu quy hoạch Yên Đĩnh	90
II	Khu vực các xã	
<i>1</i>	<i>Trục đường QL3 (xã Thanh Bình, Nông Thịnh, Nông Hạ, Cao Kỳ, Hòa Mục)</i>	
<i>1.1</i>	<i>Xã Thanh Bình</i>	
-	Từ hết địa giới hành chính xã Yên Đĩnh đến giáp đất nhà bà Đĩnh Thị Rư	210
-	Từ đất nhà bà Đĩnh Thị Rư đến hết đất nhà ông Hà Bảo Tám	520
-	Từ hết đất nhà ông Hà Bảo Tám đến hết địa giới xã Thanh Bình	216
-	Từ đất nhà bà Đĩnh Thị Rư đến hết đất nhà ông Trần Văn Lượng	480
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở dãy 1)	336
-	Khu tái định cư và dịch vụ công cộng Khu công nghiệp Thanh Bình (đất ở các dãy còn lại)	360




Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Khu hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Thanh Bình	210
-	Tuyến đường QL3 mới Thái Nguyên - Chợ Mới (Bắc Kạn): Từ hết địa giới hành chính xã Yên Đĩnh đến giáp đất Khu công nghiệp Thanh Bình	330
-	Đất thuộc các tuyến đường trục thôn, đường liên thôn; đất còn lại trên địa bàn xã Thanh Bình	78
1.2	<i>Xã Nông Thịnh</i>	
-	Từ giáp đất xã Thanh Bình đến giáp đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn)	216
-	Từ đất nhà ông Ngô La Nghiêm (mương Khe Còn) đến hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương	336
-	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Khương đến giáp đất xã Nông Hạ	270
1.3	<i>Xã Nông Hạ</i>	
-	Từ đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ, thôn Nà Mẫy đến hết đất nhà ông Trần Đại Thảo, thôn 62	570
-	Từ hết đất nhà ông Trần Đại Thảo đến giáp đất xã Cao Kỳ	270
-	Đường Nông Hạ - Thanh Vận: Từ nhà ông Hà Văn Huân, thôn Reo Dài đến hết đất nhà ông Phạm Văn Sử, thôn Cao Thanh	198
-	Từ hết đất nhà bà Nguyễn Thị Tố Nữ đến cầu Khe Thi	360
1.4	<i>Xã Cao Kỳ</i>	
-	Từ đất nhà ông Hoàng Văn Huế (thôn Nà Cà) đến hết đất Đội Thué Cao Kỳ	390
1.5	<i>Xã Hòa Mục</i>	
-	Từ đất nhà bà Hà Thị Thu (cầu Hòa Mục) đến hết đất nhà ông Hoàng Hữu Lâm	204
-	Từ cách lộ giới QL3 là 20m đến hết đất nhà ông Hà Hữu Hùng (Bản Chang)	186

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ giáp đất thành phố theo đường QL3 về phía Thái Nguyên 300m	300
1.6	Các vị trí còn lại của trục QL3 chưa nêu ở trên	186
2	Trục QL3B (xã Tân Sơn)	150
3	Đất ở các xã	
3.1	Xã Yên Cư	
-	Từ đất nhà ông Ma Văn Luân (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng)	192
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) đến hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương)	132
-	Từ hết đất nhà ông Ma Văn Hằng (thôn Nà Hoáng) theo tỉnh lộ 256 đến hết đất xã Yên Cư	78
-	Đoạn từ hết đất nhà ông Ma Văn Tuyên (thôn Phiêng Dương) đến hết đất thôn Bản Cháo, xã Yên Cư	66
3.2	Xã Yên Hân	
-	Từ giáp đất Yên Cư đến cầu Quan Đé	480
-	Từ giáp đất Yên Cư đến hết Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai	192
-	Từ Nhà Văn hóa thôn Chợ Tinh Hai đến cầu Thôm Châu	168
3.3	Xã Bình Văn	
-	Từ công Thôm Lùng (Thôm Bó) đến đỉnh đèo Kéo Kít (Nà Mố)	192
3.4	Xã Như Cồ	
-	Trục tỉnh lộ 256 đoạn từ đất nhà ông Trịnh Việt Minh (thôn Nà Tào) đến hết đất nhà bà Lương Thị Thanh (cầu Khuổi Dân) và từ đất nhà ông Nguyễn Văn Viên đến hết đất nhà bà Hà Thị Thập (chân đèo Bắc Dạt)	300
-	Từ đất thuộc địa phận xã Như Cồ (giáp xã Yên Đĩnh) đến hết đất nhà ông Nguyễn Văn Hùng	180




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Các vị trí còn lại bám trục đường tỉnh lộ 256	150
3.5	<i>Xã Quảng Chu</i>	
-	Từ cầu treo đến đường QL3	240
-	Trục đường QL3 mới từ giáp xã Yên Lạc, tỉnh Thái Nguyên đến hết địa phận thôn Nà Choọng, xã Quảng Chu	330
3.6	<i>Xã Thanh Vân</i>	
-	Từ nhà ông Bùi Văn Mạnh (thôn Phiêng Khảo) đến hết đất nhà ông Phạm Văn Út (thôn Chúa Lại)	330
3.7	<i>Xã Mai Lạp</i>	
-	Từ đất nhà ông Trần Văn Giới (thôn Bản Pá) đến hết đất nhà bà Lương Thị Châm (thôn Khau Tổng)	270
-	Từ đất nhà ông Nguyễn Hà Ba (thôn Khau Tổng) đến hết đất nhà ông Đỗ Văn Toàn (thôn Nà Điếng)	210
-	Từ đất nhà ông Đàm Văn Hưng đến hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên (thôn Khau Ràng) sau chợ	210
-	Từ đất nhà ông Hà Văn Dân đến hết đất nhà ông Hà Văn Tài (thôn Khau Tổng)	210
-	Từ đường tràn gần nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Hà Văn Triển (thôn Bản Pá)	210
-	Từ đất nhà ông Lưu Đình Thứ đến hết đất nhà ông Trần Mạnh Huân (thôn Bản Rả)	180
-	Từ đất nhà ông Phạm Văn Đại đến đất nhà ông Phạm Văn Hậu (thôn Bản Ruộc)	210
-	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Chuyên đến hết đất nhà ông Lý Văn Bào (thôn Khau Ràng; đường Pác Cốp - Bản Vá)	150
-	Từ hết đất nhà ông Trần Văn Giới đến hết đất nhà ông Trần Văn Hòa (thôn Bản Pá; đường Pản Pá - Tổng Vụ)	150
-	Đất còn lại	90
3.8	<i>Xã Thanh Mai</i>	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ đất nhà ông Lương Văn Khoa đến hết đất nhà ông Hà Đức Trí	540
3.9	<i>Xã Tân Sơn</i>	
-	Từ đất nhà bà Quý Mụi (Khuổi Đeng 2) đến hết đất nhà ông Bàn Phúc Vạn (Khuổi Đeng 1)	210
4	Các vị trí còn lại bám trục đường liên xã chưa nêu ở trên (áp dụng cho tất cả các xã)	132
5	Các trục đường liên thôn (áp dụng cho tất cả các xã)	66
6	Đất tại các xã	
6.1	Đất còn lại của thị trấn Chợ Mới, xã Yên Đĩnh và xã Thanh Bình	72
6.2	Đất còn lại của các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ, Nông Thịnh	66
6.3	Đất còn lại của các xã Mai Lạp, Như Cố, Quảng Chu, Tân Sơn, Thanh Mai, Thanh Vạn, Bình Văn, Yên Cư, Yên Hân	80
HUYỆN CHỢ ĐỒN		
I	Trục đường Quốc lộ 3B (qua các xã Đông Viên, Rã Bản, Phương Viên)	
1	Từ công chợ và trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đông Viên có khoảng cách 100m đi về hai phía	300
2	Ngã ba thôn Nà Tãi, xã Rã Bản có khoảng cách 100m đi về hai phía	279
3	Xung quanh chợ Phương Viên	
3.1	Từ nhà ông Nông Văn Khải đến ngã ba đường rẽ Bằng Phúc	330
3.2	Từ ngã ba đường rẽ Bằng Phúc đến nhà ông Phạm Văn Chức	270
3.3	Từ mẫu giáo thôn Nà Dao đến công trản	270
4	Các vị trí khác của đường QL3B chưa nêu ở trên	120
II	Trục đường QL3C (qua các xã: Bình Trung, Nghĩa Tá, Lương Bằng, Bằng Lãng, Ngọc Phái, Quảng Bạch, Đồng Lạc, Nam Cường)	




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Chợ Nam Cường: Từ đường lên Trạm Y tế xã Nam Cường đến hết đất nhà ông Ban Văn Thạch	414
2	Trung tâm các chợ xã, trụ sở Ủy ban nhân dân các xã có trục đường đi qua khoảng cách 100m đi về hai phía; từ đường rẽ vào trường Trung học phổ thông Bình Trung đi về phía thị trấn Bằng Lũng 100m	288
3	Khu tái định cư trường Trung học phổ thông Bình Trung	288
4	Trung tâm Ủy ban nhân dân các xã không có chợ có khoảng cách từ 100m đi về hai phía	210
5	Từ ranh giới hết đất nhà ông Trần Văn Sinh, Tổ 10 (Bằng Lũng), ranh giới đất Ngọc Phái đến khe Tát Ma	360
6	Khu tái định cư thôn Phiêng Liêng	150
7	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	180
III	Trục đường ĐT254B (đi qua các xã: Đông Viên, Đại Sảo, Yên Mỹ, Yên Nhuận, Bình Trung)	
1	Đoạn chợ Yên Nhuận	
1.1	Từ nhà ông Hà Sỹ Quỳnh đến hết nhà bà Triệu Thị Cách	270
1.2	Từ nhà ông Ma Văn Thị đến hết nhà ông Lý Văn Tân	225
2	Từ quán nhà ông Ma Văn Tùng đến nhà ông Nguyễn Văn Hoàng	180
3	Đường Yên Mỹ đi Mai Lạp (259B)	
3.1	Từ ngã ba Yên Mỹ đến đường rẽ sang Trường Phổ thông cơ sở xã Yên Mỹ	108
3.2	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	78
4	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	117
IV	Trục đường Quốc lộ 3B (đi qua các xã Ngọc Phái, Yên Thượng, Yên Thịnh) và trục đường ĐT255B	
1	Từ đường rẽ Ba Bò đến đất vườn rừng nhà ông Nông Văn Trường (xã Ngọc Phái)	270

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ ngã ba Ba Bò (nhà ông Triệu Văn Trọng) đến Nhà Văn hóa thôn Bản Bậy, xã Yên Thượng	138
3	Từ Trạm Y tế xã Yên Thịnh đến đầu cầu treo Bản Cậu	210
4	Từ ngã ba cầu tràn đến hết đất Yên Thịnh (đường vào Mỏ chì kềm Chợ Điền)	135
5	Đường ĐT255B qua thôn Nà Mềm, Nà Nham, xã Yên Thượng	90
6	Từ ngã ba Bản Đôn đến Trạm Y tế xã Yên Thịnh	150
7	Từ cầu treo Bản Cậu đến hết đất Yên Thịnh	120
8	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên	150
9	Các vị trí khác còn lại chưa nêu ở trên (Yên Thượng)	120
V	Thị tứ Bản Thi	
1	Từ địa phận giáp đất Yên Thịnh đến ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng	120
2	Từ ngàm tràn đường rẽ Kéo Nàng đến chân dốc đá Thâm Tàu	150
VI	Các trục đường liên xã	
1	Đường liên xã từ Bản Bậy, xã Yên Thượng đến hết đất xã Yên Thượng	90
2	Đường Phương Viên - Bằng Phúc ĐT257B	
2.1	Từ ngã ba ĐT257 đi Bằng Phúc đến hết nhà ông Ma Văn Hòa	279
2.2	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Ân	225
2.3	Từ dãy nhà ông Phạm Văn Phung đến hết đất nhà ông Vi Văn Hoàn	225
2.4	Trung tâm Ủy ban nhân dân xã Phương Viên có khoảng cách 100m về hai phía	189
2.5	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đập thủy điện	180
2.6	Từ công Ủy ban nhân dân xã Bằng Phúc đến đường rẽ vào	180




Tên đơn vị hành chính		Giá đất
	Trường Tiểu học xã Bằng Phúc	
2.7.1.1	Các vị trí khác chưa nêu ở trên	78
3	Đường Đồng Lạc - Xuân Lạc	
3.1	Từ trụ sở cũ đến trường cấp 2	78
3.2	Từ khu hộ Tiểu Văn Tham đến khu Nà Lộc	78
3.3	Từ trụ sở cũ đến khu hộ Hà Văn Lư	78
4	Đường Quảng Bạch - Tân Lập	78
5	Đường Bằng Lũng - Đại Sào	78
6	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	63
VII	Các tuyến đường khác	
1	QL3C Bằng Lãng - Phong Huân - Yên Nhuận	78
2	QL3C Bình Trung - Phong Huân	72
3	QL3C Nghĩa Tá - Phong Huân	78
4	QL3C Bằng Lãng - Khu C	78
5	QL3C Bằng Lãng lên Bản Tàn đoạn qua Bản Lắc	180
6	QL3C Bằng Lãng đi Bản Nhì sang xã Phong Huân	72
7	Từ ngã ba QL3C đến từ ngã ba đường đi Búc Duộng	180
8	Từ ngã ba thôn Tham Thầu đến chợ Pác Be	180
9	Đường từ ngã ba Búc Duộng đi xã Linh Phú, huyện Chiêm Hóa	78
VIII	Đất còn lại	54
HUYỆN NA RỊ		
A	Khu vực giáp ranh với thị trấn	
I	Xã Lương Hạ	
1	Từ giáp đất nhà ông Làm đến hết đất nhà ông Hoan Hường	540

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2	Từ giáp đất nhà ông Hoan Hường đến ngã ba đường đi Sân Vận động	960
3	Từ ngã ba đường đi Sân Vận động đến ngã ba đi Văn Học (tuyến chính)	900
4	Từ giáp đất nhà bà Học Thu đến hết đất bà Lương Thị Thử	360
5	Từ ngã ba đường đi Văn Học đi xã Cường Lợi đến hết đất nhà ông Chương	360
6	Từ giáp đất nhà ông Chương đến khe suối sau nhà ông Hiền	300
7	Từ khe sau nhà ông Hiền đến hết đất nhà ông Cẩm	180
8	Từ khe suối nhà ông Cẩm đến Kéo Sliéc hết đất Lương Hạ	144
9	Ngã ba đường rẽ đi Văn Học đến đỉnh Kéo Hiền (Nhà Khun)	102
10	Đỉnh Kéo Hiền đến Khau Trường hết đất Lương Hạ	42
11	Ngã ba Khura Slen đến Sân Vận động xã Lương Hạ	270
12	Từ ngã ba ông Lú đến cầu treo ông Thành (Nhà Hin), xã Lương Hạ và Trường Mầm non Lương Hạ	72
13	Ngã ba Ủy ban nhân dân xã đến Sân Vận động Lương Hạ	90
14	Ngã ba ông Trung đến hết nhà ông Trường (Đồn Tắm)	66
15	Đường vào động Nàng Tiên	
15.1	Ngã ba đường đi Pác Muồng đến hết đất nhà ông Mã Thiêm Quyến	192
15.2	Từ giáp đất nhà ông Mã Thiêm Quyến đến sân động Nàng Tiên	60
16	Đường Kim Lư - Lương Thành	
16.1	Từ ngã ba đi động Nàng Tiên đến cầu cứng Pác Muồng (địa phận xã Lương Hạ)	174
16.2	Từ cầu cứng Pác Muồng đến hết đất nhà ông Triệu Tiến Thanh, xã Lương Hạ	60
17	Đường tránh QL3B đoạn qua xã Lương Hạ	150



STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
18	Từ nhà ông Lương Thanh Luyện đến trường trung học cơ sở	90
19	Từ nhà ông Lý Văn Thanh và Nà Pằng đến nhà bà Hoàng Thị Chí, thôn Nà Lặng	60
20	Các trục đường liên thôn còn lại có mặt đường $\leq 03m$	48
II	Xã Kim Lư	
1	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đến hết đất nhà ông Kinh (QL3B)	150
2	Từ cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (hướng đi Bắc Kạn)	360
3	Từ nhà ông Ích, Bản Cháng đến ngã ba đường Lùng Cào	66
4	Từ ngã ba đường Lùng Cào đến cống Pò Sâu (Phiêng Đốc)	72
5	Từ cống Pò Sâu (Phiêng Đốc) đến cống Sọ Trào (Phiêng Đốc)	78
6	Từ cống Sọ Trào (Phiêng Đốc) đến hết đường bê tông	114
7	Từ đầu cầu cứng Kim Lư đến hết đất Kim Lư (QL3B) đến Thôn Thia	360
8	Từ ngã ba Pò Khiển đi Khuổi Ít đến cống mương Co Tào	78
9	Từ ngã ba công phụ Bệnh viện đi Mò Lèng đến giáp QL3B	90
10	Các trục đường liên thôn còn lại trong xã	42
III	Xã Lam Sơn	
1	Trục QL3B	
1.1	Tiếp đất thị trấn đến cầu Cốc Phát	156
1.2	Từ cầu Cốc Phát đến cầu Tà Pải	108
1.3	Từ cầu Tà Pải đến cống xây nhà ông Thành (xưởng cưa)	270
1.4	Từ cống xây nhà ông Thành (xưởng cưa) đến Kéo Cặp hết đất xã Lam Sơn	72
1.5	Ngã ba nhà ông Luật đi Kim Lư	156
2	Quốc lộ 279	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2.1	Từ ngã tư Lam Sơn đến Km13 (Lam Sơn đi Lương Thành)	162
2.2	Từ Km13 đến hết đất Lam Sơn	42
2.3	Từ ngã tư Lam Sơn (đi Khuổi Luông) đến hết nhà ông Tam	108
3	Các trục đường khác	
3.1	Ngã ba ông Luật đến cống đường rẽ nhà ông Hùng (đường đi Nà Nôm)	102
3.2	Tiếp từ cống nhà ông Thanh đến cầu Khuổi Diềm (thuộc tuyến Kim Lư - Lương Thành)	54
3.3	Tiếp từ cầu Khuổi Diềm đến hết đất Lam Sơn	42
3.4	Các trục đường liên thôn trong xã chưa nêu ở trên	42
B	Các trung tâm cụm xã	
I	Trung tâm xã Cường Lợi	
1	Từ Kéo Sliéc đến cống xây nhà ông Thảo	102
2	Cống xây nhà ông Thảo đến cống trường tiểu học	162
3	Từ cống trường tiểu học đến cống thủy lợi Bó Nạc (Nà Chè)	162
4	Từ cống Bó Nạc đến chân đập Pác Giáo (Nà Nưa)	78
5	Từ cống trường tiểu học đến đường rẽ nhà ông Bằng (đường đi Khau Khem)	72
6	Từ ngã ba trung học cơ sở đến hết Trạm Y tế	144
7	Từ Trạm Y tế đến cống Nà Lùng (Pò Nim)	72
8	Từ cống Nà Lùng đến nhà bà Lả (Pò Nim)	66
9	Từ nhà bà Lả đến ngã ba Nà Nưa (nhà ông Cẩm)	60
10	Từ ngã ba Nà Tân đến cống Thôm Bon (đường đi Vũ Loan)	120
11	Cống Thôm Bon đến cầu Nà Khưa	90
12	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến nhà ông Thường	48
13	Đoạn từ cầu Nà Khưa đến giáp ranh xã Vũ Loan	48



ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
14	Từ Khau Khom đến đường rẽ nhà ông Bằng (Cường Lợi)	36
15	Từ chân đập Pác Giáo đi thôn Nặm Dăm hết đất xã Cường Lợi	60
16	Từ Nà Piat đến hết đất Cường Lợi giáp ranh xã Kim Lư	48
17	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	36
II	Trung tâm xã Lạng San	
1	Khu định cư Khuổi Sáp - Nà Hiu	42
2	Từ ngã ba QL279 vào chợ cũ đến hết nhà ông Lượng	51
3	Từ cầu Khuổi Slúng đến nhà Toàn Oanh (đi Lãng Ngâm)	198
4	Từ ngã ba QL279 đi xã Ân Tình đến hết tường rào Trường Phổ thông cơ sở Lạng San	132
5	Từ QL279 đi Khau Lạ đến gốc Trám	42
6	Từ giáp đất Lương Thành đến cầu Khuổi Slúng (Lạng San)	120
7	Từ nhà Toàn Oanh đến hết đất Lạng San (đi Lãng Ngâm)	168
8	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	36
III	Trung tâm xã Xuân Dương	
1	Từ cầu Cốc Càng đến hết nhà cửa hàng vật tư	480
2	Từ Cầu Cốc Càng đi xã Dương Sơn đến hết đất xã Xuân Dương	120
3	Từ cửa hàng vật tư đến giáp đất xã Liêm Thủy	120
4	Từ đường tỉnh 256 thôn Nà Dăm đến hết đất thôn Nà Tuồng giáp đất thôn Nà Lũ, xã Thiện Long, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	120
5	Từ đường tỉnh 256 thôn Khu Chợ đến hết đất thôn Bắc Sen, giáp đất thôn Khuổi Tây B, xã Liêm Thủy và thôn Nặm Giàng, xã Đồng Xá	120
6	Các trục đường liên thôn chưa nêu ở trên	60

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
IV	Trung tâm xã Cư Lễ	
1	Trục QL3B	
1.1	Từ công bi thủy lợi Pò Rì đến cầu Cư Lễ II	192
1.2	Từ cầu Cư Lễ II đến cầu Cư Lễ I	90
1.3	Từ Kéo Cặp đến công Pò Rì (Cư Lễ)	48
1.4	Từ cầu Cư Lễ I đến hết địa phận Cư Lễ giáp xã Hữu Thác	36
2	Trục QL279	
2.1	Từ ngã ba QL3B đến công Sọ Ngù (đường đi Lạng Sơn)	192
2.2	Từ công Sọ Ngù đến công cua Vàng Héo	90
2.3	Từ công cua Vàng Héo đến hết đất Cư Lễ giáp Lạng Sơn	36
3	Các trục đường còn lại chưa nêu ở trên	36
V	Trung tâm xã Hảo Nghĩa	
1	Từ địa phận Hảo Nghĩa đến cầu Vàng Mười (Hảo Nghĩa)	60
2	Từ cầu Vàng Mười đến đầu cầu cứng (Hảo Nghĩa)	270
3	Từ đầu cầu cứng đến hết địa phận xã Hảo Nghĩa	54
4	Hai đầu cầu cứng Hảo Nghĩa xuống Ngâm	54
5	Đường 256 đoạn từ cầu Pác A đến công dưới nhà ông Cười, thôn Nà Chót	54
6	Đường liên thôn Nà Liêng, Nà Đấu, Nà Coòng từ nhà bà Len, thôn Nà Liêng đến công dưới nhà ông Kiểm, thôn Nà Coòng	48
7	Từ đường 256 vào thôn Khuổi A đến đường rẽ vào nhà ông Chấn	48
C	Các trục đường liên xã	
1	Các đường liên xã trong huyện	
1.1	Từ ngã ba (QL3B) Cư Lễ đến cầu Pác Ban (Văn Minh)	42
1.2	Các đường liên xã còn lại	36



Tên đơn vị hành chính		Giá đất
Các đường liên xã đi qua trung tâm các xã		
2.1 Xã Đông Xá		
-	Từ đường rẽ đi Nà Vạng đến đập tràn dưới nhà ông Tuấn	48
-	Từ đầu đập tràn dưới nhà ông Tuấn đến đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã	60
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến ngàm dưới nhà ông Đệ	48
-	Từ đường rẽ vào Ủy ban nhân dân xã đến cổng trường học	42
2.2 Xã Liêm Thủy		
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến hết nhà ông Thật	60
-	Từ nhà ông Thật (Na Pì) đến giáp đất Yên Cư (Chợ Mới)	48
-	Từ đường rẽ lên Ủy ban nhân dân xã đến Trạm Hạ thế Khuổi Dân	60
-	Từ ngã ba Lũng Deng đến giáp xã Xuân Dương	60
2.3 Xã Dương Sơn		
-	Từ cổng cạnh nhà ông Trích đến cầu Nà Giàu	60
-	Từ nhà ông Trích đến giáp xã Xuân Dương	42
-	Từ cầu Nà Giàu đến giáp đất Hào Nghĩa	42
-	Đường liên thôn Rầy Ồi - Khuổi Kheo	36
2.4 Xã Văn Minh		
-	Từ cầu treo Hát Sao đến cổng cạnh nhà ông Hỷ	42
-	Từ giáp đất Lam Sơn đến giáp ranh xã Lương Thành	42
2.5 Xã Ân Tình		
-	Từ Bó Cốc Mười (Nà Lặng) đến ngã ba thôn Nà Dường	42
2.6 Xã Văn Học		
-	Từ cầu Nà Bura đến Trạm Hạ thế số 01	42

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
-	Từ Trạm Hạ thế số 01 đến cầu Nà Tà	42
2.7	Xã Kim Hỷ	
-	Từ khe nước Khuổi Trà qua trụ sở Ủy ban nhân dân xã đến hết đất Nhà Văn hóa thôn Bản Vèn	42
-	Từ giáp đất Lương Thượng đến hết đất Kim Hỷ (QL279)	42
2.8	Xã Vũ Loan	
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đến hết nhà ông Cang (Thôm Khinh)	60
-	Từ ngàm Khuổi Khuông đi xã Cường Lợi đến hết đất xã Vũ Loan	42
-	Từ giáp đất nhà ông Cang (Thôm Khinh) đến đất nhà ông Hoàng Văn Giang, thôn Chang Ngòa	42
-	Từ Chợ Vũ Loan đến cầu Bắc Ái, thôn Khuổi Vạc	42
2.9	Xã Lương Thành	
-	Từ ngã ba QL279 đến hết đất Lương Thành (đường Lương Thành - Kim Lư)	36
-	Từ giáp đất Văn Minh đến rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành	42
-	Từ rọ kè đá Nà Khon, Lương Thành đến đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng)	60
-	Từ đường rẽ cầu treo (cửa nhà ông Thăng) đến hết đất Lương Thành giáp xã Lạng San	42
2.10	Xã Côn Minh	
-	Từ ngã ba Chợ B đi xã Cao Sơn đến hết thôn Chợ B	120
-	Từ Nà Làng đến địa phận thôn Bản Cuôn	60
-	Từ địa phận thôn Bản Cuôn đến hết thôn Bản Cào	48
-	Từ địa phận xã Côn Minh đến cầu Khuổi Mảng	90
-	Từ cầu Khuổi Mảng đến đến công bi (ao ông Đạo)	180
-	Từ công bi (ao ông Đạo) đến hết đất Côn Minh giáp đất	60




ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
2.11	Xã Hữu Thác	
-	Từ QL3B vào đến cổng xây Quan Làng	48
-	Từ cổng xây Quan Làng đến Suối Phai Cốc Lôm	48
-	Từ đường rẽ trường phổ thông cơ sở đến hết đất trụ sở Ủy ban nhân dân xã Hữu Thác	48
-	Từ địa phận Hữu Thác giáp Cư Lễ đến giáp xã Hào Nghĩa	60
2.12	Xã Quang Phong	
-	Từ QL3B đến hết địa phận Quang Phong đi Đồng Xá	54
-	Từ địa phận Quang Phong đến cổng Nà Lay (Quang Phong)	60
-	Từ cổng Nà Lay đến cầu Khuổi Can (Quang Phong)	72
-	Từ cầu Khuổi Can đến hết địa phận Quang Phong giáp xã Côn Minh	60
-	Từ nhà ông Hoàng Văn Tường, thôn Ka Đóng đến cổng ao ông Hoàng Hoa Lư (hết địa phận thôn Ka Đóng)	54
-	Từ nhà bà Hằng, thôn Quan Làng đi thôn Nà Và đến cổng Trường Mầm non xã Quang Phong	54
-	Từ cổng trường mầm non đi thôn Nà Cà đến cổng Khuổi Muồng	48
-	Từ cổng Khuổi Muồng đi thôn Tham Không đến cầu bê tông Khuổi Thiển	42
2.13	Xã Lương Thượng	
-	Từ giáp đất xã Lạng San đến cầu Nà Làng	48
-	Từ cầu Nà Làng đến giáp đất xã Kim Hỷ	36
D	Các vị trí chưa nêu ở trên	36
HUYỆN BẠCH THÔNG		
A	Khu vực các xã	
1	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phú Thông đến cầu Nà Món (bám dọc	1.680

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	QL3)	
2	Từ cầu Nà Món đến Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 (bám dọc QL3)	600
3	Đoạn tiếp giáp Trạm Bảo vệ K98 Quân khu 1 đến Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (bám dọc QL3)	300
4	Đoạn từ hết đất Nhà Bia tưởng niệm Đèo Giàng (đường Sỹ Bình - Vũ Muộn - Cao Sơn) đến hết địa phận huyện Bạch Thông	180
5	Từ tiếp giáp đất thị trấn Phủ Thông đến hết đất nhà ông Hà Văn Thập	1.620
6	Tiếp giáp từ nhà ông Hà Văn Thập đến công Ba Phường, xã Cẩm Giàng (bám dọc QL3)	900
7	Đoạn từ Cầu Đeng đến hết đất xã Phương Linh (bám dọc đường 258)	900
8	Đoạn từ giáp ranh đất thành phố Bắc Kạn đến hết địa giới đất Quang Thuận (bám dọc đường QL3B)	360
9	Từ giáp ranh đất xã Quang Thuận đến hết địa phận xã Dương Phong (bám dọc đường QL3B)	300
10	Đoạn tiếp giáp từ đất xã Phương Linh bám dọc tỉnh lộ 258 đến hết đất xã Vi Hương	180
11	Đường trục chính liên xã Hà Vị, Lục Bình, Tú Trĩ, Vi Hương, Phương Linh giáp tỉnh lộ 258	240
12	Từ ngã ba Bưu điện Tú Trĩ ra QL3	240
13	Từ trụ sở Ủy ban nhân dân xã Lục Bình đến nhà ông Lao Văn Huấn	300
14	Từ cầu thôn Khau Mạ đến cầu Tả Liên, thôn Nà Phả, xã Hà Vị	300
15	Đất ở trung tâm Ủy ban nhân dân các xã (cũ, mới) có khoảng cách 100m	300
16	Các đường trục xã và liên xã còn lại	180



STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
17	Đất còn lại trong huyện	60
B	Đất khu vực xã Cẩm Giàng và dọc đường QL3	
1	Đoạn từ cổng Ba Phường đến đường rẽ Nhà máy Gạch Tuynel Cẩm Giàng	1.200
2	Các ô đất lô 2 khu tái định cư luyện gang Cẩm Giàng và lô 2 khu chợ cũ Cẩm Giàng	600
3	Đoạn từ hết đường rẽ vào Nhà máy Gạch Tuynel đến giáp đất thành phố Bắc Kạn (bám dọc trục QL3)	900
4	Đoạn từ cách lộ giới QL3 20m lên cổng Trường Trung học cơ sở Cẩm Giàng (trừ lô 2 khu chợ cũ)	600
HUYỆN BA BÈ		
Đất khu du lịch, đất ven các trục đường giao thông, các khu trung tâm Ủy ban nhân dân xã, trung tâm chợ, đất ở nông thôn		
I	Đất khu du lịch	
1	Từ tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm - thôn Bản Nản, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường)	660
2	Từ tiếp đất ở nhà bà Hoàng Thị Diễm đến hết thôn Nà Mằm, xã Khang Ninh (dọc hai bên đường ĐT258)	600
3	Từ đập tràn Bó Lù đến hết thôn Pác Ngòi, xã Nam Mẫu	540
4	Khu vực Bến phà (bờ Bắc)	540
5	Khu vực nhà nghỉ Công ty Cổ phần Sài Gòn - Ba Bè	1200
6	Từ Trụ sở xã Nam Mẫu xuống Bến phà (bờ Nam)	540
7	Khu động Hua Mạ từ trung tâm đường rẽ lên động bán kính 100m	390
8	Từ ngã ba đường 258A (thôn Bản Vài) rẽ đi Cao Thượng (khu di tích lịch sử Đài Tiếng nói Việt Nam) đến nhà ông Dương Văn Hoàng, thôn Bản Vài (bên tả ly dương)	120
II	Đất ở dọc trục đường ĐT258 (dọc hai bên đường)	

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ tiếp đất thị trấn đến công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến, thôn Nà Mô, xã Địa Linh	600
2	Từ tiếp công cạnh nhà bà Hoàng Thị Chiến đến nhà ông La Dương Nước ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh	300
3	Tiếp từ ngã ba đường rẽ vào Bản Váng, xã Địa Linh đi về phía Phủ Thông (dọc hai bên đường ĐT258) đến hết đất huyện Ba Bể	210
4	Từ tiếp đất thị trấn đến hết đất xã Cao Trĩ	300
5	Đường ĐT258 từ đầu Cầu Trù cũ đi qua thôn Pù Mắt (xã Chu Hương)	180
III	Đường QL279 (dọc hai bên đường)	
1	Từ nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến hết nhà ông Đàm Văn Vụ, thôn Nà Ma, xã Hà Hiệu	210
2	Từ hết đất nhà ông Đàm Văn Vụ đến đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu	282
3	Từ đầu cầu treo sang trường học Hà Hiệu đến hết đất Ba Bể (đi thị trấn Nà Phặc)	210
4	Từ hết đất nhà ông Lý Văn Kiệm, thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu đến cầu treo Bản Hòn, xã Bành Trạch	150
5	Từ cầu treo Bản Hòn đến tiếp giáp đất thị trấn	192
6	Từ tiếp đất thị trấn qua Phiêng Chi, xã Thượng Giáo đến cầu Kéo Mắt, xã Cao Trĩ	300
7	Từ cầu Kéo Mắt, xã Cao Trĩ đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Cường đi Cao Tân	240
8	Tiếp đất xã Cao Trĩ đến hết đất xã Cao Thượng đi Tuyên Quang	150
IV	Đường ĐT253 (212)	
1	Từ ngã ba cầu Bản Mới đến hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn (thôn Bản Mới, xã Hà Hiệu)	210
2	Từ hết đất nhà ông Nguyễn Đạt Tuấn đến hết đất xã Hà Hiệu	150




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
3	Từ tiếp đất xã Hà Hiệu đến hết đất nhà ông Lý Văn Mến	150
4	Từ tiếp đất nhà ông Lý Văn Mến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Nam	180
5	Từ tiếp đất nhà ông Hoàng Văn Nam đến hết đất nhà ông Hoàng Văn La	150
V	Đường ĐT258B	
1	Từ đầu cầu Tin Đồn đến cống Kéo Ngay (đường đi Pác Nặm)	480
2	Từ cống Kéo Ngay đến nhà ông Hà Văn Thuận (thôn Nà Ché)	348
3	Từ nhà ông Hà Văn Thuận đến hết đất Ba Bể	162
VI	Các trục đường phụ	
1	Tiếp đất thị trấn đến cầu treo Cốc Phát (theo đường từ ngã ba Cầu Toòng)	420
2	Từ đất nhà bà Đinh Thị Vĩ TK9 đến hết đất nhà ông Triệu Huy Toàn, thôn Nà Hán (theo đường vào Bản Phục)	480
3	Từ đầu cầu Tin Đồn đến hết nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đi Cao Trĩ	480
4	Từ tiếp nhà ông Nguyễn Đỗ Kim (cũ) đến cầu Kéo Mắt, xã Cao Trĩ	240
5	Từ ngã ba rẽ đi Hoàng Trĩ đến ngã ba rẽ lên Đồn Đền, xã Quảng Khê	162
6	Đường từ Cao Trĩ đi Đồn Đền	180
7	Từ giáp đất xã Quảng Khê đến thác Tát Mạ, xã Hoàng Trĩ	150
8	Từ ngã ba đường 279 đến bến xuồng Pác Shai, xã Cao Thượng	180
9	Từ tiếp đất thị trấn đến ngã ba đường giao với đường từ nhà ông Mông Văn Thiện đến cầu treo Cốc Phát	270
10	Từ ngã ba thôn Thiêng Điểm (Phúc Lộc) đến ngã ba đường 279 thôn Nà Khao	120

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
VII	Các trục đường khác chưa nêu ở trên	72
	HUYỆN NGÂN SƠN	
A	Xã Lãng Ngâm	
I	Trục (QL3) (về phía Bạch Thông)	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	
1.1	Từ công Bó Lếch đến hết đất nhà ông Vương	300
1.2	Từ hết đất nhà ông Vương đến hết đất nhà ông Tiến	360
1.3	Từ hết đất nhà ông Tiến đến hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy	300
2	Từ hết đất nhà ông Phạm Ngọc Bảy đến hết đất Ngân Sơn (giáp huyện Bạch Thông)	120
3	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Slam Pác	72
4	Từ cầu Slam Pác đến QL279	60
5	Từ cách lộ giới (QL3) là 20m đến cầu thôn Bản Khét	72
6	Từ cầu Bản Khét đến trường học thôn Cùm Nhá	72
II	Đi về phía thị trấn Nà Phặc	
1	Từ công Bó Lếch đến hết đất Lãng Ngâm (giáp thị trấn Nà Phặc)	240
III	Tuyến QL279	
1	Từ ngã ba cách lộ giới (QL3) là 20m đến đường rẽ lên thôn Nà Toòng	120
2	Từ đường rẽ lên thôn Nà Toòng đến hết đất Lãng Ngâm	60
3	Từ cách lộ giới QL279 20m đến thôn Bó Tình	60
IV	Xung quanh chợ Lãng Ngâm (khoảng cách là 100m trở lại)	210
B	Khu vực xã Vân Tùng	
I	Trục QL3 (đi về phía Nam) dọc hai bên đường	




STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Từ đường Lâm trường đến hết đất nhà ông Lương Văn Thành	1.200
2	Từ hết đất nhà ông Lương Văn Thành đến cổng Trường Tiểu học Vân Tùng	780
3	Từ hết Trường Tiểu học Vân Tùng đến nhà bà Hoàng Thị Quế	
3.1	Khu đấu giá quyền sử dụng đất	1.560
3.2	Các khu vực còn lại	900
4	Từ hết đất nhà Hoàng Thị Quế đến nhà bà Hoàng Thị Duyên (đường rẽ Lăng Đồn)	360
5	Từ hết đất nhà bà Hoàng Thị Duyên (Lăng Đồn) đến đường rẽ thôn Cốc Lùng	180
6	Từ đường rẽ thôn Cốc Lùng đến hết đất Cây xăng Đèo Gió	210
7	Từ hết đất Cây xăng Đèo gió đến giáp đất thị trấn Nà Phặc	420
II	Trục QL3 (đi về phía Bắc dọc hai bên đường)	
1	Từ đường rẽ Lâm trường đến đường rẽ nhà ông Triệu Văn Ni	900
2	Từ hết đất nhà ông Triệu Văn Ni đến hết địa phận xã Vân Tùng (giáp đất xã Đức Vân)	240
III	Các trục đường khác	
1	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên trường nội trú	450
2	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến Trạm Truyền hình và Trường Trung học phổ thông Ngân Sơn	390
3	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m lên đến hết đất trụ sở Lâm trường	300
4	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m đến hết đất ông Hoàng Văn Cầm (khu I)	960
5	Từ hết đất ông Hoàng Văn Cầm đến hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II)	900

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
6	Từ hết đất ông Hoàng Văn Chúc (lô 69, khu II) đến ngã ba nhà ông Triệu Văn Nì (cách lộ giới QL3 20m)	690
7	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Cốc Đán) đến thôn Nà Lạn	120
8	Từ lộ giới đường (QL3) cách 20m (đường Vân Tùng - Thượng Quan) đến đất nhà ông Dương	390
9	Từ đất nhà ông Dương đến cầu Nà Nghè	240
10	Từ cầu Nà Nghè đến chân dốc Khưa Cấp	180
11	Xung quanh chợ Ngân Sơn (cách chợ là 100m)	420
12	Từ cách chợ Ngân Sơn 100m đến nhà ông Nguyễn Đức Bé	300
13	Đường Hồ Chí Minh đoạn Vân Tùng	210
C	Xã Đức Vân	
1	Từ địa phận xã Đức Vân (giáp đất xã Vân Tùng) đến hết đất nhà ông Lê Hữu Mười	240
2	Từ hết đất nhà ông Lê Hữu Mười đến đất nhà bà Nông Thị Chanh	300
3	Từ đất nhà Nông Thị Chanh đến hết đất Trường Tiểu học xã Đức Vân	390
4	Từ hai bên đường QL3 giáp đất Trường Tiểu học Đức Vân đến hết địa phận Đức Vân (giáp xã Bằng Vân)	180
5	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất nhà ông Lý Văn Nái (ĐT252)	180
6	Từ cách lộ giới QL3 20m đến hết đất thôn Bản Duồi (giáp xã Bằng Vân)	180
D	Khu vực xã Bằng Vân	
I	Trục đường QL3 về phía Cao Bằng	
1	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến đường rẽ đi xã Cốc Đán	1.200
2	Từ đường rẽ xã Cốc Đán đến đường rẽ mỏ đá (Pù Mò)	900




	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ đường rẽ mỏ đá đến cua Bát Bông	300
4	Từ cua Bát Bông đến hết đất Bằng Vân	
4.1	Từ cua Bát Bông đến hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương	150
4.2	Từ hết đất nhà ông Đặng Tuấn Dương đến hết đất Bằng Vân	120
5	Từ ngã ba rẽ khu A, B đến thôn Bản Duôi (xã Đức Vân)	180
6	Đường từ (QL3) cách 20m đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bằng Vân	180
II	Trục đường QL3 về phía Đức Vân	
1	Từ đường rẽ khu A, B đến hết đất nhà ông Ngô Văn Chung	900
2	Từ tiếp hết đất nhà ông Ngô Văn Chung đến hết đất xã Bằng Vân	420
3	Xung quanh chợ Bằng Vân (cách 200m)	300
4	Từ ngã ba rẽ đi Cốc Đán đến hết thôn Cốc Lải	210
5	Từ ngã ba cách lộ giới QL3 20m rẽ vào Đông Chót đến nhà ông Đỗ Văn Vinh	180
Đ	Xã Hương Nê	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đàm Văn Kiên, thôn Nậm Nầu đến đất nhà bà Long Thị Hương	150
2	Từ đất nhà bà Long Thị Hương đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2)	360
3	Từ nhà ông Địch Xuân Bồng đến thôn Bản Cẩu (đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$)	90
4	Từ hết đất nhà ông Hoàng Văn Thắng (Bản Quản 2) đến nhà ông Hoàng Văn Tự, thôn Nà Nạc 1	150
E	Xã Thuần Mang	
1	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đinh Thiện Út đến Cây xăng Sáng Thế	900
2	Đoạn từ đường QL279 cách 20m đến hết đường trung tâm nội	420

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	bộ xã Thuận Mang	
3	Từ Cây xăng Sáng Thế đến nhà ông Bé Đình Hùng (QL279) và đến cầu sắt Bản Giang (ĐT252)	270
4	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Bé Đình Hùng đến cầu Nà Chúa	180
5	Đường QL279 đoạn từ nhà ông Đình Thiện Út đến hết đất nhà ông Nông Văn Tý	270
6	Từ tiếp hết đất nhà ông Nông Văn Tý đến cầu sắt thôn Nà Mu (QL279)	210
7	Đường QL279 đoạn từ cầu sắt Nà Mu đến nhà ông Triệu Văn Tàn (thôn Khuổi Tục)	150
8	Đường Khu Chợ - Bản Bạng đoạn từ đất nhà ông Đình Thiện Lạng đến nhà ông Đình Thiện Bình	150
9	Đường Khu Chợ - Bản Bạng đoạn từ cầu Bản Bạng đến nhà bà Đình Thị Xuyên (thôn Bản Bạng)	72
G	Khu vực các xã còn lại	
1	Khu vực trung tâm các xã (gần trụ sở Ủy ban nhân dân xã và Chợ có khoảng cách 200m)	132
2	Các trục đường liên xã chưa nêu ở trên	72
3	Các trục đường liên thôn có mặt đường $\geq 03m$	60
4	Đất các xã còn lại chưa nêu ở trên	54
	HUYỆN PÁC NẠM	
I	Đất tại trung tâm xã Bộc Bó	
1	Từ đầu cống Kha Mu đến cầu Bó Lục	192
2	Từ cầu Bó Lục đến giáp đất nhà ông Đoàn Văn Tiến	750
3	Từ đất nhà ông Đoàn Văn Tiến đến hết đất nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều)	1.200
4	Tiếp nhà ông Hoàng Văn Lý (ngã ba Nà Diều) đến hết đất nhà ông Nông Văn Viết	1.140



	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
5	Tiếp nhà ông Nông Văn Viêt đến cống qua đường cạnh nhà bà Liên	432
6	Từ cống qua đường cạnh nhà bà Liên đến đầu cầu Pác Cốp đi Bằng Thành	192
7	Từ ngã ba Nà Diều theo trục đường 258B đến hết nhà bà Dương Thị Hoa (đường lên trường tiểu học)	1.200
8	Từ ngã tư đường đi Nhạn Môn đến đầu đập tràn Nà SLa	1.800
9	Từ đập tràn Nà SLa (nhà ông Quách Văn Doanh) đến đường rẽ đi Khâu Đắng	420
10	Từ đường rẽ lên Khâu Đắng đến cống Cốc Lải (trục đường Bộc Bó - Nhạn Môn)	192
11	Từ ngã ba Điện lực dọc theo đường vào Khối Nội chính đến đầu ngã ba (Nhà thi đấu đa năng)	1.050
12	Từ ngã ba bắt đầu từ cống qua công trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện đến hết ngã tư chợ	2.910
13	Từ ngã ba Nà Diều (đường giao thông nông thôn Đông Léo) đến cổng phụ Trường Tiểu học Bộc Bó	750
14	Đất tại vị trí khác chưa nêu ở trên trong khu trung tâm huyện	210
15	Đất tại lô 2 khu dân cư xã Bộc Bó	1.200
16	Từ ngã ba bắt đầu từ cống, dọc theo tường rào Ủy ban nhân dân huyện đến hết tường rào Huyện ủy (đường đi Khâu Vai)	900
17	Từ tường rào Huyện ủy đến hết nhà ở ông Quách Văn Giai	300
18	Từ nhà ông Quách Văn Giai đến ngã ba đường Bộc Bó - Cỗ Linh	66
19	Từ ngã ba Bưu điện (đất ở dọc trục đường 27m) đến đất nhà ông Đỗ Đình Ba	3.000
20	Tiếp đất nhà ông Đỗ Đình Ba đến cổng Trường Nội trú	2.100
21	Từ cổng trường Nội trú đến đầu cầu treo đường đi Nà Phầy	525
22	Từ đầu cầu treo đường đi Nà Phầy đến đập tràn Nậm Mây	156

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
23	Từ đường 258B đến khu dân cư Nà Lặng	240
24	Đất tại các tuyến đường cắt ngang đường 27m vào khu vực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện	1.080
25	Từ ngã ba đường rẽ Khâu Đẳng đến cầu treo Tả Quang	192
26	Đường thuộc dự án hạ tầng khu dân cư (sau Kho bạc, song song đường 27m)	1.440
27	Đường từ Thảm Én đến đầu cầu treo Tả Quang	192
28	Từ ngã ba Nặm Mây (đường Bộc Bó - Cổ Linh) đến hết nhà ông Dương Văn Dư	90
II	Đất tại các vị trí khác thuộc trục đường tỉnh lộ 258B (trừ đất ở xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch)	153
1	Xã Nghiên Loan	
1.1	Từ Trạm Kiểm lâm đến nhà ông Lý Văn Năm (thôn Khuổi Muồng)	90
1.2	Từ nhà ông Hứa Văn Thánh (thôn Khuổi Muồng) đến nhà ông Nông Văn Tới (thôn Nà Vài)	153
1.3	Từ nhà ông Lô Văn Lưu (thôn Nà Vài) đến đỉnh Đèo Yêu (giáp đất xã Xuân La)	90
2	Xã Xuân La	
2.1	Từ đỉnh Đèo Yêu (giáp đất xã Nghiên Loan) đến cống Lông Pạo (thôn Thôm Mèo)	90
2.2	Từ cống Lông Pạo, thôn Thôm Mèo đến đầu đường rẽ vào thôn Khuổi Khi	153
2.3	Từ ngã ba đầu đường rẽ thôn Khuổi Khi đến đỉnh đèo Kéo Pjáo (giáp đất xã Bộc Bó)	90
3	Đất tại các xã còn lại	153
III	Các trục đường liên xã	



ST	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Đất thuộc các trục đường liên xã	60
2	Từ cầu Pác Cóp đi Bằng Thành đến hết đất nhà ông Ma Văn Chân (xã Bộc Bó)	132
3	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (thuộc trục đường tỉnh lộ 258B)	204
4	Đất xung quanh trụ sở Ủy ban nhân dân xã (mới, cũ), xung quanh Bưu điện xã, chợ xã và trường học (trường chính) có khoảng cách 300m tính từ ranh giới quy hoạch (các trục đường còn lại)	153
IV	Các vị trí còn lại chưa nêu ở trên	
1	Xã Bộc Bó	60
2	Xã Giáo Hiệu, Nghiên Loan, Xuân La	48
3	Xã An Thắng, Bằng Thành, Cao Tân, Cổ Linh, Nhạn Môn, Công Bằng	36

XII. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ KHI ÁP DỤNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT

1. Những nguyên tắc khi áp dụng giá đất

1.1. Khi áp dụng giá đất cần xác định rõ nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm sử dụng đất, chủ sử dụng của từng thửa đất để sử dụng Bảng giá đất một cách chính xác, không được tự ý thay đổi đơn giá so với vị trí khu đất được quy định trong bảng giá.

1.2. Khi áp dụng giá đất cần xác định đúng loại đất, vùng đất, vị trí đất, loại đường phố và xác định chính xác độ chênh cao thấp của vị trí đất so với mặt đường phố, mặt đường trong khu dân cư hoặc cốt nền trong quy hoạch.

1.3. Trong thời gian thực hiện Bảng giá đất khi Chính phủ điều chỉnh khung giá đất và giá đất phổ biến trên thị trường có biến động hoặc cấp có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, thay đổi mục đích sử dụng đất và bổ sung các tên đường, phố chưa có tên trong Bảng giá đất hiện hành nhưng không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số

44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ giá đất trong Bảng giá đất hiện hành để quy định bổ sung giá đất trong Bảng giá đất và trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi Quyết định ban hành.

1.4. Việc xác định loại đất tại thực địa khi áp dụng Bảng giá đất phải căn cứ vào Điều 11 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai và Mục 2 - Khái niệm loại đất, kèm theo bản quy định cụ thể này.

2. Khái niệm loại đất

2.1. Đất nông nghiệp - NNP: Là đất sử dụng vào mục đích sản xuất, nghiên cứu, thí nghiệm về nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối và mục đích bảo vệ, phát triển rừng; bao gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác (kể cả đất làm bờ lô, bờ thửa nằm trong khu đất của một đối tượng sử dụng đất để phục vụ cho mục đích nông nghiệp của đối tượng đó).

2.1.1. Đất chuyên trồng lúa nước - LUC: Là ruộng trồng lúa nước (gồm cả ruộng bậc thang), hằng năm cấy trồng từ hai vụ lúa trở lên, kể cả trường hợp có luân canh, xen canh với cây hằng năm khác hoặc có khó khăn đột xuất mà chỉ trồng cấy được một vụ hoặc không sử dụng trong thời gian không quá một năm.

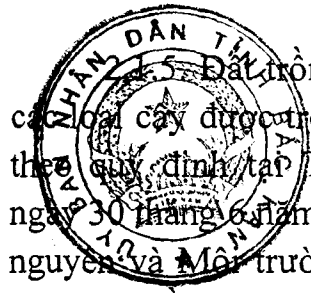
2.1.2. Đất trồng lúa nước còn lại - LUK: Là ruộng trồng lúa nước (gồm cả ruộng bậc thang), hằng năm chỉ trồng được một vụ lúa, kể cả trường hợp trong năm có thuận lợi mà trồng thêm một vụ lúa hoặc trồng thêm cây hằng năm khác hoặc do khó khăn đột xuất mà không sử dụng trong thời gian không quá một năm.

2.1.3. Đất trồng lúa nương - LUN: Là đất chuyên trồng lúa trên sườn đồi, núi dốc từ một vụ trở lên, kể cả trường hợp trồng lúa không thường xuyên theo chu kỳ và trường hợp có luân canh, xen canh với cây hằng năm khác.

2.1.4. Đất trồng cây hàng năm khác - HNK: Là đất trồng các cây hằng năm không phải là trồng lúa, như các loại cây rau, màu; kể cả cây dược liệu, mía, đay, gai, cói, sả, dâu tằm và đất trồng cỏ hoặc cỏ tự nhiên có cải tạo để chăn nuôi gia súc.

- *Đất bằng trồng cây hàng năm khác - BHK*: Là đất bằng phẳng ở đồng bằng, thung lũng, cao nguyên để trồng cây hàng năm khác.

- *Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác - NHK*: Là đất trồng cây hàng năm khác trên sườn đồi, núi dốc, kể cả trường hợp trồng cây hàng năm khác không thường xuyên nhưng theo chu kỳ.



Đất trồng cây lâu năm - CLN: Là đất sử dụng vào mục đích trồng các loại cây được trồng một lần, sinh trưởng và cho thu hoạch trong nhiều năm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định loại cây lâu năm được chứng nhận quyền sở hữu, bao gồm:

- Cây công nghiệp lâu năm: Là cây lâu năm cho sản phẩm dùng làm nguyên liệu để sản xuất công nghiệp hoặc phải qua chế biến mới sử dụng được như cây cao su, ca cao, cà phê, chè, điều, hồ tiêu, dừa, v.v;

- Cây ăn quả lâu năm: Là cây lâu năm cho sản phẩm là quả để ăn tươi hoặc kết hợp chế biến như cây bưởi, cam, chôm chôm, mận, mơ, măng cụt, nhãn, sầu riêng, vải, xoài, v.v;

- Cây dược liệu lâu năm là cây lâu năm cho sản phẩm làm dược liệu như hồi, quế, đỗ trọng, long não, sâm, v.v;

- Các loại cây lâu năm khác là các loại cây lâu năm để lấy gỗ, làm bóng mát, tạo cảnh quan (như cây xoan, bạch đàn, xà cừ, keo, hoa sữa, bụt mọc, lộc vừng, v.v); kể cả trường hợp trồng hỗn hợp nhiều loại cây lâu năm khác nhau hoặc có xen lẫn cây lâu năm và cây hằng năm.

Trường hợp đất trồng cây lâu năm có kết hợp nuôi trồng thủy sản, kinh doanh dịch vụ thì ngoài việc thống kê theo mục đích trồng cây lâu năm còn phải thống kê thêm theo các mục đích khác là nuôi trồng thủy sản, sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (trường hợp sử dụng đồng thời vào cả hai mục đích khác thì thống kê theo cả hai mục đích đó).

2.1.6. Đất lâm nghiệp

- Đất rừng sản xuất - RSX: Là đất sử dụng vào mục đích cung cấp lâm sản; sản xuất, kinh doanh lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp; du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Đất rừng phòng hộ - RPH: Là đất để sử dụng vào mục đích bảo vệ nguồn nước, bảo vệ đất, chống xói mòn, sạt lở, lũ quét, lũ ống, chống sa mạc hóa, hạn chế thiên tai, điều hòa khí hậu, góp phần bảo vệ môi trường, quốc phòng, an ninh, kết hợp du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí; cung ứng dịch vụ môi trường rừng.

- Đất rừng đặc dụng - RDD: Là đất để sử dụng vào mục đích bảo tồn hệ sinh thái rừng tự nhiên, nguồn gen sinh vật rừng, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh kết hợp du lịch sinh thái; nghỉ dưỡng, giải trí trừ phân khu bảo vệ nghiêm ngặt của rừng đặc dụng; cung ứng dịch vụ môi trường rừng (như vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên;

khu bảo tồn loài - sinh cảnh; khu bảo vệ cảnh quan bao gồm rừng bảo tồn di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; rừng tín ngưỡng; rừng bảo vệ môi trường đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao; khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học; vườn thực vật quốc gia; rừng giống quốc gia).

2.1.7. Đất nuôi trồng thủy sản - NTS: Là đất được sử dụng chuyên vào mục đích nuôi, trồng thủy sản nước lợ, nước mặn và nước ngọt.

2.1.8. Đất nông nghiệp khác - NKH: Gồm đất sử dụng để xây dựng nhà kính và các loại nhà khác phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; xây dựng chuồng, trại chăn nuôi gia súc, gia cầm và các loại động vật khác được pháp luật cho phép, kể cả các loại nhà khác gắn liền với khu vực chuồng trại để phục vụ cho chăn nuôi; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh.

2.2. Đất ở - OTC

- Là đất để xây dựng nhà ở, các công trình phục vụ cho đời sống và vườn, ao gắn liền với nhà ở đã được công nhận là đất ở. Trường hợp thửa đất có vườn ao gắn liền với nhà ở mà chưa được công nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất ở được xác định tạm thời bằng hạn mức giao đất ở mới theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Đất ở bao gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị.

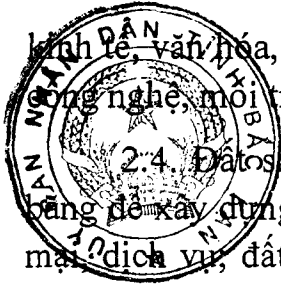
2.2.1. Đất ở tại nông thôn - ONT: Là đất ở thuộc phạm vi địa giới hành chính các xã, trừ đất ở tại khu đô thị mới đã thực hiện theo quy hoạch phát triển các quận, thành phố, thị xã, thị trấn nhưng hiện tại vẫn thuộc xã quản lý.

2.2.2 Đất ở tại đô thị - ODT: Là đất ở thuộc phạm vi địa giới hành chính các phường, thị trấn, kể cả đất ở tại các khu đô thị mới đã thực hiện theo quy hoạch phát triển các quận, thành phố, thị xã, thị trấn nhưng hiện tại vẫn do xã quản lý.

2.3. Đất chuyên dùng - CDG: Bao gồm đất trụ sở cơ quan nhà nước; đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất quốc phòng; đất an ninh; đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất sử dụng vào mục đích công cộng.

2.3.1. Đất xây dựng trụ sở cơ quan - TSC: Là đất sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở hoặc văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2.3.2. Đất xây dựng công trình sự nghiệp - DSN: Là đất xây dựng các công trình sự nghiệp công lập, ngoài công lập thuộc các ngành và lĩnh vực về



kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục và đào tạo, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường, ngoại giao và các công trình sự nghiệp khác.

2.4. Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp - CSK: Là đất làm mặt bằng để xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất; đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (kể cả trụ sở, văn phòng đại diện, sân kho và nhà kho của tổ chức kinh tế); đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản; đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm.

2.4.1. Đất thương mại, dịch vụ - TMD: Là đất sử dụng xây dựng các cơ sở kinh doanh, dịch vụ, thương mại và các công trình khác phục vụ cho kinh doanh, dịch vụ, thương mại (kể cả trụ sở; văn phòng đại diện của các tổ chức kinh tế; đất làm kho, bãi để hàng hóa của tổ chức kinh tế không thuộc khu vực sản xuất; bãi tắm).

2.4.2. Đất cho hoạt động khoáng sản - SKS: Là đất để thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản gắn liền với khu vực khai thác khoáng sản, đất xây dựng các công trình phục vụ cho hoạt động khoáng sản (kể cả trụ sở, nhà nghỉ giữa ca và các công trình khác phục vụ cho người lao động gắn liền với khu vực khai thác khoáng sản) và hành lang an toàn trong hoạt động khoáng sản; trữ khoáng sản là đất, đá, cát, sỏi sử dụng để sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, sứ, thủy tinh.

2.4.3. Đất sản xuất vật liệu xây dựng - SKX: Là đất để khai thác nguyên liệu đất, đá, cát, sỏi và đất làm mặt bằng chế biến, sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm, sứ, thủy tinh gắn liền với khu vực khai thác.

2.5. Đất sử dụng vào mục đích công cộng - CCC: Là đất sử dụng vào các mục đích giao thông; thủy lợi; đất có di tích lịch sử - văn hóa; đất danh lam thắng cảnh; đất sinh hoạt cộng đồng; đất khu vui chơi, giải trí công cộng; đất công trình năng lượng; đất công trình bưu chính, viễn thông; đất chợ; đất bãi thải, xử lý chất thải và công trình công cộng khác.

2.6. Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng - NTĐ: Là đất để làm nơi mai táng tập trung, đất có công trình làm nhà tang lễ và công trình để hỏa táng.

2.7. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối - SON: Là đất có mặt nước của các đối tượng thủy văn dạng tuyến không có ranh giới khép kín để tạo thành thửa đất được hình thành tự nhiên hoặc nhân tạo phục vụ cho mục đích thoát nước, dẫn nước.

2.8. Đất có mặt nước chuyên dùng - MNC: Là đất có mặt nước của các đối tượng thủy văn dạng ao, hồ, đầm có ranh giới khép kín để hình thành thửa

đất, thuộc phạm vi các đô thị và các khu dân cư nông thôn hoặc ngoài khu đô thị, khu dân cư nông thôn nhưng không sử dụng chuyên vào mục đích chuyên nuôi trồng thủy sản, thủy điện, thủy lợi.

2.9. Đất phi nông nghiệp khác - PNK: Gồm đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động trong cơ sở sản xuất; đất xây dựng kho và nhà để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và đất xây dựng công trình khác của người sử dụng đất không nhằm mục đích kinh doanh mà công trình đó không gắn liền với đất ở.

2.10. Đất chưa sử dụng - CSD: Là đất chưa được đưa vào sử dụng cho các mục đích theo quy định của Luật Đất đai, bao gồm đất bằng chưa sử dụng, đất đồi núi chưa sử dụng, núi đá không có rừng cây.

3. Quy định vị trí xác định giá đất

3.1. Đối với đất ở: Chiều sâu thửa đất tính từ chỉ giới hè đường, phố hoặc ngõ được phân chia thành các vị trí để tính giá như sau:

- Vị trí 1: Tính từ chỉ giới hè đường, phố hoặc ngõ đến 20m, tính bằng 100% mức giá quy định.

- Vị trí 2: Tính từ chỉ giới hè đường, phố hoặc ngõ từ trên 20m đến 40m tính bằng 70% mức giá của vị trí 1.

- Vị trí 3: Tính từ chỉ giới hè đường, phố hoặc ngõ đến trên 40m trở lên tính bằng 40% mức giá của vị trí 1.

(Riêng đối với đất chuyên dùng đơn giá được tính chung cho toàn bộ phần diện tích đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất).

3.2. Giá đất của thửa đất có độ chênh cao, thấp khác nhau:

- Trường hợp có độ chênh lệch độ cao nhưng cao hơn mặt đường hiện tại:

+ Cao hơn mặt đường từ 01m đến nhỏ hơn 02m giảm giá 10%

+ Cao hơn mặt đường từ 02m đến nhỏ hơn 04m giảm giá 20%

+ Cao hơn mặt đường từ 04m đến nhỏ hơn 06m giảm giá 30%

+ Cao hơn mặt đường từ 06m trở lên giảm giá 40%

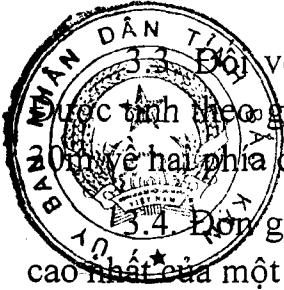
- Trường hợp có độ chênh lệch nhưng thấp hơn mặt đường hiện tại:

+ Thấp hơn mặt đường từ 01m đến nhỏ hơn 02m giảm giá 10%

+ Thấp hơn mặt đường từ 02m đến nhỏ hơn 04m giảm giá 20%

+ Thấp hơn mặt đường từ 04m đến nhỏ hơn 06m giảm giá 30%

+ Thấp hơn mặt đường từ 6m trở lên giảm giá 40%



Đội với các vị trí giáp ranh của các mức giá trên cùng trục đường: Được tính theo giá bình quân giữa hai mức giá, điểm xác định tối đa không quá 0,5m về hai phía cùng trục đường.

3.4. Đơn giá của thửa đất bám hai mặt đường phố: Được tính cho đơn giá cao nhất của một trong hai mặt đường phố đó.

4. Quy định cụ thể mức giá một số loại đất

4.1. Giá đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường được tính bằng 1,2 lần mức giá đất nông nghiệp cùng loại trong Bảng giá đất.

4.2. Giá đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng: Được tính bằng 100% giá đất rừng sản xuất có vị trí liền kề hoặc tại vùng lân cận gần nhất.

4.3. Giá đất nông nghiệp khác: Được tính bằng 100% giá đất nông nghiệp liền kề cao nhất đã quy định trong bảng giá. Trường hợp liền kề với nhiều loại đất nông nghiệp khác nhau thì giá được tính bằng cách lấy bình quân số học của các mức giá đất tại vị trí liền kề.

4.4. Giá đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh: Được tính bằng 100% giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp có vị trí liền kề cao nhất.

4.5. Giá đất xây dựng trụ sở cơ quan, xây dựng công trình sự nghiệp: Được tính bằng 100% giá đất ở tại vị trí liền kề cao nhất.

4.6. Giá đất phi nông nghiệp do cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng sử dụng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất phi nông nghiệp khác: Được tính bằng 100% giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại khu vực lân cận.

4.7. Giá đất sông, ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng

- Trường hợp sử dụng vào mục đích nuôi trồng thủy sản: Được tính bằng 100% giá đất nuôi trồng thủy sản tại địa phương.

- Trường hợp sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp hoặc sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp kết hợp với nuôi trồng khai thác thủy sản: Được tính bằng 50% giá đất phi nông nghiệp cùng mục đích sử dụng liền kề cao nhất.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc khi áp dụng bảng giá đất thì đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các chủ đầu tư công trình liên hệ với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xem xét, giải quyết hoặc báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định./.